

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF

Số/No.: 250331/FUEKIV30-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 31, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam

Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd

- Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF*

- Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIV30*

- Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225

- Email: etf@koreainvestment.com.vn

Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure:*

Công bố thông tin Tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (Mã chứng khoán: FUEKIV30) dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Information disclosure of the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for the 2024 Fiscal Year of KIM Growth VN30 ETF (Securities code: FUEKIV30) in the form of collecting written opinions from Investors.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 31/3/2025 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>

This information was disclosed on Fund Management Company's website on March 31, 2025, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/ *Attachments:*

Toàn bộ Tài liệu họp/ *AGM's documents.*



Đại diện công bố thông tin

YUN HANG JIN

Giám đốc/ *General Director*



DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
LIST OF MEETING DOCUMENTS
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024
KIM GROWTH VN30 ETF

(Đính kèm Thư mời tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư)
(Attached to the Invitation to attend the AGM)

1. Thư mời tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
Invitation to attend the AGM FY2024 in the form of collecting Investors' opinions in writing.
2. Chương trình Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ.
Agenda of the AGM FY2024.
3. Tờ trình các nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
Proposal of contents requiring Investors' opinions in writing.
4. Quy chế tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
Regulations on organization of the AGM FY2024 in the form of collecting Investors' opinions in writing.
5. Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (Mẫu).
Opinion Form (Sample).
6. Dự thảo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ.
Draft Resolution of the AGM FY2024.
7. Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025.
Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025.
8. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ.
Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024.
9. Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát.
Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank.
10. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ.
Audited 2024 financial statements of the Fund.

THAM DỰ ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024 DƯỚI HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

ATTENDING THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FY2024 IN THE FORM OF COLLECTING INVESTORS' OPINIONS IN WRITING

Kính gửi: Quý Nhà Đầu Tư
Respectfully to: Esteemed Investors

Căn cứ Điều Lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành, Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“**Quỹ**”) trân trọng thông báo đến Quý Nhà Đầu Tư về việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

*Pursuant to the Fund Charter and applicable laws, KIM Growth VN30 ETF (“**Fund**”) respectfully informs the Investors of the organization of the Fund’s Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 in the form of collecting Investors’ opinions in writing.*

Bằng Thư mời này, Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“**KIM**”) kính mời Quý Nhà Đầu Tư tham gia lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ với thông tin chi tiết như sau:

*By this Invitation, KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd (“**KIM**”) would like to invite the Investors to participate in collecting written opinions to approve the Resolution of the Fund’s Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 with detailed information as follows:*

1. Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư: Từ ngày 31/3/2025 đến 17:00 ngày 22/4/2025.

Investors’ opinions collecting time: From March 31, 2025 to 5 p.m. April 22, 2025.

2. Nội dung lấy ý kiến Nhà Đầu Tư: Theo Tờ trình được gửi kèm Thư mời.

Contents requiring Investors’ opinions in writing: According to the Proposal enclosed with the Invitation.

3. Tài liệu Đại Hội: Chương trình Đại Hội, tài liệu họp và dự thảo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của KIM.

Meeting documents: The meeting agenda, meeting documents and the draft Resolution of the Annual General Meeting of Investors have been posted on the KIM’s website.

**Tải tài liệu Đại Hội/Download the meeting documents: <https://koreainvestment.com.vn/vi/kim-fund/quy-etf-kim-growth-vn30>.*

4. Tham gia lấy ý kiến/Participation in collecting opinions:

4.1. Nhà Đầu Tư tham gia lấy ý kiến tại Đại Hội Nhà Đầu Tư này là Nhà Đầu Tư có tên trong Danh sách Nhà Đầu Tư của Quỹ tính đến cuối ngày 20/3/2025.

Investors participating in collecting opinions at this Annual General Meeting of Investors are Investors named in the Fund’s Investors List at March 20, 2025.

4.2. Quý Nhà Đầu Tư vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến đã điền đầy đủ thông tin, ký, đóng dấu (nếu có) cho KIM theo phương thức:

Investors are kindly requested to send the completed, signed and stamped Opinion Form (if any) to KIM according to the following method:





QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF
(UEKIV30)

COMPANY
TRÌNH
QUẢN LÝ
KIM VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2024
AGENDA OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS
FOR FISCAL YEAR 2024



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024 CỦA
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30**

**AGENDA OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024 OF
KIM GROWTH VN30 ETF**

| | |
|------------------|--|
| <p>A.</p> | <p>Thời gian tổ chức/Organization time Hình thức tổ chức : Lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản <i>Organizational form Collecting Investors' opinions in writing</i> Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư : Từ ngày 31/3/2025 đến 17:00 ngày 22/4/2025 <i>Investors' opinions collecting time From March 31, 2025 to 5 p.m. April 22, 2025</i> Thời gian tổng hợp và kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư : Từ ngày 23/4/2025 đến ngày 25/4/2025 <i>Investors' opinions synthesizing time and vote counting time From April 23, 2025 to April 25, 2025</i> Địa điểm nhận thư : Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam <i>Place to receive Investors' opinions KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i> Địa chỉ: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam</i> Điện thoại/Tel: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225 Email: etf@koreainvestment.com.vn</p> |
| <p>B.</p> | <p>Nội dung lấy ý kiến Nhà Đầu Tư/Contents requiring Investors' opinions in writing 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025.</p> |

| | |
|----|---|
| | <p><i>Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025.</i></p> <p>2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ. <i>Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund.</i></p> <p>3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát. <i>Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank.</i></p> <p>4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ. <i>Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024.</i></p> <p>5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024. <i>Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024.</i></p> <p>6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ. <i>Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025.</i></p> |
| C. | <p>Tài liệu Đại Hội/Meeting documents</p> <p>Toàn bộ tài liệu Đại Hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử: https://koreainvestment.com.vn/vi/kim-fund/quy-etf-kim-growth-vn30. <i>Meeting documents are posted on the website: https://koreainvestment.com.vn/vi/kim-fund/quy-etf-kim-growth-vn30.</i></p> |

TỜ TRÌNH
CÁC NỘI DUNG CẦN LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN TẠI
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024 CỦA
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

REPORT
CONTENTS REQUIRING INVESTORS' OPINIONS IN WRITING AT
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024
OF KIM GROWTH VN30 ETF

Kính gửi: Quý Nhà Đầu Tư
Respectfully to: Esteemed Investors

Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam kính trình Quý Nhà Đầu Tư các nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("**Quỹ**") như sau:

*KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd would like to present to the Investors the contents requiring Investors' opinions in writing to approve the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of the KIM Growth VN30 ETF ("**Fund**") as follows:*

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025 đính kèm.
Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025 attached.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ đính kèm.
Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund attached.
3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát đính kèm.
Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank attached.
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ đính kèm.
Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024 attached.
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024.
Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024.
6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ.
Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025.

Cơ sở đề xuất: Điều 54 Điều Lệ Quỹ

Pursuant to: Article 54 of the Fund Charter

"Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu



Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Điều 31.6 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

Every year, the Fund Management Company shall propose an Auditing Firm to submit to the General Meeting of Investors for selection. In case the General Meeting of Investors authorizes the Fund Representative Board as prescribed in Article 31.6 of this Charter, the Fund Representative Board shall select an Auditing Firm to conduct a review and audit for the Fund. The selected Auditing Firm must satisfy the following conditions:

54.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp/*Have a license to provide auditing services issued by the Ministry of Finance.*

54.2. Nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận/*Included in the list of auditing firms approved by the State Securities Commission.*

54.3. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát/*Not a Related Person of the Fund Management Company or Supervisory Bank.*

54.4. Có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện kiểm toán cho các quỹ đầu tư/*Reputable and experienced in performing audits for investment funds.*

Trân trọng/*Sincerely.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ho Chi Minh City, March 31, 2025

Thay mặt và đại diện/*For and on behalf of*

CÔNG TY TNHH

QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD



Yan Hang Jin

Tổng Giám đốc

General Director



QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024 CỦA QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 DƯỚI HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

REGULATIONS ON ORGANIZATION OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024 OF KIM GROWTH VN30 ETF IN THE FORM OF COLLECTING INVESTORS' OPINIONS IN WRITING

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU/PURPOSE AND REQUIREMENTS

1. **Mục đích:** Tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Purpose: To organize the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of KIM Growth VN30 ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing.

2. **Yêu cầu:** Việc tổ chức và thực hiện lấy ý kiến Nhà Đầu Tư phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan và phù hợp với Điều Lệ Quỹ, quy định pháp luật có liên quan.

Requirements: The organization and collection of Investors' opinions must ensure accuracy, truthfulness, objectivity and compliance with the Fund Charter and relevant laws.

II. NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN/PRINCIPLES FOR COLLECTING OPINIONS

1. **Tổng số phiếu phát ra:** Là tổng số Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam ("KIM") gửi đến Nhà Đầu Tư theo Danh sách Nhà Đầu Tư thực hiện quyền biểu quyết chốt tại ngày 20/3/2025.

Total number of opinion forms issued: Is the total number of Opinion Forms sent by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("KIM") to the Investors according to the List of Investors exercising voting rights at March 20, 2025.

2. **Tổng số phiếu thu về:** Là tổng số Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư đã trả lời, được gửi về cho KIM và KIM nhận được trong thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư nêu tại Mục 3 dưới đây.

Total number of opinion forms received: Is the total number of Opinion Forms answered by the Investors, sent to KIM, and received by KIM during the Investors' opinions collecting time set forth in Section 3 below.

3. **Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư:** Từ ngày 31/3/2025 đến 17:00 ngày 22/4/2025.

Investors' opinions collecting time: From March 31, 2025 to 5 p.m. April 22, 2025.

4. **Phiếu lấy ý kiến hợp lệ/không hợp lệ/Valid/invalid Opinion Form:**

a. Phiếu lấy ý kiến hợp lệ là Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư đáp ứng toàn bộ các tiêu chí sau/A valid Opinion Form is an Opinion Form that meets all of the following criteria:

- Theo mẫu cập nhật mới nhất do KIM phát hành và đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của KIM tại địa chỉ: <https://koreainvestment.com.vn/vi/kim-fund/quy-etf-kim-growth-vn30>.

According to the latest updated sample issued by KIM and posted on its website at: <https://koreainvestment.com.vn/vi/kim-fund/quy-etf-kim-growth-vn30>.



- Không bị rách, gach, tẩy xóa, thay đổi, bổ sung nội dung.
No tearing, crossing out, erasing, adjusting, or adding content.
- Đã được trả lời và được ký, đóng dấu (nếu có) hợp lệ bởi Nhà Đầu Tư hoặc Người Được Ủy Quyền đã đăng ký với KIM.
Answered and duly signed and stamped (if any) by the Investor or its Authorized Person registered with KIM.

- **Được gửi về cho KIM và KIM nhận được trước 17:00 ngày 22/4/2025.**

Sent to KIM and received by KIM before 5 p.m. April 22, 2025.

- b. Phiếu lấy ý kiến không đảm bảo một trong các tiêu chí nêu tại Mục 4(a) nêu trên sẽ bị xem là không hợp lệ.

An Opinion Form that does not meet one of the criteria set forth in Section 4(a) above will be considered invalid.

- c. Trường hợp Nhà Đầu Tư tải Phiếu lấy ý kiến trên website của KIM và để trống thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang nắm giữ nhưng vẫn ký, đóng dấu (nếu có) vào Phiếu lấy ý kiến thì Phiếu lấy ý kiến được xem là hợp lệ, với điều kiện phải tuân thủ các tiêu chí tại Mục 4(a) nêu trên.

In case the Investor downloads the Opinion Form on KIM's website and leaves information about the number of fund certificates owned blank but still signs and stamps (if any) on the Opinion Form, the Opinion Form is considered valid, provided that it complies with the criteria set forth in Section 4(a) above.

5. **Ý kiến biểu quyết hợp lệ/không hợp lệ/Valid/invalid voting opinion:**

- a. Nguyên tắc cho ý kiến: Nhà Đầu Tư chỉ được đánh một dấu (X) duy nhất vào một ô vuông tương ứng Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến cho từng nội dung lấy ý kiến.

Principles for giving opinions: Investors are only allowed to put a single mark (X) in a box corresponding to Agree/Disagree/No opinion for each opinion content.

- b. Ý kiến biểu quyết tuân thủ nguyên tắc nêu tại Mục 5(a) nêu trên được xem là hợp lệ. Ngược lại, ý kiến biểu quyết không tuân thủ nguyên tắc nêu tại Mục 5(a) nêu trên sẽ bị xem là không hợp lệ (Ví dụ: Nhà Đầu Tư đánh hai dấu (X) vào hai ô vuông cho cùng một nội dung lấy ý kiến).

Voting opinions that comply with the principles set forth in Section 5(a) above are considered valid. On the contrary, voting opinions that do not comply with the principles set forth in Section 5(a) above will be considered invalid (For example: An Investor puts two marks (X) in two boxes for the same opinion content).

6. **Biểu quyết thông qua/không thông qua/Approval/disapproval voting opinion:**

- a. Ý kiến biểu quyết “Tán thành” hoặc “Không có ý kiến” được xem là biểu quyết thông qua.

A voting opinion of “Agree” or “No opinion” is considered as an approval voting opinion.

- b. Ý kiến biểu quyết “Không tán thành” được xem là biểu quyết không thông qua.



A voting opinion of “Disagree” is considered as a disapproval voting opinion.

7. **Không tham gia biểu quyết:** Phiếu lấy ý kiến không được gửi về cho KIM hoặc được gửi về nhưng KIM nhận được sau thời gian lấy ý kiến nêu tại Mục 3 nêu trên được xem là Nhà Đầu Tư không tham gia biểu quyết.

Non-participation in voting: The Opinion Form is not sent to KIM or sent but received by KIM after the Investors’ opinions collecting time set forth in Section 3 above is considered that the Investor does not participate in voting.

III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT/VOTING RESULTS

1. **Kết quả kiểm phiếu:** Được tổng hợp trên số Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư hợp lệ.

Vote counting results: Are synthesized based on the number of valid Opinion Forms.

2. **Tổng hợp kết quả:** Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư và lập Biên bản kiểm phiếu.

Synthesis of results: The Vote Counting Committee is responsible for summarizing the results of the vote counting for each content requiring Investors’ opinions and making Minutes of the vote counting.

3. **Kết quả biểu quyết/Voting results:**

- a. Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.

Voting results in percentage are rounded to 02 (two) decimal places.

- b. Các nội dung lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện **trên 50%** tổng số biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

*Contents requiring Investors’ opinions are approved when agreed by the number of Investors representing **more than 50%** of the total votes of all Investors with voting rights.*

IV. HIỆU LỰC THI HÀNH/ENFORCEMENT

1. **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này chỉ có giá trị áp dụng đối với việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Scope of application: The Regulations are only valid for the organization of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of KIM Growth VN30 ETF in the form of collecting Investors’ opinions in writing.

2. **Hiệu lực:** Quy chế này đã được Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM Growth VN30 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/3/2025 theo Nghị quyết số 250331/FUEKIV30/NQ ngày 31/3/2025 của Ban Đại Diện Quỹ.

Effectiveness: The Regulations are approved by the Fund Representative Board of KIM Growth VN30 ETF and take effect from March 31, 2025 according to the Resolution No. 250331/FUEKIV30/NQ dated March 31, 2025 of the Fund Representative Board.



**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30**

**OPINION FORM
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024
KIM GROWTH VN30 ETF**

I. THÔNG TIN QUỸ/FUND INFORMATION

- Tên Quỹ/*Fund name* : **QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”)**, được quản lý bởi Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“KIM”)/**KIM GROWTH VN30 ETF (“Fund”)**, managed by **KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd (“KIM”)**
- Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ/*Certificate of fund establishment registration* : **Số 52/GCN-UBCK** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2021/**No. 52/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission on December 7, 2021**
- Địa chỉ/*Address* : **Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam**
- Điện thoại/*Tel* : **(028) 3824 2220**
- Ngày chốt danh sách Nhà Đầu Tư thực hiện quyền biểu quyết/*Closing date for the List of Investors exercising voting rights* : **Ngày 20/3/2025/March 20, 2025**
- Tỷ lệ phân bổ quyền/*Rights allocation ratio* : **01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết/01 fund certificate - 01 voting right**

II. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR INFORMATION

- Họ và tên/Tên tổ chức/*Full name/Institutional name* : _____
- Địa chỉ liên hệ/*Contact address* : _____
- Quốc tịch/*Nationality* : _____
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (đối với Nhà Đầu Tư cá nhân)/*ID/Passport No. (for individual Investor)* : _____ do/issued by _____ cấp ngày/dated _____

Số Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận ĐKDN (đối với Nhà Đầu Tư tổ chức)/Establishment License/Business Registration Certificate No. (for institutional Investor) : _____ do/issued by _____ cấp ngày/dated _____

Người đại diện của tổ chức/ Representative of the institution : _____ Chức vụ/Position: _____

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện của tổ chức/ID/Passport No. of the representative of the institution : _____ do/issued by _____ cấp ngày/dated _____

Số tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities trading account No. : _____

Mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài)/Securities trading code (for foreign Investor) : _____

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu/ Total number of fund certificates owned : _____ chứng chỉ quỹ/fund certificates tại/at ngày 20/3/2025/March 20, 2025

III. MỤC ĐÍCH LẤY Ý KIẾN/PURPOSE OF COLLECTING OPINIONS

Thông qua các nội dung cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được nêu tại Mục IV Phiếu lấy ý kiến này.

Approving the contents requiring Investors' opinions as stated in Section IV of this Opinion Form.

IV. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN/CONTENTS REQUIRING INVESTORS' OPINIONS

Tôi/Chúng tôi là Nhà Đầu Tư của Quỹ xác nhận ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 như dưới đây. Tôi/Chúng tôi xác nhận ý kiến biểu quyết này là chính xác và không thay đổi trong mọi trường hợp.

I/We as Investors of the Fund confirm our opinions on the contents under the authority of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of KIM Growth VN30 ETF as below. I/We confirm that this voting opinion is accurate and unchanged in all cases.

Ghi chú: Quý Nhà Đầu Tư chỉ đánh một dấu (X) vào một ô vuông tương ứng Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến cho từng nội dung lấy ý kiến dưới đây.

Note: Investors only put a single mark (X) in a box corresponding to Agree/Disagree/No opinion for each opinion content.

| STT NO. | NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN CONTENTS REQUIRING OPINIONS | TÁN THÀNH AGREE | KHÔNG TÁN THÀNH DISAGREE | KHÔNG CÓ Ý KIẾN NO OPINION |
|---------|--|--------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. | Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025 | | | |

| | | | | |
|----|--|--|--|--|
| | <i>Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025</i> | | | |
| 2. | Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ <i>Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund</i> | | | |
| 3. | Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát <i>Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank</i> | | | |
| 4. | Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ <i>Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024</i> | | | |
| 5. | Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024 <i>Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024</i> | | | |
| 6. | Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ <i>Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025</i> | | | |

KIM TỶ + QI VAI \C\

V. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN/TIME AND METHOD FOR SENDING OPINION FORM

1. Thời gian lấy ý kiến Nhà Đầu Tư/*Investors' opinions collecting time*: Từ ngày 31/3/2025 đến 17:00 ngày 22/4/2025/*From March 31, 2025 to 5 p.m. April 22, 2025.*

2. Phương thức gửi/*Sending method*:

Quý Nhà Đầu Tư vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến đã điền đầy đủ thông tin, ký, đóng dấu (nếu có) cho KIM theo phương thức/*Investors are kindly requested to send the completed, signed Opinion Form and stamped (if any) to KIM according to the following method:*

(i) Gửi thư đến địa chỉ trụ sở chính của KIM; hoặc

Send the Opinion Form by post to KIM's head office address; or

- (ii) Gửi bản scan Phiếu lấy ý kiến về địa chỉ email: etf@koreainvestment.com.vn.

Send the scanned copy of the Opinion Form to email address: etf@koreainvestment.com.vn.

3. **Phiếu lấy ý kiến hợp lệ** là Phiếu lấy ý kiến được gửi về cho KIM và KIM nhận được **trước 17:00 ngày 22/4/2025** và đáp ứng các tiêu chí nêu tại "Quy chế tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM Growth VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản".

A valid Opinion Form is an Opinion Form sent to KIM and received by KIM before 5 p.m. on April 22, 2025 and meets the criteria stated in "Regulations on organization of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of KIM Growth VN30 ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing".

VI. THỜI GIAN KIỂM PHIẾU/TIME FOR VOTE COUNTING

- Thời gian tổng hợp ý kiến Nhà Đầu Tư (dự kiến)/Investors opinions' synthesizing time (expected): Ngày 23/4/2025/April 23, 2025.
- Thời gian kiểm phiếu (dự kiến)/Vote counting time (expected): Từ ngày 23/4/2025 đến ngày 25/4/2025/From April 23, 2025 to April 25, 2025.

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
ETF KIM GROWTH VN30
FUND REPRESENTATIVE BOARD

Vũ Trần Vĩnh Thụy
Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairman of the Fund Representative Board

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD



Hồng Jin
Tổng Giám đốc
General Director

PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN
FOR INDIVIDUAL INVESTOR

PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC
FOR INSTITUTIONAL INVESTOR

Họ và tên/Full name:
Ngày ký/Signing date:

Họ và tên/Full name:
Chức vụ/Position:
Thay mặt và đại diện cho/For and on behalf of:

Ngày ký/Signing date:

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF

Số/No.: _____/NQ-ĐHNĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

DỰ THẢO
DRAFT

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025
Ho Chi Minh City, 2025



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2024
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
RESOLUTION
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2024
KIM GROWTH VN30 ETF

Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and guiding documents for implementation;*
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents for implementation;*
- Điều Lệ Quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("**Quỹ**")/*Fund Charter of KIM Growth VN30 ETF ("Fund");*
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được lập vào lúc ... giờ ... phút ngày .../.../2025/*Minutes of the vote counting were made at on 2025.*

QUYẾT NGHỊ/DECIDE:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025 đính kèm.
Approving the Report on the Fund's performance results in 2024 and investment strategies in 2025 attached.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ đính kèm.
Approving the Audited 2024 financial statements of the Fund attached.
3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoàn đổi danh mục năm 2024 của Ngân Hàng Giám Sát đính kèm.
Approving the Supervision report on ETF management activities in 2024 of the Supervisory Bank attached.
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của Ban Đại Diện Quỹ đính kèm.
Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2024 attached.
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024.
Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2024.
6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực



hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Quỹ.

Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2025.

7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Đại Diện Quỹ, Công ty TNHH quản lý quỹ KIM VIỆT NAM và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

This Resolution takes effect from the date of signing. The Fund Representative Board, KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd and related individuals, organizations are responsible for implementing this Resolution.

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

Thay mặt/On behalf of
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
GENERAL MEETING OF INVESTORS

Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc
General Director

Vũ Trần Vĩnh Thụy
Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairman of the Fund Representative Board



QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF
Số/No.: 250328/BC-KQHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 28, 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2025
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

REPORT ON
PERFORMANCE RESULTS IN 2024 AND INVESTMENT STRATEGIES IN 2025
KIM GROWTH VN30 ETF

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2024/PERFORMANCE RESULTS IN 2024

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ"), do Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam quản lý, có Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2021.

KIM Growth VN30 ETF ("Fund"), managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Certificate of fund establishment registration No. 52/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission on December 7, 2021.

Trong năm 2024, Quỹ đã theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VN30 (là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng) và không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

In 2024, the Fund has pursued a passive investment strategy with the goal of sticking to the return rate of the reference index VN30 (which is a price index developed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange) and not actively seeking growth higher than the reference index as well as not using defensive measures when the stock market fluctuates adversely.

Tại ngày 31/12/2024, mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) của Quỹ là 0,38%, thấp hơn so với quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

On December 31, 2024, the Fund's Tracking Error compared to the reference index was 0.38%, lower than the regulations set by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

Danh mục đầu tư của Quỹ đã bám sát khá tốt chỉ số tham chiếu, tính từ ngày kết thúc IPO đến ngày 31/12/2024, chỉ số tham chiếu VN30 giảm 12,2%, trong khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ giảm 10,3%.

The Fund's portfolio has closely followed the reference index quite well, from the IPO end date to December 31, 2024, the reference index VN30 decreased by 12.2%, while the net asset value per fund certificate decreased by 10.3%.



| | NAV/CCQ <i>NAV/Fund certificate</i> | Tăng trưởng/ <i>Growth</i> | |
|---|--|----------------------------|--|
| | | 2024 | Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn <i>Since the end date of the capital contribution registration</i> |
| QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 <i>KIM GROWTH VN30 ETF</i> | 8,972,91 | 20,3% | -10,3% |
| Chỉ số tham chiếu <i>Reference Index</i> | 1.344,75 | 18,9% | -12,2% |

Tại ngày 31/12/2024, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 198,3 triệu đơn vị với quy mô tổng giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 đạt 1.779,3 tỷ đồng.

On December 31, 2024, the number of outstanding fund certificates was 198.3 million units, with a total net asset value as of December 31, 2024, reaching 1,779.3 billion Vietnamese dong.

Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài là 96,84%.

At December 31, 2024, foreign investors' holdings were 96.84%.

Về phân phối lợi nhuận, Quỹ đề xuất không thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2024 để tái đầu tư.
Regarding profit distribution, the Fund proposes not to make profit distributions in 2024 for reinvestment.

II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ NĂM 2025/*INVESTMENT STRATEGIES IN 2025*

Mục tiêu đầu tư của Quỹ trong năm 2025 là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn. Để đạt mục tiêu này, Quỹ áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng rổ cổ phiếu VN30 để giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

The investment goal of the Fund in 2025 is to achieve investment efficiency closely following the actual profitability of VN30 index in all periods. To achieve this goal, the Fund applies an investment method that simulates the VN30 stock basket to minimize deviations from the reference index.

Thay mặt và đại diện/*For and on behalf of*

CÔNG TY TNHH

QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD



Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc
General Director

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 28, 2025

Kính gửi: - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF
Respectfully to: KIM Growth VN30/Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2024 of the KIM Growth VN30 ETF;
- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.

1. Giới thiệu Ban Đại Diện Quỹ/Introduction about the Fund Representative Board

Chủ tịch/Chairman : Vũ Trần Vĩnh Thụy
Thành viên độc lập/Independent Member : Ngô Thị Minh Nghĩa
Thành viên/Member : Nguyễn Thị Thanh Lam

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024/Report on activity results in 2024

Theo quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan, để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM Growth VN30 đã tổ chức **04** cuộc họp định kỳ hằng quý và **05** cuộc họp bất thường theo đề xuất của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam, cụ thể như sau:

According to the provisions of the Fund Charter and relevant laws, to carry out its responsibilities and powers, in 2024 (from January 1, 2024 to December 31, 2024), the Fund Representative Board of KIM Growth VN30 ETF has organized 04 regular quarterly meetings and 05 extraordinary meetings as proposed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, specifically as follows:

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý/Contents approved at regular quarterly meetings:
- Cuộc họp định kỳ Quý IV/2023 ngày 16/01/2024/Regular meeting of the fourth quarter of 2023 on January 16, 2024:
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2023/Approving the Report summarizing the Fund's activities in the fourth quarter of 2023.
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2023/Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the fourth quarter of 2023.
 - Cuộc họp định kỳ Quý I/2024 ngày 16/4/2024/Regular meeting of the first quarter of 2024 on April 16, 2024:
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2024/Approving the Report summarizing the Fund's activities in the first quarter of 2024.
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2024/Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the first quarter of 2024.
 - Cuộc họp định kỳ Quý II/2024 ngày 18/7/2024/Regular meeting of the second quarter of 2024 on July 18, 2024:

- Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the second quarter of 2024.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the second quarter of 2024.*
 - Cuộc họp định kỳ Quý III/2024 ngày 18/10/2024/*Regular meeting of the third quarter of 2024 on October 18, 2024:*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the third quarter of 2024.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the third quarter of 2024.*
- (ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường/*Contents approved at extraordinary meetings:*

| Cuộc họp/Meeting | Nội dung/Content |
|--|--|
| Cuộc họp bất thường ngày 18/01/2024 <i>Extraordinary meeting on January 18, 2024</i> | - Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. <i>Approving the meeting documents of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF.</i> |
| Cuộc họp bất thường ngày 19/02/2024 <i>Extraordinary meeting on February 19, 2024</i> | - Thông qua việc thành lập Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 được tổ chức vào ngày 20/02/2024 với cơ cấu nhân sự gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên. <i>Approving the establishment of the Investor Qualification Review Board at the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF held on February 20, 2024 with a personnel structure of 01 Head of the Board and 01 member.</i> - Thông qua nhân sự Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư. <i>Approving the personnel of the Investor Qualification Review Board.</i> - Thông qua chức năng và nhiệm vụ của Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư. <i>Approving the functions and tasks of the Investor Qualification Review Board.</i> |
| Cuộc họp bất thường ngày 29/02/2024 <i>Extraordinary meeting on February 29, 2024</i> | - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 20/3/2024. <i>Approving the last registration date to exercise the right to attend Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VN30 ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing is March 20, 2024.</i> |
| Cuộc họp bất thường ngày 01/4/2024 | - Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. |

| | |
|--|---|
| <i>Extraordinary meeting on April 1, 2024</i> | <i>Approving the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VN30 ETF.</i> |
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 15/7/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on July 15, 2024</i></p> | <p>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam đàm phán và quyết định.</p> <p><i>Approving the selection of Ernst & Young Vietnam Limited (EY) as the unit to review and audit the 2024 financial statements of KIM GROWTH VN30 ETF. The specific content of the audit service contract with EY (including audit service fee) is assigned to the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to negotiate and decide.</i></p> |

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
FUND REPRESENTATIVE BOARD



Vũ Trần Vĩnh Thụy
Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairman of the Fund Representative Board

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025
Hanoi, March 31, 2025

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH
MỤC NĂM 2024 CỦA QUỸ ETF KIM GROWTH VN30**
*SUPERVISION REPORT ON ETF MANAGEMENT ACTIVITIES IN 2024 OF
KIM GROWTH VN30 ETF*

- Kính gửi:** - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF
Respectfully to: **KIM GROWTH VN30/KIM GROWTH VN30 ETF's General Meeting
of Investors for the fiscal year 2024**
- Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/KIM GROWTH VN30
ETF's Fund Representative Board
- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/KIM Vietnam Fund
Management Co., Ltd

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 ("Quỹ") về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam would like to report to Annual General Meeting of Investors for the fiscal year 2024 of KIM GROWTH VN30 ETF (the "Fund") on the provision of custody and supervisory services for the Fund as follows:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ/Summary information about the Fund

- Tên Quỹ/*Fund's Name* : Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/*KIM GROWTH VN30 ETF*
- Tên viết tắt/*Abbreviated Name* : KIM VN30 ETF
- Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số/*Fund Establishment Registration Certificate No.* : 52/GCN-UBCK cấp ngày 07/12/2021
52/GCN-UBCK dated December 7, 2021
- Trụ sở chính/*Head office* : Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 3, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 3, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam



Dựa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("kỳ kế toán"), tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau/Based on the Fund's audited financial statements for the accounting period from December 31, 2023 to December 31, 2024 (the "Accounting Period"), the movements in the share capital of the Fund during the above period were as follows:

| Chỉ tiêu Items | Đơn vị Unit | Tại ngày/As at 31/12/2023 | Phát sinh trong kỳ/Movement during the period | Tại ngày/As at 31/12/2024 |
|--|----------------|------------------------------|---|------------------------------|
| Vốn góp phát hành <i>Subscription capital</i> | | | | |
| Số lượng CCQ (1) <i>Number of fund certificate (1)</i> | CCQ FC | 111.200.000 | 122.100.000 | 233.300.000 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (2) <i>Par value (2)</i> | VND | 1.112.000.000.000 | 1.221.000.000.000 | 2.333.000.000.000 |
| Thặng dư vốn góp phát hành (3) <i>Subscription capital premium (3)</i> | VND | (232.000.287.183) | (176.973.052.108) | (408.973.339.291) |
| Tổng giá trị phát hành CCQ (4) = (2) + (3) <i>Total value of issued ETF fund certificates (4) = (2) + (3)</i> | VND | 879.999.712.817 | 1.044.026.947.892 | 1.924.026.660.709 |
| Vốn góp mua lại <i>Redemption capital</i> | | | | |
| Số lượng CCQ (5) <i>Number of fund certificate (5)</i> | CCQ FC | (34.000.000) | (1.000.000) | (35.000.000) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (6) <i>Par value (6)</i> | VND | (340.000.000.000) | (10.000.000.000) | (350.000.000.000) |
| Thặng dư vốn góp mua lại (7) <i>Redemption capital premium (7)</i> | VND | 100.368.691.415 | 1.595.156.730 | 101.963.848.145 |
| Tổng giá trị mua lại CCQ (8) = (6) + (7) <i>Total value of redemption of ETF fund certificates (8) = (6) + (7)</i> | VND | (239.631.308.585) | (8.404.843.270) | (248.036.151.855) |
| Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (9) = (1) + (5) <i>Number of fund certificates in circulation (9) = (1) + (5)</i> | CCQ FC | 77.200.000 | 121.100.000 | 198.300.000 |
| Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) + (8) <i>Current contributed capital (10) = (4) + (8)</i> | VND | 640.368.404.232 | 1.035.622.104.622 | 1.675.990.508.854 |
| Lãi/(lỗ) lũy kế (11) <i>Accumulated Gain/(Loss) (11)</i> | VND | (64.747.928.227) | 168.121.424.640 | 103.373.496.413 |

| | | | | |
|---|----------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| NAV hiện hành (12) = (10) + (11) | VND | 575.620.476.005 | 1.203.743.529.262 | 1.779.364.005.267 |
| <i>Current NAV (12) = (10) + (11)</i> | | | | |
| NAV hiện hành trên 1 chứng chỉ quỹ (13) = (12)/(9) | VND/CCQ | 7.456,22 | | 8.973,09 |
| NAV per fund certificate (13) = (12)/(9) | VND/FC | | | |
| NAV hiện hành trên 1 lô chứng chỉ quỹ (14) = (12)/(9)/100.000 CCQ} | | 745.622.378 | | 897.309.130 |
| NAV per ETF Creation Unit (14) = (12)/(9)/100.000 FC} | | | | |

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/Please refer to the Fund's audited financial report for detailed financial information)

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/Report on the supervision of the Fund’s management activities of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd (“KIM Vietnam”) to KIM GROWTH VN30 ETF

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

From December 31, 2023, to December 31, 2024, KIM Vietnam made the periodic reports in accordance with the law and relevant regulations and provided all the documents related to the Fund’s asset transactions to the Supervisory Bank.

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng giám sát ghi nhận một số nội dung sau:

During the performance of the Supervisory Bank’s rights and obligations to KIM GROWTH VN30 ETF, we had some records as follows:

2.1. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ/The meetings of the Fund Representative Board according to the notification of KIM Vietnam

Trong năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã tổ chức các cuộc họp và đã thông qua các nội dung như sau/In 2024 (from January 1, 2024, to December 31, 2024), the Fund Representative Board of KIM GROWTH VN30 ETF organized meetings and approved the following contents:

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý/Contents approved at regular quarterly meetings:
 - Cuộc họp định kỳ Quý IV/2023 ngày 16/01/2024/Regular meeting of the fourth quarter of 2023 on January 16, 2024:
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2023/Approving the Report summarizing the Fund’s activities in the fourth quarter of 2023.
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2023/Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in in the fourth quarter of 2023.

- Cuộc họp định kỳ Quý I/2024 ngày 16/4/2024/*Regular meeting of the first quarter of 2024 on April 16, 2024:*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the first quarter of 2024.*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the first quarter of 2024.*
 - Cuộc họp định kỳ Quý II/2024 ngày 18/7/2024/*Regular meeting of the second quarter of 2024 on July 18, 2024:*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the second quarter of 2024.*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the second quarter of 2024.*
 - Cuộc họp định kỳ Quý III/2024 ngày 18/10/2024/*Regular meeting of the third quarter of 2024 on October 18, 2024:*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the third quarter of 2024.*
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2024/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the third quarter of 2024.*
- (ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường/*Contents approved at extraordinary meetings:*

| Cuộc họp/Meeting | Nội dung/Content |
|---|---|
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 18/01/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on January 18, 2024</i></p> | <p>- Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30.</p> <p><i>Approving the meeting documents of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF.</i></p> |
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 19/02/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on February 19, 2024</i></p> | <p>- Thông qua việc thành lập Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư tại Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 được tổ chức vào ngày 20/02/2024 với cơ cấu nhân sự gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.</p> <p><i>Approving the establishment of the Investor Qualification Review Board at the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF held on February 20, 2024 with a personnel structure of 01 Head of the Board and 01 member.</i></p> <p>- Thông qua nhân sự Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư.</p> <p><i>Approving the personnel of the Investor Qualification Review Board.</i></p> <p>- Thông qua chức năng và nhiệm vụ của Ban Thẩm Tra Tư Cách Nhà Đầu Tư.</p> <p><i>Approving the functions and tasks of the Investor Qualification Review Board.</i></p> |

| | |
|---|---|
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 29/02/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on February 29, 2024</i></p> | <p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 20/3/2024.</p> <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VN30 ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing is March 20, 2024.</i></p> |
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 01/4/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on April 1, 2024</i></p> | <p>- Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30.</p> <p><i>Approving the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM GROWTH VN30 ETF.</i></p> |
| <p>Cuộc họp bất thường ngày 15/7/2024</p> <p><i>Extraordinary meeting on July 15, 2024</i></p> | <p>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam đàm phán và quyết định.</p> <p><i>Approving the selection of Ernst & Young Vietnam Limited (EY) as the unit to review and audit the 2024 financial statements of KIM GROWTH VN30 ETF. The specific content of the audit service contract with EY (including audit service fee) is assigned to the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to negotiate and decide.</i></p> |

2.2. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ/*Investment activities and asset trading of the Fund*

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ đã được đề cập trong "Báo cáo của Ngân hàng giám sát" được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/*Please refer to the "Report of the Supervisory Bank" attached to the audited financial statements of the Fund for the accounting period from December 31, 2023 to December 31, 2024 of KIM GROWTH VN30 ETF for detailed information on the investment activities and asset trading.*

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký/*Report on the performance of rights and obligations of the Supervisory and Custodian Bank*

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, thể hiện trong một số nội dung như sau/*As the Supervisory Bank of KIM GROWTH VN30 ETF, we have fully performed our rights and obligations in providing the services of securities custody and supervision and the service of asset management to the Fund, reflected in some contents as follows:*

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.

Safety custody of the Fund's assets; separate management of the Fund's assets from KIM Vietnam's assets, the assets of other funds managed by KIM Vietnam, the assets of our customers, and our assets.

- Việc chuyển giao tài sản của Quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ theo đúng quy định tại Hợp đồng lưu ký - giám sát.

The transfer of the Fund's assets in investment or divestment is only carried out according to the written request of the KIM Vietnam as prescribed in the Custody - Supervision Contract.

- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của Quỹ, các tài khoản của Quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.

Payment for transactions in listed or registered securities must comply with the principles of securities trading concurrently with cash payment and the principles of clearing and settlement as prescribed by law. Payment for other asset transactions must comply with lawful orders or directions of KIM Vietnam and other regulations if relevant. All transfers, money payments, and asset transfers must be done correctly to the Fund's trading partners and accounts. The payment value must be consistent with the asset volume, transaction price, and amount stated in the payment documents.

- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ.

Correctly, fully, and promptly comply with lawful orders and directions of KIM Vietnam; fully and promptly perform rights and obligations related to the Fund's ownership of assets.

- Xác nhận các báo cáo về tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại Ngân hàng.

Certify reports on assets of the Fund made by KIM Vietnam and ensure that the reported assets are accurate and adequate and correspond to those deposited at the bank.

- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

Attend and provide adequate information at meetings of the Fund's General Meeting of Investors and meetings of the Fund Representative Board but not vote.

- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng lưu ký - giám sát.

Prepare reports and keep them filed according to the law, the Fund Charter, and the Custody - Supervision Contract.

- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Supervise the Fund's asset management activities of KIM Vietnam in managing the Fund's assets according to the law and the Fund Charter.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các

sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

This Supervision Report on ETF management activities is based on the information, documents, and data provided by the KIM Vietnam. This report does not cover matters and events beyond the control of the Supervisory Bank due to concealed or inaccurate information provided by KIM Vietnam.

Đại diện Ngân hàng giám sát
Supervisory Bank Representative



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng/Head of the
Customer Service Department



Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ | 3 |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ | 4 - 12 |
| Báo cáo của Ngân hàng Giám sát | 13 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 14 - 15 |
| Báo cáo thu nhập | 16 |
| Báo cáo tình hình tài chính | 17 - 18 |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF | 19 |
| Báo cáo danh mục đầu tư | 20 - 21 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 22 - 23 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 24 - 59 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.983.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 198.300.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 6.02, tầng 6, Tòa nhà The Mett 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy | Chủ tịch, thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021 |
| Bà Ngô Thị Minh Nghĩa | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Lam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Yun Heng Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ").

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/chứng chỉ quỹ (CCQ) là 20,34% so với NAV/CCQ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 19,54%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 18,85% so với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 1.779.364.005.267 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.983.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 198.300.000 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 1.344,75.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 % | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 % | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 % |
|----------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Danh mục chứng khoán | 99,80 | 99,77 | 99,60 |
| Các tài sản khác | 0,20 | 0,23 | 0,40 |
| Cộng | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

| | Chỉ tiêu | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|----|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1 | Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 1.779.364.005.267 | 575.620.476.005 | 403.769.600.137 |
| 2 | Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (đơn vị) | 198.300.000 | 77.200.000 | 61.500.000 |
| 3 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND) | 8.973,09 | 7.456,22 | 6.565,35 |
| 4 | Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND) | 9.095,79 | 8.287,97 | 10.214,87 |
| 5 | Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND) | 7.456,05 | 6.565,05 | 5.908,53 |
| 6 | Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND) | 8.970 | 7.500 | 6.650 |
| 7 | Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND) | 9.180 | 8.330 | 10.110 |
| 8 | Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND) | 7.490 | 6.560 | 5.960 |
| 9 | Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ | 20,34% | -25,25% | -34,18% |
| 10 | Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 11 | Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 12 | Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 13 | Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ | 0,82% | 0,94% | 1,23% |
| 14 | Tốc độ vòng quay danh mục | 9,47% | 20,53% | 17,70% |

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

| <u>Giai đoạn</u> | <u>Tăng trưởng của NAV/CCQ</u> | <u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u> |
|--|--------------------------------|-------------------------------------|
| 1 năm | 20,34% | 20,34% |
| 3 năm (*) | -10,04% | -3,46% |
| Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**) | -10,04% | -3,46% |
| Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | -14,84% | 18,85% |

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tình hình kinh tế thế giới năm 2024 đã trải qua nhiều bất ổn, cùng những biến động khó lường. Căng thẳng địa chính trị kéo dài, xu hướng toàn cầu hóa đảo ngược, các kịch bản xoay quanh cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cùng nhiều sự kiện kinh tế - chính trị khác đã khiến bức tranh kinh tế vốn đã phân hóa lại trở nên ngày càng phức tạp hơn. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức từ nền kinh tế thế giới cũng như tác động tiêu cực của bão Yagi, GDP của Việt Nam năm 2024 đã đạt con số ấn tượng - tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,09%. GDP Quý 4 năm 2024 tăng 7,55%, cho thấy sự mạnh mẽ của nền kinh tế khi duy trì được xu hướng tăng trong 4 quý liền và quý sau cao hơn quý trước. Với đà tăng trưởng cao của năm 2024, Quốc Hội Việt Nam đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2025 đạt 6,5% - 7%.

Cụ thể, ngành dịch vụ với vai trò là động lực tăng trưởng chính của cả năm, đóng góp 49,46% vào mức tăng trưởng chung của GDP với mức tăng 7,38% so với năm trước. Ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp 45,17% vào tăng trưởng GDP, với mức tăng 8,24%. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 5,37% vào mức tăng trưởng GDP của cả nước, với mức tăng 3,27%. Như vậy, các ngành này đã đóng góp vào GDP của Việt Nam đạt hơn 11,51 nghìn tỷ đồng (476,3 tỷ đô la Mỹ) vào năm 2024, với GDP bình quân đầu người tăng lên 4.700 đô la Mỹ, tăng 377 đô la Mỹ so với năm 2023.

Năm 2024, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,63%, phù hợp với mục tiêu của Quốc hội đề ra là dưới 4%. Tháng 12, CPI tăng 0,29% so với tháng trước, chủ yếu do giá dịch vụ y tế, nhà cho thuê và nhiên liệu tăng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các cơ sở y tế điều chỉnh mức phí dịch vụ theo lương cơ sở cũng như nhu cầu đi lại của người dân tăng vào dịp cuối năm. Lam phát cơ bản cả năm đạt 2,71%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ tăng 3,87% so với năm 2023, đóng góp 1,3 điểm vào mức tăng chung của CPI tháng 12.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Theo Cục Thống kê Việt Nam (GSO), năm 2024, tổng kim ngạch thương mại của cả nước đạt mức cao ấn tượng 786,29 tỷ đô la Mỹ, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, với thặng dư thương mại là 24,77 tỷ đô la Mỹ. Sự tăng trưởng này đánh dấu sự phục hồi đáng kể sau mức giảm 4,6 phần trăm được ghi nhận vào năm 2023. Với sự gia tăng hoạt động xuất khẩu này, Việt Nam hiện đang vượt qua nhiều đối tác trong khu vực, bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan và Indonesia, nơi báo cáo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ 1,33 đến 12,7 phần trăm trong cùng kỳ. Ngành nông nghiệp là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức như thiên tai, dịch bệnh và thị trường toàn cầu biến động, các ngành công nghiệp dựa trên nông nghiệp đã đạt được những kết quả đáng kể vào năm 2024. Xuất khẩu từ ngành nông, lâm, thủy sản đạt 62,4 tỷ đô la Mỹ, tăng 18,5% so với năm 2023.

Tính chung năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9%. Động lực chính của cả năm 2024 là đến từ sự phục hồi của ngành du lịch khi lượng khách quốc tế trong năm 2024 tăng 39,5% so với năm 2023. Bên cạnh đó, đầu tư công đạt 661,3 nghìn tỷ VND, tăng 3,3% so với năm trước và đạt 84,6% so với kế hoạch năm. Về vốn đầu tư nước ngoài (FDI) năm 2024 báo cáo đạt 38,2 tỷ đô la Mỹ, giảm 3% so với năm trước chủ yếu do góp vốn, mua cổ phần giảm mạnh 48%. Trong đó, tổng vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh đạt 33,7 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2023.

2. Thị trường chứng khoán

Năm 2024 ghi nhận những dấu ấn nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bất chấp những biến động từ tình hình kinh tế toàn cầu. VN-Index khởi đầu năm 2024 tại mốc 1.129,93 điểm - đây cũng chính là vùng điểm số thấp nhất năm. Sau đó chỉ số liên tục đi lên, tiến sát vùng 1.300 điểm vào thời điểm cuối tháng 3. Mốc 1.300 điểm trở thành cột mốc đáng nhớ khi chỉ số khi có tới 6 lần chỉ số chính phục thất bại ngưỡng kháng cự này (tăng lên trên 1.290 điểm rồi có cú sụt giảm trên 30 điểm). VN-Index kết phiên ngày 31/12 tại 1.266,78 điểm, tăng 136,85 điểm (+12,11%) so với ngày đầu năm.

Tổng thanh khoản cả năm đạt 173,07 tỷ cổ phiếu với 249 phiên giao dịch được diễn ra, trung bình mỗi phiên VN-Index có thanh khoản 695 triệu cổ phiếu. Vốn hóa toàn thị trường tại ngày 31/12 đạt 7.133.367 tỷ đồng. Trong đó, nhóm vốn hóa nhóm ngân hàng 2.128.542 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất với 29,85%; tiếp đến là nhóm công nghiệp (12,41%), bất động sản 11,73%. Năm 2024 cũng chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong số lượng tài khoản chứng khoán. Tổng cộng, 2 triệu tài khoản cá nhân trong nước được mở mới, nâng tổng số tài khoản lên 9,3 triệu, đạt hơn 9% dân số Việt Nam, vượt mục tiêu mà Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã đề ra.

Trong năm 2024, Thông tư 68/2024/TT-BTC đã được ban hành, qua đó gỡ nút thắt quan trọng, tạo hành lang pháp lý thuận lợi giúp chứng khoán Việt Nam tiến gần đến mục tiêu nâng hạng từ cận biên lên mới nổi. Bên cạnh đó, năm 2024 cũng chứng kiến làn sóng bán ròng kỷ lục của nhóm nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường cổ phiếu Việt Nam, với giá trị lên tới 94.445 tỷ đồng. Nguyên nhân chính khiến dòng vốn ngoại chảy ngược mạnh mẽ là cơ hội đầu tư trên nhiều thị trường khác hấp dẫn hơn. Đồng USD tăng giá mạnh và xu hướng bảo hộ được dự báo sẽ tăng hiệu quả của các doanh nghiệp tại thị trường Mỹ. Chỉ số S&P 500 năm 2024 đã tăng trưởng 27%, Bitcoin tăng 149%, vàng thế giới tăng 30% trong khi VN-Index chỉ tăng khoảng 12%. Không chỉ riêng Việt Nam, dòng vốn đầu tư khắp châu Á và các thị trường mới nổi cũng bị rút về các thị trường phát triển, đặc biệt là Mỹ trong bối cảnh các đồng nội tệ sụt giảm giá trị mạnh mẽ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| | 1 năm đến thời điểm báo cáo % | 3 năm đến thời điểm báo cáo % | Từ khi thành lập % |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ | 20,34 | -10,04 | -10,04 |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ | 20,34 | -3,46 | -3,46 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | 19,54 | -11,80 | -11,80 |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*) | 19,60 | -11,63 | -11,63 |

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (ngày 7 tháng 1 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



Thay đổi giá trị tài sản ròng

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND | Tỷ lệ thay đổi |
|--|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 1.779.364.005.267 | 575.620.476.005 | 403.769.600.137 | 209,12% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 8.973,09 | 7.456,22 | 6.565,35 | 20,34% |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

| Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ % |
|-----------------------------------|--------------------------------|---|--------------------|
| Dưới 5.000 | 366 | 269.159 | 0,14 |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 24 | 167.641 | 0,08 |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 11 | 235.700 | 0,12 |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 5 | 517.200 | 0,26 |
| Trên 500.000 | 10 | 197.110.300 | 99,40 |
| Tổng cộng | 416 | 198.300.000 | 100 |

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 được Quốc hội giao Chính phủ là 6,5 - 7%, phân đầu 7 - 7,5%, phản ánh kỳ vọng về sự cải thiện trong hoạt động kinh tế trong năm sau. Đà tăng trưởng này được củng cố bởi các chương trình đầu tư công quy mô lớn, hạ tầng giao thông được đẩy mạnh, cũng như xu hướng ổn định lãi suất. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2025 được dự kiến sẽ tăng khoảng 30% so với giai đoạn trước, đóng vai trò như cú hích then chốt cho phát triển hạ tầng, giao thông, từ đó lan tỏa sang các ngành vật liệu xây dựng, logistics, khu công nghiệp. Các khối ngành được hưởng lợi từ đầu tư công và chính sách tài khóa như bất động sản, xây dựng, công nghiệp hỗ trợ, cùng với nhóm công nghệ, dịch vụ tài chính và năng lượng sạch được dự báo sẽ có những chuyển biến tích cực và đóng vai trò dẫn dắt thị trường.

Mặt khác, những trở ngại được đặt ra cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025 sẽ liên quan đến các yếu tố toàn cầu như chính sách tiền tệ tại Mỹ và những lo ngại về quyết sách về thuế quan, kinh tế trong tương lai của tổng thống Mỹ đương nhiệm vừa nhậm chức Donald Trump, biến động giá dầu, và căng thẳng địa chính trị vẫn có thể gây thách thức cho dòng vốn, khiến triển vọng thị trường mang tính đa chiều, phức tạp.

Năm 2025 cũng mở ra nhiều cơ hội cho thị trường chứng khoán Việt Nam với kỳ vọng nâng hạng được chấp thuận bởi FTSE Russell, MSCI đưa vào Watch list trong 2025 cũng sẽ là yếu tố mang đến những triển vọng cho thị trường. Việc ban hành Thông tư 68/TT-BTC để giải quyết nút thắt pre-funding có thể sẽ được FTSE đánh giá cao, tạo tiền đề để Việt Nam có thể được duyệt nâng hạng vào T09/2025, tiến đến được MSCI nâng hạng trong giai đoạn 2026-2030. Cùng với đó, thị trường Việt Nam cũng đang sở hữu lợi thế định giá hấp dẫn khi P/E, P/B vẫn ở mức thấp hơn so với các nước trong khu vực, tạo cơ hội thu hút được dòng vốn ngoại lớn tham gia thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về cơ cấu nhân sự Hội đồng thành viên và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Ông Park ChangKue - Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Park ChangKue đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Park ChangKue tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh và ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc tại trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Park ChangKue được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin về Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê - Người điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê sở hữu chứng chỉ CFA và có kinh nghiệm gần 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản và phân tích đầu tư. Bà Lê tốt nghiệp trường Đại học Iowa (Hoa Kỳ) chuyên ngành tài chính - kế toán. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, bà Lê đã có nhiều năm làm việc tại các tổ chức danh tiếng về quản lý tài sản như Aegion Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (Hoa Kỳ), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Đoàn Thị Thu Hằng

Số tham chiếu: 12952890/68450837

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 16 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (Công ty Quản lý Quỹ) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B01-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------|--|-------------|------------------------|-----------------------|
| 01 | I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | 177.865.201.056 | 35.851.578.844 |
| 02 | 1.1 Cổ tức được chia | 11 | 23.926.613.870 | 8.442.382.100 |
| 03 | 1.2 Tiền lãi được nhận | 11 | 12.826.236 | 6.321.794 |
| 04 | 1.3 Lợi nhuận/(lỗ) bán các khoản đầu tư | 12 | 4.333.605.843 | (35.763.257.143) |
| 05 | 1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5 | 149.592.155.107 | 63.166.132.093 |
| 10 | II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ | | 325.101.671 | 277.840.462 |
| 11 | 2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư | 13 | 325.101.671 | 277.840.462 |
| 20 | III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF | | 9.418.674.745 | 3.980.634.641 |
| 20.1 | 3.1 Phí quản lý quỹ ETF | | 6.560.079.522 | 2.480.651.364 |
| 20.2 | 3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF | 14 | 686.916.025 | 388.284.733 |
| 20.3 | 3.3 Phí dịch vụ giám sát | | 262.403.176 | 99.243.582 |
| 20.4 | 3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF | | 291.956.450 | 199.094.308 |
| 20.5 | 3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | | 66.000.000 | 66.000.000 |
| 20.6 | 3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF | 15 | 1.192.741.744 | 451.027.500 |
| 20.8 | 3.7 Chi phí kiểm toán | | 140.400.000 | 139.103.703 |
| 20.11 | 3.8 Chi phí hoạt động khác | 16 | 218.177.828 | 157.229.451 |
| 23 | IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |
| 30 | V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |
| 31 | 5.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện | 10 | 18.529.269.533 | (31.573.028.352) |
| 32 | 5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện | 10 | 149.592.155.107 | 63.166.132.093 |
| 41 | VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ | | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yon Hạng Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-ETF

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND |
|------------|--|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 100 | I. TÀI SẢN | | | |
| 110 | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 4 | 2.652.502.659 | 1.109.179.820 |
| 111 | 1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF | | 2.652.502.659 | 1.109.179.820 |
| 120 | 2. Các khoản đầu tư thuần | 5 | 1.777.721.489.800 | 575.065.083.850 |
| 121 | 2.1 Các khoản đầu tư | | 1.777.721.489.800 | 575.065.083.850 |
| 130 | 3. Các khoản phải thu | | 915.650.000 | 204.250.000 |
| 133 | 3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | | 915.650.000 | 204.250.000 |
| 100 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.781.289.642.459 | 576.378.513.670 |
| 300 | II. NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| 314 | 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6 | 1.500.000 | 1.500.000 |
| 316 | 2. Chi phí phải trả | 7 | 161.400.000 | 153.900.000 |
| 319 | 3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF | 8 | 1.762.737.192 | 602.637.665 |
| 300 | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 1.925.637.192 | 758.037.665 |
| 400 | III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF | | 1.779.364.005.267 | 575.620.476.005 |
| 411 | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư | | 1.983.000.000.000 | 772.000.000.000 |
| 412 | 1.1 Vốn góp phát hành | 9 | 2.333.000.000.000 | 1.112.000.000.000 |
| 413 | 1.2 Vốn góp mua lại | 9 | (350.000.000.000) | (340.000.000.000) |
| 414 | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư | | (307.009.491.146) | (131.631.595.768) |
| 420 | 3. Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối | 10 | 103.373.496.413 | (64.747.928.227) |
| 430 | IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ | 9 | 8.973,09 | 7.456,22 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-ETF

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ |
|-------|---|-------------|--|--|
| 004 | 1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành | 18 | 198.300.000 | 77.200.000 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý KIM VIỆT NAM
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF B03-ETF
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| STT | CHỈ TIÊU | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|---|--------------------------|------------------------|
| I | Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu năm | 575.620.476.005 | 403.769.600.137 |
| II | Thay đổi NAV trong năm | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |
| II.1 | - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |
| III | Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF | 1.035.622.104.622 | 140.257.772.127 |
| III.1 | - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF | 1.044.026.947.892 | 345.009.981.892 |
| III.2 | - Khoản thanh toán từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF | (8.404.843.270) | (204.752.209.765) |
| IV | Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm | 1.779.364.005.267 | 575.620.476.005 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
 Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hạng Jin
 Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-ETF

| STT | Loại tài sản | Số lượng | Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 % |
|-----------|--------------------------|-----------|--|--------------------------|---|
| I | CÓ PHIẾU NIÊM YẾT | | | 1.777.721.489.800 | 99,80% |
| 1 | ACB | 5.241.367 | 25.800 | 135.227.268.600 | 7,59% |
| 2 | BCM | 54.400 | 70.900 | 3.856.980.000 | 0,22% |
| 3 | BID | 359.564 | 37.550 | 13.501.628.200 | 0,76% |
| 4 | BVH | 100.100 | 50.700 | 5.075.070.000 | 0,29% |
| 5 | CTG | 1.049.192 | 37.800 | 39.659.457.600 | 2,23% |
| 6 | FPT | 1.314.222 | 152.500 | 200.418.855.000 | 11,25% |
| 7 | GAS | 151.979 | 68.100 | 10.349.769.900 | 0,58% |
| 8 | GVR | 206.100 | 30.350 | 6.255.135.000 | 0,35% |
| 9 | HDB | 3.414.596 | 25.500 | 87.072.198.000 | 4,89% |
| 10 | HPG | 4.583.755 | 26.650 | 122.157.070.750 | 6,86% |
| 11 | MBB | 3.791.801 | 25.100 | 95.174.205.100 | 5,34% |
| 12 | MSN | 843.300 | 70.000 | 59.031.000.000 | 3,31% |
| 13 | MWG | 1.524.200 | 61.000 | 92.976.200.000 | 5,22% |
| 14 | PLX | 166.500 | 37.500 | 6.243.750.000 | 0,35% |
| 15 | POW | 610.800 | 12.000 | 7.329.600.000 | 0,41% |
| 16 | SAB | 185.800 | 55.500 | 10.311.900.000 | 0,58% |
| 17 | SHB | 4.057.300 | 10.250 | 41.587.325.000 | 2,33% |
| 18 | SSB | 2.388.862 | 16.750 | 40.013.438.500 | 2,25% |
| 19 | SSI | 1.793.520 | 26.050 | 46.721.196.000 | 2,62% |
| 20 | STB | 2.455.500 | 36.900 | 90.607.950.000 | 5,09% |
| 21 | TCB | 5.965.900 | 24.650 | 147.059.435.000 | 8,26% |
| 22 | TPB | 1.722.501 | 16.650 | 28.679.641.650 | 1,61% |
| 23 | VCB | 801.331 | 91.200 | 73.081.387.200 | 4,10% |
| 24 | VHM | 1.982.300 | 40.000 | 79.292.000.000 | 4,45% |
| 25 | VIB | 1.929.589 | 19.700 | 38.012.903.300 | 2,13% |
| 26 | VIC | 1.498.200 | 40.550 | 60.752.010.000 | 3,41% |
| 27 | VJC | 387.300 | 100.000 | 38.730.000.000 | 2,17% |
| 28 | VNM | 1.088.100 | 63.400 | 68.985.540.000 | 3,87% |
| 29 | VPB | 5.691.600 | 19.200 | 109.278.720.000 | 6,14% |
| 30 | VRE | 1.182.500 | 17.150 | 20.279.875.000 | 1,14% |
| II | CÁC TÀI SẢN KHÁC | | | | |
| 1 | Dự thu cổ tức | | | 915.650.000 | 0,05% |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-ETF

| STT | Loại tài sản | Số lượng | Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | Tổng giá trị VND | Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 % |
|----------|-----------------------------------|-------------------|--|--------------------------|---|
| III 1 | TIỀN Tiền gửi ngân hàng | | | 2.852.502.659 | 0,15% |
| | TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC | 56.542.179 | | 1.781.289.642.459 | 100,00% |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun-Hang Jin
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-ETF

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 168.121.424.640 | 31.593.103.741 |
| 01.1 | Điều chỉnh (lãi)/lãi do việc mua lại chứng chỉ quỹ | | (671.355.105) | 22.753.932.835 |
| 01.2 | Điều chỉnh lãi/(lãi) do việc mua hộ chứng khoán giao dịch | | 1.641.133.950 | (1.770.205.000) |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư | | (149.451.755.107) | (63.104.528.390) |
| 03 | Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5 | (149.592.155.107) | (63.166.132.093) |
| 04 | Chi phí trích trước | | 140.400.000 | 61.603.703 |
| 05 | 3. Lợi nhuận từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động | | 19.639.448.378 | (10.527.696.814) |
| 20 | Tăng các khoản đầu tư | | (290.389.399.688) | (103.182.624.842) |
| 07 | Tăng/(giảm) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư | | (711.400.000) | 367.370.000 |
| 13 | Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | - | (4.903.225) |
| 16 | Giảm phải trả, phải nộp khác | | (132.900.000) | - |
| 17 | Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF | | 1.160.099.527 | 198.116.122 |
| 19 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (270.434.151.783) | (113.149.738.759) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 21 | 1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*) | | 272.036.317.892 | 114.815.656.892 |
| 22 | 2. Tiền chi từ phát hành chứng chỉ quỹ | | (58.843.270) | (1.591.659.765) |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 271.977.474.622 | 113.223.997.127 |
| 40 | III. Tăng tiền thuần trong năm | | 1.543.322.839 | 74.258.368 |

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-ETF

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 50 | IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 1.109.179.820 | 1.034.921.452 |
| 52 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | | |
| 52.1 | - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF | | 1.109.179.820 | 1.034.720.111 |
| 52.2 | - Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư | | - | 201.341 |
| 55 | V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 4 | 2.652.502.659 | 1.109.179.820 |
| 56 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | | |
| 57 | - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF | | 2.652.502.659 | 1.109.179.820 |
| 60 | VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm | | 1.543.322.839 | 74.258.368 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
 Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
 Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yum Hang Jin
 Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-ETF

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 1.983.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 198.300.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 6.02, tầng 6, Tòa nhà The Mett 15 Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 71.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 1.983.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 198.300.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giám tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- + Giá trị sổ sách; hoặc
- + Giá mua; hoặc
- + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ bán các khoản đầu tư

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i> | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|---|---------------------------|
| Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một năm (01) đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai năm (02) đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Công ty Chứng khoán và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.9 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ phí lưu ký

Trước ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,06% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Sau ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

| Giá trị tài sản ròng ("NAV") | Giá dịch vụ lưu ký |
|---|--------------------|
| NAV dưới 600 tỷ đồng | 0,06%/NAV/năm |
| NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng | 0,05%/NAV/năm |
| NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên | 0,04%/NAV/năm |

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí* (tiếp theo)

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Trước ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Sau ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là:

| <u>Giá trị tài sản ròng ("NAV")</u> | <u>Giá dịch vụ quản trị Quỹ</u> |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| NAV dưới 1.000 tỷ đồng | 0,03%/NAV/năm |
| NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên | 0,02%/NAV/năm |

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí* (tiếp theo)

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.10 *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|
| | <i>VND</i> | <i>VND</i> |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF | 2.652.502.659 | 1.109.179.820 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

| | Giá hoán đổi (*) /giá mua VND | Giá trị thị trường VND | Chênh lệch đánh giá lại | | | Giá trị đánh giá lại VND |
|---|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| | | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | Chênh lệch thuần VND | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 1.651.227.256.012 | 1.777.721.489.800 | 192.043.513.344 | (65.549.279.556) | 126.494.233.788 | 1.777.721.489.800 |
| | 1.651.227.256.012 | 1.777.721.489.800 | 192.043.513.344 | (65.549.279.556) | 126.494.233.788 | 1.777.721.489.800 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 598.163.005.169 | 575.065.083.850 | 26.975.451.980 | (50.073.373.299) | (23.097.921.319) | 575.065.083.850 |
| | 598.163.005.169 | 575.065.083.850 | 26.975.451.980 | (50.073.373.299) | (23.097.921.319) | 575.065.083.850 |
| Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập | | | | | 149.592.155.107 | |

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối kỳ kế toán và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i> |
|---|--|--|
| Thuế thu nhập cá nhân - Thủ lao ban đại diện Quỹ | 1.500.000 | 1.500.000 |

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i> |
|--|--|--|
| Phí kiểm toán | 140.400.000 | 140.400.000 |
| Thủ lao Ban đại diện Quỹ | 13.500.000 | 13.500.000 |
| Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán | 7.500.000 | - |
| | 161.400.000 | 153.900.000 |

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i> |
|--|--|--|
| Phí quản lý Quỹ ETF | 819.867.014 | 253.607.428 |
| Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE | 400.577.064 | 139.109.838 |
| Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE | 400.577.064 | 139.109.838 |
| Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản | 59.626.694 | 27.666.264 |
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF | 32.794.678 | 16.500.000 |
| Phí dịch vụ giám sát | 32.794.678 | 10.144.297 |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 16.500.000 | 16.500.000 |
| | 1.762.737.192 | 602.637.665 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i> | <i>Phát sinh trong năm VND</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i> |
|---|--|--|--|
| Vốn góp phát hành | | | |
| Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>) | 111.200.000 | 122.100.000 | 233.300.000 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | 1.112.000.000.000 | 1.221.000.000.000 | 2.333.000.000.000 |
| Thặng dư vốn | (232.000.287.183) | (176.973.052.108) | (408.973.339.291) |
| Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ | 879.999.712.817 | 1.044.026.947.892 | 1.924.026.660.709 |
| Vốn góp mua lại | | | |
| Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>) | (34.000.000) | (1.000.000) | (35.000.000) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá | (340.000.000.000) | (10.000.000.000) | (350.000.000.000) |
| Thặng dư vốn | 100.368.691.415 | 1.595.156.730 | 101.963.848.145 |
| Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF | (239.631.308.585) | (8.404.843.270) | (248.036.151.855) |
| Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành | 77.200.000 | 121.100.000 | 198.300.000 |
| Giá trị vốn góp hiện hành | 640.368.404.232 | 1.035.622.104.622 | 1.675.990.508.854 |
| Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối | (64.747.928.227) | 168.121.424.640 | 103.373.496.413 |
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 575.620.476.005 | 1.203.743.529.262 | 1.779.364.005.267 |
| Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ | 7.456,22 | | 8.973,09 |

10. LỢI NHUẬN/(LỖ) CHƯA PHÂN PHỐI

| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i> | <i>Phát sinh trong năm VND</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i> |
|----------------------------------|--|--|--|
| Lỗ đã thực hiện | (41.650.006.908) | 18.529.269.533 | (23.120.737.375) |
| Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện | (23.097.921.319) | 149.592.155.107 | 126.494.233.788 |
| | (64.747.928.227) | 168.121.424.640 | 103.373.496.413 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

11. CỎ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGẪN HÀNG

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Cổ tức được chia | 23.926.613.870 | 8.442.382.100 |
| - Cổ tức đã nhận | 23.010.963.870 | 8.238.132.100 |
| - Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận | 915.650.000 | 204.250.000 |
| Tiền lãi được nhận | 12.826.236 | 6.321.794 |
| | 23.939.440.106 | 8.448.703.894 |

12. LỢI NHUẬN/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) từ giao dịch mua bán chứng khoán | 5.303.384.688 | (14.779.529.308) |
| Lợi nhuận/(lỗ) từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ | 671.355.105 | (22.753.932.835) |
| Lỗ/(lợi nhuận) từ việc Quỹ mua hộ các nhà đầu tư chứng khoán hạn chế | (1.641.133.950) | 1.770.205.000 |
| | 4.333.605.843 | (35.763.257.143) |

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| | <i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i> | <i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i> | <i>Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND</i> |
|--|---|---|---|
| Cổ phiếu niêm yết | | | |
| Lợi nhuận bán các khoản đầu tư | 99.953.035.000 | 94.649.650.312 | 5.303.384.688 |
| Lợi nhuận trong giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ | 8.346.000.000 | 7.674.644.895 | 671.355.105 |
| Lợi nhuận/(lỗ) từ việc hoán đổi chứng chỉ quỹ | 1.770.205.000 | 3.411.338.950 | (1.641.133.950) |
| | 110.069.240.000 | 105.735.634.157 | 4.333.605.843 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư | 180.221.285 | 142.764.920 |
| Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư | 144.880.386 | 135.075.542 |
| | 325.101.671 | 277.840.462 |

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản | 512.069.839 | 291.482.837 |
| Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") | 112.303.304 | 47.211.204 |
| Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán | 62.542.882 | 49.590.692 |
| | 686.916.025 | 388.284.733 |

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|---|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE | 596.370.872 | 225.513.750 |
| Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE | 596.370.872 | 225.513.750 |
| | 1.192.741.744 | 451.027.500 |

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

| | <i>Năm nay</i> <i>VND</i> | <i>Năm trước</i> <i>VND</i> |
|--|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí thiết kế, in ấn, gửi thư | 80.728.124 | 17.759.632 |
| Thù lao Ban đại diện Quỹ | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Chi phí quản lý niêm yết trả HOSE | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Phí thực hiện quyền trả VSD | 20.200.000 | 30.300.000 |
| Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD | 14.500.000 | 9.000.000 |
| Chi phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán | 7.500.000 | 7.500.000 |
| Chi phí ngân hàng | 5.249.704 | 2.669.819 |
| | 218.177.828 | 157.229.451 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 1 | 01/01/2024 | 575.607.599.749 | 77.200.000 | 7.456,05 | (0,17) |
| 2 | 02/01/2024 | 575.692.669.143 | 77.200.000 | 7.457,15 | 1,10 |
| 3 | 03/01/2024 | 582.393.677.214 | 77.200.000 | 7.543,95 | 86,80 |
| 4 | 04/01/2024 | 588.345.027.805 | 77.200.000 | 7.621,04 | 77,09 |
| 5 | 07/01/2024 | 590.727.043.273 | 77.200.000 | 7.651,90 | 30,86 |
| 6 | 08/01/2024 | 591.924.212.973 | 77.200.000 | 7.667,41 | 15,51 |
| 7 | 09/01/2024 | 590.227.212.670 | 77.200.000 | 7.645,43 | (21,98) |
| 8 | 10/01/2024 | 591.470.561.675 | 77.200.000 | 7.661,53 | 16,10 |
| 9 | 11/01/2024 | 591.903.932.086 | 77.200.000 | 7.667,14 | 5,61 |
| 10 | 14/01/2024 | 591.918.524.687 | 77.200.000 | 7.667,33 | 0,19 |
| 11 | 15/01/2024 | 590.704.762.627 | 77.200.000 | 7.651,61 | (15,72) |
| 12 | 16/01/2024 | 595.205.688.237 | 77.200.000 | 7.709,91 | 58,30 |
| 13 | 17/01/2024 | 593.372.291.720 | 77.200.000 | 7.686,16 | (23,75) |
| 14 | 18/01/2024 | 604.801.326.952 | 78.200.000 | 7.734,03 | 47,87 |
| 15 | 21/01/2024 | 610.998.794.681 | 78.200.000 | 7.813,28 | 79,25 |
| 16 | 22/01/2024 | 613.218.314.942 | 78.200.000 | 7.841,66 | 28,38 |
| 17 | 23/01/2024 | 610.262.090.592 | 78.200.000 | 7.803,86 | (37,80) |
| 18 | 24/01/2024 | 607.980.410.483 | 78.200.000 | 7.774,68 | (29,18) |
| 19 | 25/01/2024 | 606.973.676.968 | 78.200.000 | 7.761,81 | (12,87) |
| 20 | 28/01/2024 | 609.656.828.586 | 78.200.000 | 7.796,12 | 34,31 |
| 21 | 29/01/2024 | 607.768.128.115 | 78.200.000 | 7.771,97 | (24,15) |
| 22 | 30/01/2024 | 609.054.864.149 | 78.200.000 | 7.788,42 | 16,45 |
| 23 | 31/01/2024 | 601.123.908.044 | 78.200.000 | 7.687,00 | (101,42) |
| 24 | 01/02/2024 | 604.725.790.997 | 78.200.000 | 7.733,06 | 46,06 |
| 25 | 04/02/2024 | 605.394.115.288 | 78.200.000 | 7.741,61 | 8,55 |
| 26 | 05/02/2024 | 616.865.052.902 | 78.200.000 | 7.888,29 | 146,68 |
| 27 | 06/02/2024 | 617.887.328.673 | 78.200.000 | 7.901,37 | 13,08 |
| 28 | 08/02/2024 | 624.827.821.686 | 78.200.000 | 7.990,12 | 88,75 |
| 29 | 14/02/2024 | 624.744.299.381 | 78.200.000 | 7.989,05 | (1,07) |
| 30 | 15/02/2024 | 627.004.219.657 | 78.200.000 | 8.017,95 | 28,90 |
| 31 | 18/02/2024 | 630.776.498.502 | 78.200.000 | 8.066,19 | 48,24 |
| 32 | 19/02/2024 | 638.820.693.511 | 78.200.000 | 8.169,06 | 102,87 |
| 33 | 20/02/2024 | 639.557.889.010 | 78.200.000 | 8.178,48 | 9,42 |
| 34 | 21/02/2024 | 639.770.130.731 | 78.200.000 | 8.181,20 | 2,72 |
| 35 | 22/02/2024 | 638.629.361.087 | 78.200.000 | 8.166,81 | (14,59) |
| 36 | 25/02/2024 | 629.935.630.142 | 78.200.000 | 8.055,44 | (111,17) |
| 37 | 26/02/2024 | 635.188.455.081 | 78.200.000 | 8.122,61 | 67,17 |
| 38 | 27/02/2024 | 642.692.878.358 | 78.200.000 | 8.218,57 | 95,96 |
| 39 | 28/02/2024 | 651.659.846.157 | 78.200.000 | 8.333,24 | 114,67 |
| 40 | 29/02/2024 | 651.853.068.723 | 78.200.000 | 8.335,71 | 2,47 |
| 41 | 03/03/2024 | 652.442.261.861 | 78.200.000 | 8.343,25 | 7,54 |
| 42 | 04/03/2024 | 653.176.369.186 | 78.200.000 | 8.352,63 | 9,38 |
| 43 | 05/03/2024 | 659.156.672.195 | 78.200.000 | 8.429,11 | 76,48 |
| 44 | 06/03/2024 | 654.451.521.214 | 78.200.000 | 8.368,94 | (60,17) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 45 | 07/03/2024 | 657.258.744.223 | 78.200.000 | 8.404,84 | 35,90 |
| 46 | 10/03/2024 | 643.640.009.683 | 78.200.000 | 8.230,69 | (174,15) |
| 47 | 11/03/2024 | 627.733.335.347 | 77.200.000 | 8.131,26 | (99,43) |
| 48 | 12/03/2024 | 631.328.590.545 | 77.200.000 | 8.177,83 | 46,57 |
| 49 | 13/03/2024 | 646.584.721.447 | 77.200.000 | 8.375,44 | 197,61 |
| 50 | 14/03/2024 | 640.492.760.471 | 77.200.000 | 8.296,53 | (78,91) |
| 51 | 17/03/2024 | 638.833.056.567 | 77.200.000 | 8.275,03 | (21,50) |
| 52 | 18/03/2024 | 628.323.900.019 | 77.200.000 | 8.138,91 | (136,12) |
| 53 | 19/03/2024 | 627.797.687.575 | 77.200.000 | 8.132,09 | (6,82) |
| 54 | 20/03/2024 | 640.133.575.109 | 77.200.000 | 8.291,88 | 159,79 |
| 55 | 21/03/2024 | 651.558.590.106 | 77.200.000 | 8.439,87 | 147,99 |
| 56 | 24/03/2024 | 652.825.009.901 | 77.200.000 | 8.456,28 | 16,41 |
| 57 | 25/03/2024 | 645.621.409.624 | 77.200.000 | 8.362,97 | (93,31) |
| 58 | 26/03/2024 | 653.850.159.244 | 77.200.000 | 8.469,56 | 106,59 |
| 59 | 27/03/2024 | 655.125.653.107 | 77.200.000 | 8.486,08 | 16,52 |
| 60 | 28/03/2024 | 662.454.177.191 | 77.200.000 | 8.581,01 | 94,93 |
| 61 | 31/03/2024 | 659.205.548.875 | 77.200.000 | 8.538,93 | (42,08) |
| 62 | 01/04/2024 | 657.013.825.497 | 77.200.000 | 8.510,54 | (28,39) |
| 63 | 02/04/2024 | 656.833.424.739 | 77.200.000 | 8.508,20 | (2,34) |
| 64 | 03/04/2024 | 647.658.750.993 | 77.200.000 | 8.389,36 | (118,84) |
| 65 | 04/04/2024 | 644.287.178.598 | 77.200.000 | 8.345,68 | (43,68) |
| 66 | 07/04/2024 | 668.209.626.557 | 80.700.000 | 8.280,16 | (65,52) |
| 67 | 08/04/2024 | 666.568.439.042 | 80.700.000 | 8.259,83 | (20,33) |
| 68 | 09/04/2024 | 673.030.809.500 | 80.700.000 | 8.339,91 | 80,08 |
| 69 | 10/04/2024 | 671.365.983.439 | 80.700.000 | 8.319,28 | (20,63) |
| 70 | 11/04/2024 | 670.841.072.521 | 80.700.000 | 8.312,77 | (6,51) |
| 71 | 14/04/2024 | 682.409.758.074 | 80.700.000 | 8.456,13 | 143,36 |
| 72 | 15/04/2024 | 652.220.013.235 | 80.700.000 | 8.082,03 | (374,10) |
| 73 | 16/04/2024 | 670.989.126.371 | 82.700.000 | 8.113,53 | 31,50 |
| 74 | 18/04/2024 | 739.182.015.184 | 92.700.000 | 7.973,91 | (139,62) |
| 75 | 21/04/2024 | 728.938.517.561 | 92.700.000 | 7.863,41 | (110,50) |
| 76 | 22/04/2024 | 784.291.634.657 | 98.700.000 | 7.946,21 | 82,80 |
| 77 | 23/04/2024 | 780.194.028.515 | 98.700.000 | 7.904,70 | (41,51) |
| 78 | 24/04/2024 | 800.826.282.949 | 98.700.000 | 8.113,74 | 209,04 |
| 79 | 25/04/2024 | 805.874.946.336 | 99.200.000 | 8.123,73 | 9,99 |
| 80 | 30/04/2024 | 810.215.659.335 | 99.200.000 | 8.167,49 | 43,76 |
| 81 | 01/05/2024 | 810.198.114.283 | 99.200.000 | 8.167,31 | (0,18) |
| 82 | 02/05/2024 | 814.560.312.795 | 99.200.000 | 8.211,29 | 43,98 |
| 83 | 03/05/2024 | 820.018.348.948 | 99.200.000 | 8.266,31 | 55,02 |
| 84 | 05/05/2024 | 819.982.854.445 | 99.200.000 | 8.265,95 | (0,36) |
| 85 | 06/05/2024 | 832.315.591.204 | 99.200.000 | 8.390,27 | 124,32 |
| 86 | 07/05/2024 | 838.974.700.179 | 99.200.000 | 8.457,40 | 67,13 |
| 87 | 08/05/2024 | 838.949.446.048 | 99.200.000 | 8.457,15 | (0,25) |
| 88 | 09/05/2024 | 836.728.564.755 | 99.200.000 | 8.434,76 | (22,39) |
| 89 | 12/05/2024 | 834.058.193.497 | 99.200.000 | 8.407,84 | (26,92) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 90 | 13/05/2024 | 830.813.227.229 | 99.200.000 | 8.375,13 | (32,71) |
| 91 | 14/05/2024 | 834.039.334.758 | 99.200.000 | 8.407,65 | 32,52 |
| 92 | 15/05/2024 | 842.290.693.973 | 99.200.000 | 8.490,83 | 83,18 |
| 93 | 16/05/2024 | 854.208.472.187 | 99.200.000 | 8.610,97 | 120,14 |
| 94 | 19/05/2024 | 855.382.588.233 | 99.200.000 | 8.622,80 | 11,83 |
| 95 | 20/05/2024 | 856.927.642.506 | 99.200.000 | 8.638,38 | 15,58 |
| 96 | 21/05/2024 | 856.517.439.190 | 99.200.000 | 8.634,24 | (4,14) |
| 97 | 22/05/2024 | 848.311.226.809 | 99.200.000 | 8.551,52 | (82,72) |
| 98 | 23/05/2024 | 857.899.906.974 | 99.200.000 | 8.648,18 | 96,66 |
| 99 | 26/05/2024 | 1.133.237.344.325 | 133.200.000 | 8.507,78 | (140,40) |
| 100 | 27/05/2024 | 1.134.433.446.927 | 133.200.000 | 8.516,76 | 8,98 |
| 101 | 28/05/2024 | 1.169.020.207.593 | 135.700.000 | 8.614,73 | 97,97 |
| 102 | 29/05/2024 | 1.154.923.837.827 | 135.700.000 | 8.510,86 | (103,87) |
| 103 | 30/05/2024 | 1.150.679.664.089 | 135.700.000 | 8.479,58 | (31,28) |
| 104 | 31/05/2024 | 1.150.720.245.774 | 135.700.000 | 8.479,88 | 0,30 |
| 105 | 02/06/2024 | 1.150.672.405.476 | 135.700.000 | 8.479,53 | (0,35) |
| 106 | 03/06/2024 | 1.170.150.297.456 | 135.700.000 | 8.623,06 | 143,53 |
| 107 | 04/06/2024 | 1.173.005.264.535 | 135.700.000 | 8.644,10 | 21,04 |
| 108 | 05/06/2024 | 1.171.769.066.354 | 135.700.000 | 8.634,99 | (9,11) |
| 109 | 06/06/2024 | 1.174.082.043.031 | 135.700.000 | 8.652,04 | 17,05 |
| 110 | 09/06/2024 | 1.179.184.167.782 | 135.700.000 | 8.689,64 | 37,60 |
| 111 | 10/06/2024 | 1.181.906.500.727 | 135.700.000 | 8.709,70 | 20,06 |
| 112 | 11/06/2024 | 1.179.365.158.907 | 135.700.000 | 8.690,97 | (18,73) |
| 113 | 12/06/2024 | 1.201.438.437.256 | 135.700.000 | 8.853,63 | 162,66 |
| 114 | 13/06/2024 | 1.203.244.801.938 | 135.700.000 | 8.866,94 | 13,31 |
| 115 | 16/06/2024 | 1.187.513.377.834 | 135.700.000 | 8.751,01 | (115,93) |
| 116 | 17/06/2024 | 1.181.403.249.891 | 135.700.000 | 8.705,99 | (45,02) |
| 117 | 18/06/2024 | 1.181.539.256.970 | 135.700.000 | 8.706,99 | 1,00 |
| 118 | 19/06/2024 | 1.202.903.371.270 | 137.700.000 | 8.735,68 | 28,69 |
| 119 | 20/06/2024 | 1.210.809.892.914 | 137.700.000 | 8.793,10 | 57,42 |
| 120 | 23/06/2024 | 1.296.287.559.323 | 147.700.000 | 8.776,48 | (16,62) |
| 121 | 24/06/2024 | 1.266.742.396.007 | 147.700.000 | 8.576,45 | (200,03) |
| 122 | 25/06/2024 | 1.291.403.153.110 | 150.700.000 | 8.569,36 | (7,09) |
| 123 | 26/06/2024 | 1.293.884.963.511 | 150.700.000 | 8.585,83 | 16,47 |
| 124 | 27/06/2024 | 1.291.581.704.132 | 150.700.000 | 8.570,54 | (15,29) |
| 125 | 30/06/2024 | 1.281.347.708.100 | 150.700.000 | 8.502,63 | (67,91) |
| 126 | 01/07/2024 | 1.288.491.274.393 | 150.700.000 | 8.550,04 | 47,41 |
| 127 | 02/07/2024 | 1.299.058.023.181 | 150.700.000 | 8.620,15 | 70,11 |
| 128 | 03/07/2024 | 1.308.483.035.850 | 150.700.000 | 8.682,70 | 62,55 |
| 129 | 04/07/2024 | 1.313.590.101.497 | 150.700.000 | 8.716,58 | 33,88 |
| 130 | 07/07/2024 | 1.319.345.893.596 | 150.700.000 | 8.754,78 | 38,20 |
| 131 | 08/07/2024 | 1.318.967.466.399 | 150.700.000 | 8.752,27 | (2,51) |
| 132 | 09/07/2024 | 1.324.896.778.438 | 150.700.000 | 8.791,61 | 39,34 |
| 133 | 10/07/2024 | 1.313.966.065.570 | 150.700.000 | 8.719,08 | (72,53) |
| 134 | 11/07/2024 | 1.309.236.082.786 | 150.700.000 | 8.687,69 | (31,39) |
| 135 | 14/07/2024 | 1.306.849.853.717 | 150.700.000 | 8.671,86 | (15,83) |
| 136 | 15/07/2024 | 1.302.820.497.298 | 150.700.000 | 8.645,12 | (26,74) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 137 | 16/07/2024 | 1.308.283.864.160 | 150.700.000 | 8.681,37 | 36,25 |
| 138 | 17/07/2024 | 1.310.333.409.818 | 150.700.000 | 8.694,97 | 13,60 |
| 139 | 18/07/2024 | 1.312.823.307.044 | 150.700.000 | 8.711,50 | 16,53 |
| 140 | 21/07/2024 | 1.308.681.510.591 | 150.700.000 | 8.684,01 | (27,49) |
| 141 | 22/07/2024 | 1.305.634.842.129 | 150.700.000 | 8.663,80 | (20,21) |
| 142 | 23/07/2024 | 1.297.734.226.583 | 152.200.000 | 8.526,50 | (137,30) |
| 143 | 24/07/2024 | 1.299.570.163.289 | 152.200.000 | 8.538,56 | 12,06 |
| 144 | 25/07/2024 | 1.392.948.005.067 | 164.200.000 | 8.483,23 | (55,33) |
| 145 | 28/07/2024 | 1.420.515.873.675 | 166.200.000 | 8.547,02 | 63,79 |
| 146 | 29/07/2024 | 1.424.783.918.777 | 166.200.000 | 8.572,70 | 25,68 |
| 147 | 30/07/2024 | 1.427.061.262.203 | 166.200.000 | 8.586,40 | 13,70 |
| 148 | 31/07/2024 | 1.465.477.074.407 | 169.200.000 | 8.661,21 | 74,81 |
| 149 | 01/08/2024 | 1.434.925.089.674 | 169.200.000 | 8.480,64 | (180,57) |
| 150 | 04/08/2024 | 1.444.917.808.268 | 169.200.000 | 8.539,70 | 59,06 |
| 151 | 05/08/2024 | 1.391.198.905.917 | 169.200.000 | 8.222,21 | (317,49) |
| 152 | 06/08/2024 | 1.413.435.903.376 | 169.200.000 | 8.353,64 | 131,43 |
| 153 | 07/08/2024 | 1.413.891.617.680 | 169.200.000 | 8.356,33 | 2,69 |
| 154 | 08/08/2024 | 1.402.177.202.281 | 169.200.000 | 8.287,09 | (69,24) |
| 155 | 11/08/2024 | 1.426.342.095.802 | 169.200.000 | 8.429,91 | 142,82 |
| 156 | 12/08/2024 | 1.450.680.252.499 | 171.200.000 | 8.473,59 | 43,68 |
| 157 | 13/08/2024 | 1.448.398.960.194 | 171.300.000 | 8.455,33 | (18,26) |
| 158 | 14/08/2024 | 1.450.257.461.435 | 171.300.000 | 8.466,18 | 10,85 |
| 159 | 15/08/2024 | 1.444.453.770.304 | 171.300.000 | 8.432,30 | (33,88) |
| 160 | 18/08/2024 | 1.474.433.357.170 | 171.300.000 | 8.607,31 | 175,01 |
| 161 | 19/08/2024 | 1.482.794.101.670 | 171.300.000 | 8.656,12 | 48,81 |
| 162 | 20/08/2024 | 1.489.838.544.594 | 171.300.000 | 8.697,24 | 41,12 |
| 163 | 21/08/2024 | 1.503.996.885.123 | 171.300.000 | 8.779,90 | 82,66 |
| 164 | 22/08/2024 | 1.522.543.186.795 | 173.300.000 | 8.785,59 | 5,69 |
| 165 | 25/08/2024 | 1.525.425.483.090 | 173.300.000 | 8.802,22 | 16,63 |
| 166 | 26/08/2024 | 1.522.452.432.770 | 173.300.000 | 8.785,06 | (17,16) |
| 167 | 27/08/2024 | 1.526.676.371.611 | 173.300.000 | 8.809,44 | 24,38 |
| 168 | 28/08/2024 | 1.528.100.142.050 | 173.300.000 | 8.817,65 | 8,21 |
| 169 | 29/08/2024 | 1.549.353.709.135 | 175.300.000 | 8.838,29 | 20,64 |
| 170 | 31/08/2024 | 1.554.945.019.323 | 175.300.000 | 8.870,19 | 31,90 |
| 171 | 03/09/2024 | 1.554.848.980.157 | 175.300.000 | 8.869,64 | (0,55) |
| 172 | 04/09/2024 | 1.538.706.786.635 | 175.300.000 | 8.777,56 | (92,08) |
| 173 | 05/09/2024 | 1.528.560.746.590 | 175.300.000 | 8.719,68 | (57,88) |
| 174 | 08/09/2024 | 1.535.866.714.189 | 175.300.000 | 8.761,36 | 41,68 |
| 175 | 09/09/2024 | 1.526.229.378.151 | 175.300.000 | 8.706,38 | (54,98) |
| 176 | 10/09/2024 | 1.510.895.493.065 | 175.300.000 | 8.618,91 | (87,47) |
| 177 | 11/09/2024 | 1.510.663.246.056 | 175.300.000 | 8.617,58 | (1,33) |
| 178 | 12/09/2024 | 1.514.998.092.715 | 175.300.000 | 8.642,31 | 24,73 |
| 179 | 15/09/2024 | 1.537.702.563.024 | 178.300.000 | 8.624,24 | (18,07) |
| 180 | 16/09/2024 | 1.522.321.577.548 | 178.300.000 | 8.537,97 | (86,27) |
| 181 | 17/09/2024 | 1.548.740.931.442 | 178.300.000 | 8.686,15 | 148,18 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 182 | 18/09/2024 | 1.557.365.183.674 | 178.300.000 | 8.734,52 | 48,37 |
| 183 | 19/09/2024 | 1.566.201.778.788 | 178.300.000 | 8.784,08 | 49,56 |
| 184 | 22/09/2024 | 1.628.107.249.900 | 184.300.000 | 8.834,00 | 49,92 |
| 185 | 23/09/2024 | 1.623.364.653.361 | 184.300.000 | 8.808,27 | (25,73) |
| 186 | 24/09/2024 | 1.637.801.603.657 | 184.300.000 | 8.886,60 | 78,33 |
| 187 | 25/09/2024 | 1.653.991.183.252 | 184.300.000 | 8.974,45 | 87,85 |
| 188 | 26/09/2024 | 1.662.289.607.125 | 184.300.000 | 9.019,47 | 45,02 |
| 189 | 29/09/2024 | 1.673.330.520.172 | 185.300.000 | 9.030,38 | 10,91 |
| 190 | 30/09/2024 | 1.673.282.727.792 | 185.300.000 | 9.030,12 | (0,26) |
| 191 | 01/10/2024 | 1.681.059.484.474 | 185.300.000 | 9.072,09 | 41,97 |
| 192 | 02/10/2024 | 1.675.621.403.156 | 185.300.000 | 9.042,74 | (29,35) |
| 193 | 03/10/2024 | 1.685.652.565.173 | 185.300.000 | 8.988,95 | (53,79) |
| 194 | 06/10/2024 | 1.652.867.094.668 | 185.300.000 | 8.919,95 | (69,00) |
| 195 | 07/10/2024 | 1.651.945.008.040 | 185.300.000 | 8.914,97 | (4,98) |
| 196 | 08/10/2024 | 1.656.314.340.684 | 185.300.000 | 8.938,55 | 23,58 |
| 197 | 09/10/2024 | 1.672.249.728.393 | 185.300.000 | 9.024,55 | 86,00 |
| 198 | 10/10/2024 | 1.682.849.552.475 | 185.300.000 | 9.081,75 | 57,20 |
| 199 | 13/10/2024 | 1.685.117.846.223 | 185.300.000 | 9.093,99 | 12,24 |
| 200 | 14/10/2024 | 1.762.084.432.054 | 194.300.000 | 9.068,88 | (25,11) |
| 201 | 15/10/2024 | 1.758.583.440.844 | 194.300.000 | 9.050,86 | (18,02) |
| 202 | 16/10/2024 | 1.755.967.323.845 | 194.300.000 | 9.037,40 | (13,46) |
| 203 | 17/10/2024 | 1.767.312.048.526 | 194.300.000 | 9.095,79 | 58,39 |
| 204 | 20/10/2024 | 1.766.958.877.448 | 194.300.000 | 9.093,97 | (1,82) |
| 205 | 21/10/2024 | 1.760.881.410.554 | 194.300.000 | 9.062,69 | (31,28) |
| 206 | 22/10/2024 | 1.749.052.281.484 | 194.300.000 | 9.001,81 | (60,88) |
| 207 | 23/10/2024 | 1.750.046.514.075 | 194.300.000 | 9.006,93 | 5,12 |
| 208 | 24/10/2024 | 1.723.991.957.291 | 194.300.000 | 8.872,83 | (134,10) |
| 209 | 27/10/2024 | 1.718.603.688.374 | 194.300.000 | 8.845,10 | (27,73) |
| 210 | 28/10/2024 | 1.722.177.441.601 | 194.300.000 | 8.863,49 | 18,39 |
| 211 | 29/10/2024 | 1.731.768.560.309 | 194.300.000 | 8.912,85 | 49,36 |
| 212 | 30/10/2024 | 1.729.271.438.445 | 194.300.000 | 8.900,00 | (12,85) |
| 213 | 31/10/2024 | 1.735.377.308.115 | 194.300.000 | 8.931,43 | 31,43 |
| 214 | 03/11/2024 | 1.718.440.885.883 | 194.300.000 | 8.844,26 | (87,17) |
| 215 | 04/11/2024 | 1.701.748.906.244 | 194.300.000 | 8.758,35 | (85,91) |
| 216 | 05/11/2024 | 1.702.459.309.856 | 194.300.000 | 8.762,01 | 3,66 |
| 217 | 06/11/2024 | 1.723.424.551.061 | 194.300.000 | 8.869,91 | 107,90 |
| 218 | 07/11/2024 | 1.719.622.614.215 | 194.300.000 | 8.850,34 | (19,57) |
| 219 | 10/11/2024 | 1.707.443.738.773 | 194.300.000 | 8.787,66 | (62,68) |
| 220 | 11/11/2024 | 1.698.483.650.119 | 194.300.000 | 8.741,55 | (46,11) |
| 221 | 12/11/2024 | 1.687.432.709.142 | 194.300.000 | 8.684,67 | (56,88) |
| 222 | 13/11/2024 | 1.690.100.739.477 | 194.300.000 | 8.698,40 | 13,73 |
| 223 | 14/11/2024 | 1.684.750.277.855 | 196.300.000 | 8.582,52 | (115,88) |
| 224 | 17/11/2024 | 1.681.422.990.600 | 198.300.000 | 8.479,18 | (103,34) |
| 225 | 18/11/2024 | 1.680.067.753.303 | 198.300.000 | 8.472,35 | (6,83) |
| 226 | 19/11/2024 | 1.665.387.080.220 | 198.300.000 | 8.398,32 | (74,03) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 227 | 20/11/2024 | 1.682.073.990.206 | 198.300.000 | 8.482,47 | 84,15 |
| 228 | 21/11/2024 | 1.701.785.303.486 | 198.300.000 | 8.581,87 | 99,40 |
| 229 | 24/11/2024 | 1.700.899.386.773 | 198.300.000 | 8.577,40 | (4,47) |
| 230 | 25/11/2024 | 1.708.612.185.140 | 198.300.000 | 8.616,29 | 38,89 |
| 231 | 26/11/2024 | 1.718.202.032.878 | 198.300.000 | 8.664,65 | 48,36 |
| 232 | 27/11/2024 | 1.720.604.809.083 | 198.300.000 | 8.676,77 | 12,12 |
| 233 | 28/11/2024 | 1.721.174.317.717 | 198.300.000 | 8.679,64 | 2,87 |
| 234 | 30/11/2024 | 1.733.990.378.850 | 198.300.000 | 8.744,27 | 64,63 |
| 235 | 01/12/2024 | 1.733.954.786.362 | 198.300.000 | 8.744,09 | (0,18) |
| 236 | 02/12/2024 | 1.732.032.794.672 | 198.300.000 | 8.734,40 | (9,69) |
| 237 | 03/12/2024 | 1.732.463.352.995 | 198.300.000 | 8.736,57 | 2,17 |
| 238 | 04/12/2024 | 1.717.405.685.249 | 198.300.000 | 8.660,64 | (75,93) |
| 239 | 05/12/2024 | 1.769.903.862.801 | 198.300.000 | 8.925,38 | 264,74 |
| 240 | 08/12/2024 | 1.769.434.326.379 | 198.300.000 | 8.923,01 | (2,37) |
| 241 | 09/12/2024 | 1.767.938.900.837 | 198.300.000 | 8.915,47 | (7,54) |
| 242 | 10/12/2024 | 1.767.451.507.438 | 198.300.000 | 8.913,01 | (2,46) |
| 243 | 11/12/2024 | 1.768.246.533.528 | 198.300.000 | 8.917,02 | 4,01 |
| 244 | 12/12/2024 | 1.766.979.756.974 | 198.300.000 | 8.910,63 | (6,39) |
| 245 | 15/12/2024 | 1.761.628.534.433 | 198.300.000 | 8.883,65 | (26,98) |
| 246 | 16/12/2024 | 1.761.907.769.548 | 198.300.000 | 8.885,06 | 1,41 |
| 247 | 17/12/2024 | 1.756.333.203.612 | 198.300.000 | 8.856,95 | (28,11) |
| 248 | 18/12/2024 | 1.759.205.765.415 | 198.300.000 | 8.871,43 | 14,48 |
| 249 | 19/12/2024 | 1.738.465.919.457 | 198.300.000 | 8.766,84 | (104,59) |
| 250 | 22/12/2024 | 1.743.115.773.858 | 198.300.000 | 8.790,29 | 23,45 |
| 251 | 23/12/2024 | 1.750.032.321.586 | 198.300.000 | 8.825,17 | 34,88 |
| 252 | 24/12/2024 | 1.750.327.856.487 | 198.300.000 | 8.826,66 | 1,49 |
| 253 | 25/12/2024 | 1.775.678.336.881 | 198.300.000 | 8.954,50 | 127,84 |
| 254 | 26/12/2024 | 1.776.819.735.036 | 198.300.000 | 8.960,26 | 5,76 |
| 255 | 29/12/2024 | 1.782.195.579.950 | 198.300.000 | 8.987,37 | 27,11 |
| 256 | 30/12/2024 | 1.782.845.143.663 | 198.300.000 | 8.990,64 | 3,27 |
| 257 | 31/12/2024 | 1.779.364.005.267 | 198.300.000 | 8.973,09 | (17,55) |

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 1.192.695.985.034

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 374,10
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,18

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 1 | 02/01/2023 | 403.750.662.729 | 61.500.000 | 6.565,05 | (0,30) |
| 2 | 03/01/2023 | 420.578.328.716 | 61.500.000 | 6.838,67 | 273,62 |
| 3 | 04/01/2023 | 421.733.345.889 | 61.500.000 | 6.857,45 | 18,78 |
| 4 | 05/01/2023 | 426.427.897.913 | 61.500.000 | 6.933,78 | 76,33 |
| 5 | 08/01/2023 | 424.592.965.791 | 61.500.000 | 6.903,95 | (29,83) |
| 6 | 09/01/2023 | 426.083.737.214 | 61.500.000 | 6.928,19 | 24,24 |
| 7 | 10/01/2023 | 425.824.744.922 | 61.500.000 | 6.923,97 | (4,22) |
| 8 | 11/01/2023 | 427.693.335.765 | 61.500.000 | 6.954,36 | 30,39 |
| 9 | 12/01/2023 | 428.092.912.746 | 61.500.000 | 6.960,86 | 6,50 |
| 10 | 15/01/2023 | 429.517.224.193 | 61.500.000 | 6.984,01 | 23,15 |
| 11 | 16/01/2023 | 431.856.041.705 | 61.500.000 | 7.022,04 | 38,03 |
| 12 | 17/01/2023 | 443.080.145.764 | 61.500.000 | 7.204,55 | 182,51 |
| 13 | 18/01/2023 | 447.879.180.727 | 61.500.000 | 7.282,58 | 78,03 |
| 14 | 19/01/2023 | 450.353.327.672 | 61.500.000 | 7.322,81 | 40,23 |
| 15 | 26/01/2023 | 450.280.507.743 | 61.500.000 | 7.321,63 | (1,18) |
| 16 | 29/01/2023 | 453.753.024.959 | 61.500.000 | 7.378,09 | 56,46 |
| 17 | 30/01/2023 | 447.040.331.996 | 61.500.000 | 7.268,94 | (109,15) |
| 18 | 31/01/2023 | 451.478.853.288 | 61.500.000 | 7.341,11 | 72,17 |
| 19 | 01/02/2023 | 436.647.894.028 | 61.500.000 | 7.099,96 | (241,15) |
| 20 | 02/02/2023 | 438.800.949.339 | 61.500.000 | 7.134,97 | 35,01 |
| 21 | 05/02/2023 | 435.631.686.727 | 61.500.000 | 7.083,44 | (51,53) |
| 22 | 06/02/2023 | 438.979.498.556 | 61.500.000 | 7.137,87 | 54,43 |
| 23 | 07/02/2023 | 429.095.382.052 | 61.500.000 | 6.977,16 | (160,71) |
| 24 | 08/02/2023 | 430.639.941.815 | 61.500.000 | 7.002,27 | 25,11 |
| 25 | 09/02/2023 | 425.672.629.531 | 61.500.000 | 6.921,50 | (80,77) |
| 26 | 12/02/2023 | 421.160.743.671 | 61.500.000 | 6.848,14 | (73,36) |
| 27 | 13/02/2023 | 417.807.791.139 | 61.500.000 | 6.793,62 | (54,52) |
| 28 | 14/02/2023 | 415.607.810.862 | 61.500.000 | 6.757,85 | (35,77) |
| 29 | 15/02/2023 | 418.974.762.646 | 61.500.000 | 6.812,59 | 54,74 |
| 30 | 16/02/2023 | 423.738.546.922 | 61.500.000 | 6.890,05 | 77,46 |
| 31 | 19/02/2023 | 423.092.881.604 | 61.500.000 | 6.879,55 | (10,50) |
| 32 | 20/02/2023 | 436.565.540.846 | 61.500.000 | 7.098,62 | 219,07 |
| 33 | 21/02/2023 | 433.962.232.439 | 61.500.000 | 7.056,29 | (42,33) |
| 34 | 22/02/2023 | 422.003.850.752 | 61.500.000 | 6.861,85 | (194,44) |
| 35 | 23/02/2023 | 421.947.297.507 | 61.500.000 | 6.860,93 | (0,92) |
| 36 | 26/02/2023 | 400.229.384.417 | 59.500.000 | 6.726,54 | (134,39) |
| 37 | 27/02/2023 | 376.328.336.035 | 57.000.000 | 6.602,25 | (124,29) |
| 38 | 28/02/2023 | 344.461.377.125 | 52.000.000 | 6.624,25 | 22,00 |
| 39 | 01/03/2023 | 350.992.976.199 | 52.000.000 | 6.749,86 | 125,61 |
| 40 | 02/03/2023 | 349.076.161.700 | 52.000.000 | 6.713,00 | (36,86) |
| 41 | 05/03/2023 | 310.766.806.864 | 47.000.000 | 6.612,05 | (100,95) |
| 42 | 06/03/2023 | 311.049.841.610 | 47.000.000 | 6.618,08 | 6,03 |
| 43 | 07/03/2023 | 314.992.954.427 | 47.000.000 | 6.701,97 | 83,89 |
| 44 | 08/03/2023 | 319.101.859.846 | 47.000.000 | 6.789,40 | 87,43 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 45 | 09/03/2023 | 322.061.051.630 | 47.000.000 | 6.852,36 | 62,96 |
| 46 | 12/03/2023 | 321.092.681.835 | 47.000.000 | 6.831,75 | (20,61) |
| 47 | 13/03/2023 | 321.964.698.194 | 47.000.000 | 6.850,31 | 18,56 |
| 48 | 14/03/2023 | 318.060.137.392 | 47.000.000 | 6.767,23 | (83,08) |
| 49 | 15/03/2023 | 305.508.088.701 | 44.000.000 | 6.943,36 | 176,13 |
| 50 | 16/03/2023 | 300.512.872.465 | 44.000.000 | 6.829,83 | (113,53) |
| 51 | 19/03/2023 | 300.693.818.120 | 44.000.000 | 6.833,95 | 4,12 |
| 52 | 20/03/2023 | 294.738.126.455 | 44.000.000 | 6.698,59 | (135,36) |
| 53 | 21/03/2023 | 297.760.906.186 | 44.000.000 | 6.767,29 | 68,70 |
| 54 | 22/03/2023 | 300.079.156.158 | 44.000.000 | 6.819,98 | 52,69 |
| 55 | 23/03/2023 | 301.065.032.106 | 44.000.000 | 6.842,38 | 22,40 |
| 56 | 26/03/2023 | 302.424.192.433 | 44.000.000 | 6.873,27 | 30,89 |
| 57 | 27/03/2023 | 303.859.030.151 | 44.000.000 | 6.905,88 | 32,61 |
| 58 | 28/03/2023 | 304.533.776.985 | 44.000.000 | 6.921,22 | 15,34 |
| 59 | 29/03/2023 | 305.281.842.246 | 44.000.000 | 6.938,22 | 17,00 |
| 60 | 30/03/2023 | 306.935.791.206 | 44.000.000 | 6.975,81 | 37,59 |
| 61 | 31/03/2023 | 308.775.416.437 | 44.000.000 | 7.017,62 | 41,81 |
| 62 | 02/04/2023 | 308.759.912.958 | 44.000.000 | 7.017,27 | (0,35) |
| 63 | 03/04/2023 | 313.073.272.528 | 44.000.000 | 7.115,30 | 98,03 |
| 64 | 04/04/2023 | 312.952.920.965 | 44.000.000 | 7.112,56 | (2,74) |
| 65 | 05/04/2023 | 313.373.423.359 | 44.000.000 | 7.122,12 | 9,56 |
| 66 | 06/04/2023 | 310.371.868.566 | 44.000.000 | 7.053,90 | (68,22) |
| 67 | 09/04/2023 | 310.352.237.859 | 44.000.000 | 7.053,45 | (0,45) |
| 68 | 10/04/2023 | 309.918.365.819 | 44.000.000 | 7.043,59 | (9,86) |
| 69 | 11/04/2023 | 311.143.277.624 | 44.000.000 | 7.071,43 | 27,84 |
| 70 | 12/04/2023 | 310.841.385.035 | 44.000.000 | 7.064,57 | (6,86) |
| 71 | 13/04/2023 | 309.106.975.830 | 44.000.000 | 7.025,15 | (39,42) |
| 72 | 16/04/2023 | 305.856.607.895 | 44.000.000 | 6.951,28 | (73,87) |
| 73 | 17/04/2023 | 306.301.886.386 | 44.000.000 | 6.961,40 | 10,12 |
| 74 | 18/04/2023 | 306.157.232.590 | 44.000.000 | 6.958,11 | (3,29) |
| 75 | 19/04/2023 | 303.735.189.280 | 44.000.000 | 6.903,07 | (55,04) |
| 76 | 20/04/2023 | 303.003.417.003 | 44.000.000 | 6.886,44 | (16,63) |
| 77 | 23/04/2023 | 300.844.553.791 | 44.000.000 | 6.837,37 | (49,07) |
| 78 | 24/04/2023 | 300.834.142.294 | 44.000.000 | 6.837,13 | (0,24) |
| 79 | 25/04/2023 | 298.203.865.338 | 44.000.000 | 6.777,36 | (59,77) |
| 80 | 26/04/2023 | 300.536.689.430 | 44.000.000 | 6.830,37 | 53,01 |
| 81 | 27/04/2023 | 299.475.420.429 | 44.000.000 | 6.806,25 | (24,12) |
| 82 | 30/04/2023 | 302.262.497.548 | 44.000.000 | 6.869,60 | 63,35 |
| 83 | 03/05/2023 | 302.239.753.712 | 44.000.000 | 6.869,08 | (0,52) |
| 84 | 04/05/2023 | 298.847.194.442 | 44.000.000 | 6.791,98 | (77,10) |
| 85 | 07/05/2023 | 298.482.322.401 | 44.000.000 | 6.783,68 | (8,30) |
| 86 | 08/05/2023 | 301.710.644.114 | 44.000.000 | 6.857,06 | 73,38 |
| 87 | 09/05/2023 | 301.689.408.318 | 44.000.000 | 6.856,57 | (0,49) |
| 88 | 10/05/2023 | 303.203.937.597 | 44.000.000 | 6.890,99 | 34,42 |
| 89 | 11/05/2023 | 303.180.005.706 | 44.000.000 | 6.890,45 | (0,54) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 90 | 14/05/2023 | 306.463.103.537 | 44.000.000 | 6.965,07 | 74,62 |
| 91 | 15/05/2023 | 307.735.307.926 | 44.000.000 | 6.993,98 | 28,91 |
| 92 | 16/05/2023 | 307.365.643.773 | 44.000.000 | 6.985,58 | (8,40) |
| 93 | 17/05/2023 | 305.193.708.557 | 44.000.000 | 6.936,22 | (49,36) |
| 94 | 18/05/2023 | 307.673.620.783 | 44.000.000 | 6.992,58 | 56,36 |
| 95 | 21/05/2023 | 307.100.828.291 | 44.000.000 | 6.979,56 | (13,02) |
| 96 | 22/05/2023 | 308.501.412.075 | 44.000.000 | 7.011,39 | 31,83 |
| 97 | 23/05/2023 | 306.859.191.246 | 44.000.000 | 6.974,07 | (37,32) |
| 98 | 24/05/2023 | 304.984.271.186 | 44.000.000 | 6.931,46 | (42,61) |
| 99 | 25/05/2023 | 305.149.909.826 | 44.000.000 | 6.935,22 | 3,76 |
| 100 | 28/05/2023 | 304.738.963.825 | 44.000.000 | 6.925,88 | (9,34) |
| 101 | 29/05/2023 | 307.807.452.405 | 44.000.000 | 6.995,62 | 69,74 |
| 102 | 30/05/2023 | 308.387.808.302 | 44.000.000 | 7.008,81 | 13,19 |
| 103 | 31/05/2023 | 306.801.634.765 | 44.000.000 | 6.972,76 | (36,05) |
| 104 | 01/06/2023 | 308.154.215.250 | 44.000.000 | 7.003,50 | 30,74 |
| 105 | 04/06/2023 | 313.558.161.362 | 44.000.000 | 7.126,32 | 122,82 |
| 106 | 05/06/2023 | 314.735.479.129 | 44.000.000 | 7.153,07 | 26,75 |
| 107 | 06/06/2023 | 317.959.180.944 | 44.000.000 | 7.226,34 | 73,27 |
| 108 | 07/06/2023 | 318.916.883.076 | 44.000.000 | 7.248,11 | 21,77 |
| 109 | 08/06/2023 | 315.104.642.246 | 44.000.000 | 7.161,46 | (86,65) |
| 110 | 11/06/2023 | 317.521.085.734 | 44.000.000 | 7.216,38 | 54,92 |
| 111 | 12/06/2023 | 320.037.962.075 | 44.000.000 | 7.273,59 | 57,21 |
| 112 | 13/06/2023 | 321.684.590.049 | 44.000.000 | 7.311,01 | 37,42 |
| 113 | 14/06/2023 | 320.669.319.216 | 44.000.000 | 7.287,93 | (23,08) |
| 114 | 15/06/2023 | 320.079.277.345 | 44.000.000 | 7.274,52 | (13,41) |
| 115 | 18/06/2023 | 320.196.916.209 | 44.000.000 | 7.277,20 | 2,68 |
| 116 | 19/06/2023 | 317.281.416.951 | 44.000.000 | 7.210,94 | (66,26) |
| 117 | 20/06/2023 | 311.863.606.103 | 43.000.000 | 7.252,64 | 41,70 |
| 118 | 21/06/2023 | 314.053.084.240 | 43.000.000 | 7.303,56 | 50,92 |
| 119 | 22/06/2023 | 315.609.623.062 | 43.000.000 | 7.339,75 | 36,19 |
| 120 | 25/06/2023 | 318.171.614.994 | 43.000.000 | 7.399,33 | 59,58 |
| 121 | 26/06/2023 | 319.425.185.915 | 43.000.000 | 7.428,49 | 29,16 |
| 122 | 27/06/2023 | 320.315.704.044 | 43.000.000 | 7.449,20 | 20,71 |
| 123 | 28/06/2023 | 322.197.089.128 | 43.000.000 | 7.492,95 | 43,75 |
| 124 | 29/06/2023 | 317.723.269.536 | 43.000.000 | 7.388,91 | (104,04) |
| 125 | 30/06/2023 | 317.105.990.383 | 43.000.000 | 7.374,55 | (14,36) |
| 126 | 02/07/2023 | 317.090.281.227 | 43.000.000 | 7.374,19 | (0,36) |
| 127 | 03/07/2023 | 317.148.525.957 | 43.000.000 | 7.375,54 | 1,35 |
| 128 | 04/07/2023 | 318.446.355.791 | 43.000.000 | 7.405,72 | 30,18 |
| 129 | 05/07/2023 | 319.209.207.581 | 43.000.000 | 7.423,46 | 17,74 |
| 130 | 06/07/2023 | 316.288.996.787 | 43.000.000 | 7.355,55 | (67,91) |
| 131 | 09/07/2023 | 319.082.031.802 | 43.000.000 | 7.420,51 | 64,96 |
| 132 | 10/07/2023 | 322.947.108.316 | 43.000.000 | 7.510,39 | 89,88 |
| 133 | 11/07/2023 | 323.931.987.354 | 43.000.000 | 7.533,30 | 22,91 |
| 134 | 12/07/2023 | 316.351.987.841 | 42.000.000 | 7.532,19 | (1,11) |
| 135 | 13/07/2023 | 318.982.872.530 | 42.000.000 | 7.594,83 | 62,64 |
| 136 | 16/07/2023 | 320.194.441.250 | 42.000.000 | 7.623,67 | 28,84 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|-----------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------|
| 137 | 17/07/2023 | 321.286.233.150 | 42.000.000 | 7.649,67 | 26,00 |
| 138 | 18/07/2023 | 321.896.417.835 | 42.000.000 | 7.664,20 | 14,53 |
| 139 | 19/07/2023 | 321.441.367.199 | 42.000.000 | 7.653,36 | (10,84) |
| 140 | 20/07/2023 | 460.414.636.242 | 60.000.000 | 7.673,57 | 20,21 |
| 141 | 23/07/2023 | 467.539.419.459 | 60.000.000 | 7.792,32 | 118,75 |
| 142 | 24/07/2023 | 509.219.336.642 | 65.000.000 | 7.834,14 | 41,82 |
| 143 | 25/07/2023 | 550.579.368.552 | 70.000.000 | 7.865,41 | 31,27 |
| 144 | 26/07/2023 | 552.124.560.747 | 70.000.000 | 7.887,49 | 22,08 |
| 145 | 27/07/2023 | 590.955.666.062 | 75.000.000 | 7.879,40 | (8,09) |
| 146 | 30/07/2023 | 597.183.771.960 | 75.000.000 | 7.962,45 | 83,05 |
| 147 | 31/07/2023 | 606.204.504.257 | 75.000.000 | 8.082,72 | 120,27 |
| 148 | 01/08/2023 | 601.946.871.704 | 75.000.000 | 8.025,95 | (56,77) |
| 149 | 02/08/2023 | 601.507.993.199 | 75.000.000 | 8.020,10 | (5,85) |
| 150 | 03/08/2023 | 597.359.947.085 | 75.000.000 | 7.964,79 | (55,31) |
| 151 | 06/08/2023 | 607.393.042.872 | 75.000.000 | 8.098,57 | 133,78 |
| 152 | 07/08/2023 | 615.777.975.589 | 75.000.000 | 8.210,37 | 111,80 |
| 153 | 08/08/2023 | 615.345.895.063 | 75.000.000 | 8.204,61 | (5,76) |
| 154 | 09/08/2023 | 611.456.704.690 | 75.000.000 | 8.152,75 | (51,86) |
| 155 | 10/08/2023 | 604.622.387.110 | 75.000.000 | 8.061,63 | (91,12) |
| 156 | 13/08/2023 | 611.758.113.221 | 75.000.000 | 8.156,77 | 95,14 |
| 157 | 14/08/2023 | 613.048.082.844 | 75.000.000 | 8.173,97 | 17,20 |
| 158 | 15/08/2023 | 611.956.874.235 | 75.000.000 | 8.159,42 | (14,55) |
| 159 | 16/08/2023 | 619.680.377.748 | 75.000.000 | 8.262,40 | 102,98 |
| 160 | 17/08/2023 | 615.169.978.145 | 75.000.000 | 8.202,26 | (60,14) |
| 161 | 20/08/2023 | 586.724.975.325 | 75.000.000 | 7.822,99 | (379,27) |
| 162 | 21/08/2023 | 586.811.656.091 | 75.000.000 | 7.824,15 | 1,16 |
| 163 | 22/08/2023 | 588.381.964.712 | 75.000.000 | 7.845,09 | 20,94 |
| 164 | 23/08/2023 | 583.187.728.805 | 75.000.000 | 7.775,83 | (69,26) |
| 165 | 24/08/2023 | 593.008.370.197 | 75.000.000 | 7.906,77 | 130,94 |
| 166 | 27/08/2023 | 589.054.901.952 | 75.000.000 | 7.854,06 | (52,71) |
| 167 | 28/08/2023 | 598.620.251.210 | 75.000.000 | 7.981,60 | 127,54 |
| 168 | 29/08/2023 | 599.788.436.896 | 75.000.000 | 7.997,17 | 15,57 |
| 169 | 30/08/2023 | 604.732.344.510 | 75.000.000 | 8.063,09 | 65,92 |
| 170 | 31/08/2023 | 609.133.808.960 | 75.000.000 | 8.121,78 | 58,69 |
| 171 | 04/09/2023 | 609.079.400.997 | 75.000.000 | 8.121,05 | (0,73) |
| 172 | 05/09/2023 | 614.032.886.986 | 75.000.000 | 8.187,10 | 66,05 |
| 173 | 06/09/2023 | 621.598.403.305 | 75.000.000 | 8.287,97 | 100,87 |
| 174 | 07/09/2023 | 619.211.990.695 | 75.000.000 | 8.256,15 | (31,82) |
| 175 | 10/09/2023 | 616.170.619.787 | 75.000.000 | 8.215,60 | (40,55) |
| 176 | 11/09/2023 | 607.088.311.996 | 75.000.000 | 8.094,51 | (121,09) |
| 177 | 12/09/2023 | 644.220.567.052 | 78.000.000 | 8.259,23 | 164,72 |
| 178 | 13/09/2023 | 640.155.668.282 | 78.000.000 | 8.207,12 | (52,11) |
| 179 | 14/09/2023 | 633.033.126.239 | 78.000.000 | 8.115,80 | (91,32) |
| 180 | 17/09/2023 | 635.423.002.065 | 78.000.000 | 8.146,44 | 30,64 |
| 181 | 18/09/2023 | 639.747.163.565 | 79.500.000 | 8.047,13 | (99,31) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 182 | 19/09/2023 | 640.675.718.588 | 79.500.000 | 8.058,81 | 11,68 |
| 183 | 20/09/2023 | 645.385.479.448 | 79.500.000 | 8.118,05 | 59,24 |
| 184 | 21/09/2023 | 637.398.568.008 | 79.500.000 | 8.017,59 | (100,46) |
| 185 | 24/09/2023 | 626.143.098.061 | 79.500.000 | 7.876,01 | (141,58) |
| 186 | 25/09/2023 | 606.446.813.755 | 79.500.000 | 7.628,26 | (247,75) |
| 187 | 26/09/2023 | 603.006.045.843 | 79.500.000 | 7.584,98 | (43,28) |
| 188 | 27/09/2023 | 610.936.740.525 | 79.500.000 | 7.684,73 | 99,75 |
| 189 | 28/09/2023 | 608.757.032.120 | 79.500.000 | 7.657,32 | (27,41) |
| 190 | 30/09/2023 | 609.673.614.565 | 79.500.000 | 7.668,85 | 11,53 |
| 191 | 01/10/2023 | 609.660.012.499 | 79.500.000 | 7.668,67 | (0,18) |
| 192 | 02/10/2023 | 610.093.399.049 | 79.500.000 | 7.674,13 | 5,46 |
| 193 | 03/10/2023 | 591.181.299.035 | 79.500.000 | 7.436,24 | (237,89) |
| 194 | 04/10/2023 | 595.150.459.427 | 79.500.000 | 7.486,16 | 49,92 |
| 195 | 05/10/2023 | 587.806.295.145 | 79.500.000 | 7.393,78 | (92,38) |
| 196 | 08/10/2023 | 595.746.568.672 | 79.500.000 | 7.493,66 | 99,88 |
| 197 | 09/10/2023 | 608.821.243.705 | 80.500.000 | 7.562,99 | 69,33 |
| 198 | 10/10/2023 | 614.033.900.588 | 80.500.000 | 7.627,75 | 64,76 |
| 199 | 11/10/2023 | 617.722.740.432 | 80.500.000 | 7.673,57 | 45,82 |
| 200 | 12/10/2023 | 616.754.407.272 | 80.500.000 | 7.661,54 | (12,03) |
| 201 | 15/10/2023 | 617.330.998.309 | 80.500.000 | 7.668,70 | 7,16 |
| 202 | 16/10/2023 | 610.211.874.526 | 80.500.000 | 7.580,27 | (88,43) |
| 203 | 17/10/2023 | 603.759.396.083 | 80.500.000 | 7.500,11 | (80,16) |
| 204 | 18/10/2023 | 595.566.033.367 | 80.500.000 | 7.398,33 | (101,78) |
| 205 | 19/10/2023 | 584.626.793.701 | 80.500.000 | 7.262,44 | (135,89) |
| 206 | 22/10/2023 | 594.525.995.881 | 80.500.000 | 7.385,41 | 122,97 |
| 207 | 23/10/2023 | 585.618.105.035 | 80.500.000 | 7.274,75 | (110,66) |
| 208 | 24/10/2023 | 591.028.699.219 | 80.500.000 | 7.341,97 | 67,22 |
| 209 | 25/10/2023 | 589.007.894.008 | 80.500.000 | 7.316,86 | (25,11) |
| 210 | 26/10/2023 | 563.436.016.233 | 80.500.000 | 6.999,20 | (317,66) |
| 211 | 29/10/2023 | 564.776.179.532 | 80.500.000 | 7.015,85 | 16,65 |
| 212 | 30/10/2023 | 554.235.149.225 | 80.500.000 | 6.884,90 | (130,95) |
| 213 | 31/10/2023 | 549.862.318.053 | 80.500.000 | 6.830,58 | (54,32) |
| 214 | 01/11/2023 | 556.328.971.119 | 80.500.000 | 6.910,91 | 80,33 |
| 215 | 02/11/2023 | 575.261.822.634 | 80.500.000 | 7.146,10 | 235,19 |
| 216 | 05/11/2023 | 574.508.694.194 | 80.500.000 | 7.136,75 | (9,35) |
| 217 | 06/11/2023 | 583.583.852.808 | 80.500.000 | 7.249,48 | 112,73 |
| 218 | 07/11/2023 | 577.894.126.702 | 80.500.000 | 7.178,80 | (70,68) |
| 219 | 08/11/2023 | 597.568.226.906 | 80.500.000 | 7.423,20 | 244,40 |
| 220 | 09/11/2023 | 596.276.972.308 | 80.500.000 | 7.407,16 | (16,04) |
| 221 | 12/11/2023 | 588.885.483.244 | 80.500.000 | 7.315,34 | (91,82) |
| 222 | 13/11/2023 | 551.145.692.963 | 75.500.000 | 7.299,94 | (15,40) |
| 223 | 14/11/2023 | 535.224.121.816 | 72.500.000 | 7.382,40 | 82,46 |
| 224 | 15/11/2023 | 541.228.671.922 | 72.500.000 | 7.465,22 | 82,82 |
| 225 | 16/11/2023 | 541.568.873.505 | 72.500.000 | 7.469,91 | 4,69 |
| 226 | 19/11/2023 | 527.674.000.463 | 72.500.000 | 7.278,26 | (191,65) |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

| STT | Ngày định giá | Giá trị tài sản ròng VND | Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ | NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND | Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND |
|-----|---------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 227 | 20/11/2023 | 527.333.942.429 | 72.500.000 | 7.273,57 | (4,69) |
| 228 | 21/11/2023 | 530.070.480.239 | 72.500.000 | 7.311,31 | 37,74 |
| 229 | 22/11/2023 | 530.628.872.677 | 72.500.000 | 7.319,01 | 7,70 |
| 230 | 23/11/2023 | 517.661.863.670 | 72.500.000 | 7.140,16 | (178,85) |
| 231 | 26/11/2023 | 519.850.919.627 | 72.500.000 | 7.170,35 | 30,19 |
| 232 | 27/11/2023 | 515.606.004.677 | 72.500.000 | 7.111,80 | (58,55) |
| 233 | 28/11/2023 | 520.424.986.978 | 72.500.000 | 7.178,27 | 66,47 |
| 234 | 29/11/2023 | 522.630.582.523 | 72.500.000 | 7.208,69 | 30,42 |
| 235 | 30/11/2023 | 517.142.196.906 | 72.500.000 | 7.132,99 | (75,70) |
| 236 | 03/12/2023 | 521.262.533.281 | 72.500.000 | 7.189,82 | 56,83 |
| 237 | 04/12/2023 | 529.260.402.897 | 72.500.000 | 7.300,14 | 110,32 |
| 238 | 05/12/2023 | 526.028.100.387 | 72.500.000 | 7.255,56 | (44,58) |
| 239 | 06/12/2023 | 530.206.485.429 | 72.500.000 | 7.313,19 | 57,63 |
| 240 | 07/12/2023 | 531.109.516.710 | 72.500.000 | 7.325,64 | 12,45 |
| 241 | 10/12/2023 | 532.766.238.891 | 72.500.000 | 7.348,49 | 22,85 |
| 242 | 11/12/2023 | 533.992.483.556 | 72.500.000 | 7.365,41 | 16,92 |
| 243 | 12/12/2023 | 535.725.545.514 | 72.500.000 | 7.389,31 | 23,90 |
| 244 | 13/12/2023 | 528.845.485.204 | 72.500.000 | 7.294,42 | (94,89) |
| 245 | 14/12/2023 | 527.718.661.189 | 72.500.000 | 7.278,87 | (15,55) |
| 246 | 17/12/2023 | 524.296.079.440 | 72.500.000 | 7.231,67 | (47,20) |
| 247 | 18/12/2023 | 532.502.859.488 | 74.500.000 | 7.147,68 | (83,99) |
| 248 | 19/12/2023 | 541.056.638.580 | 75.200.000 | 7.194,90 | 47,22 |
| 249 | 20/12/2023 | 543.588.968.915 | 75.200.000 | 7.228,57 | 33,67 |
| 250 | 21/12/2023 | 558.245.772.825 | 77.200.000 | 7.231,16 | 2,59 |
| 251 | 24/12/2023 | 558.218.794.427 | 77.200.000 | 7.230,81 | (0,35) |
| 252 | 25/12/2023 | 565.527.986.890 | 77.200.000 | 7.325,49 | 94,68 |
| 253 | 26/12/2023 | 567.374.773.916 | 77.200.000 | 7.349,41 | 23,92 |
| 254 | 27/12/2023 | 567.776.939.832 | 77.200.000 | 7.354,62 | 5,21 |
| 255 | 28/12/2023 | 574.161.618.723 | 77.200.000 | 7.437,32 | 82,70 |
| 256 | 31/12/2023 | 575.620.476.005 | 77.200.000 | 7.456,22 | 18,90 |

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 451.008.591.724

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 379,27
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,18

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ |
|--|--|--|
| Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ | 198.300.000 | 77.200.000 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm này như sau:

| Bên liên quan | Quan hệ | Các giao dịch | Phải thu/(Phải trả) | | | | |
|--|---------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------|-------------------------------|---------------|
| | | | Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND | Tăng trong năm VND | Giảm trong năm VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam | Công ty Quản lý Quỹ | Phí quản lý Quỹ | (253.607.428) | (6.560.079.522) | 5.993.819.936 | (819.867.014) | 6.560.079.522 |
| Ban Đại diện Quỹ | Quản lý Quỹ | Thù lao Ban Đại diện Quỹ | (15.000.000) | (60.000.000) | 60.000.000 | (15.000.000) | 60.000.000 |
| Các giao dịch trọng yếu trong năm trước như sau: | | | | | | | |
| Bên liên quan | Quan hệ | Các giao dịch | Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND | Tăng trong năm VND | Giảm trong năm VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND | Chi phí VND |
| Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam | Công ty Quản lý Quỹ | Phí quản lý Quỹ | (183.391.823) | (2.480.651.364) | 2.410.435.759 | (253.607.428) | 2.480.651.364 |
| Ban Đại diện Quỹ | Quản lý Quỹ | Thù lao Ban Đại diện Quỹ | (19.903.225) | (60.000.000) | 64.903.225 | (15.000.000) | 60.000.000 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"): Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký như sau:

Trước ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,06% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Sau ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Giám sát là:

| Giá trị tài sản ròng ("NAV") | Giá dịch vụ lưu ký |
|---|--------------------|
| NAV dưới 600 tỷ đồng | 0,06%/NAV/năm |
| NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng | 0,05%/NAV/năm |
| NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên | 0,04%/NAV/năm |

Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ như sau:

Trước ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Sau ngày 20 tháng 2 năm 2024, giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là:

| Giá trị tài sản ròng ("NAV") | Giá dịch vụ quản trị Quỹ |
|------------------------------|--------------------------|
| NAV dưới 1.000 tỷ đồng | 0,03%/NAV/năm |
| NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên | 0,02%/NAV/năm |

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm này như sau:

| Bên liên quan | Quan hệ | Các giao dịch | Phải thu/(Phải trả) | | | | |
|--------------------------------------|--------------------|--|--|--|--|--|--|
| | | | Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND | Tăng trong năm VND | Giảm trong năm VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND | Chi phí VND |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | Ngân hàng Giám sát | Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ | 1.109.179.820 (27.666.264) - (10.144.297) (16.500.000) | 423.464.382.998 (512.069.839) (62.542.882) (262.403.176) (291.956.450) | (421.921.060.159) 480.109.409 62.542.882 239.752.795 275.661.772 | 2.652.502.659 (59.626.694) - (32.794.678) (32.794.678) | - 512.069.839 62.542.882 262.403.176 291.956.450 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát (tiếp theo)

Các giao dịch trong yếu tố trong năm trước như sau:

| Bên liên quan | Quan hệ | Các giao dịch | Phải thu/(Phải trả) | | | |
|--------------------------------------|--------------------|--|------------------------------------|--|--|--|
| | | | Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND | Tăng trong năm VND | Giảm trong năm VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | Ngân hàng Giám sát | Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ | 1.034.720.111 (20.338.088) - | 284.195.740.177 (291.482.837) (49.590.692) (99.243.582) | (284.121.280.468) 284.154.661 49.590.692 96.434.957 | - 291.482.837 49.590.692 99.243.582 |
| | | | (16.500.000) | (199.094.308) | 199.094.308 | 199.094.308 |

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

| | Năm nay (%) | Năm trước (%) |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Tỷ lệ chi phí hoạt động | 0,82 | 0,94 |
| Tốc độ vòng quay danh mục | 9,47 | 20,53 |

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở lấy số bình quân giữa tổng giá trị hoán đổi các khoản đầu tư trong năm và tổng giá trị bán ra các khoản đầu tư trong năm chia cho giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ ETF phát sinh trong năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 1.777.721.489.800 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 177.772.148.980 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 177.772.148.980 đồng Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

| | Bất kỳ lúc nào VND | Dưới 3 tháng VND | Tổng cộng VND |
|--|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản | | | |
| Tiền gửi tại Ngân hàng | | | |
| Giám sát cho hoạt động của quỹ ETF | 2.652.502.659 | - | 2.652.502.659 |
| Các khoản đầu tư | - | 1.777.721.489.800 | 1.777.721.489.800 |
| Các khoản phải thu | - | 915.650.000 | 915.650.000 |
| Tổng tài sản | 2.652.502.659 | 1.778.637.139.800 | 1.781.289.642.459 |
| Nợ phải trả | | | |
| Chi phí phải trả | - | 161.400.000 | 161.400.000 |
| Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF | - | 1.762.737.192 | 1.762.737.192 |
| Tổng nợ phải trả | - | 1.924.137.192 | 1.924.137.192 |
| Mức chênh lệch thanh khoản ròng | 2.652.502.659 | 1.776.713.002.608 | 1.779.365.505.267 |

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-ETF

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

| | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | |
|--|---------------------------|--------------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền | 2.652.502.659 | 2.652.502.659 |
| Các khoản đầu tư thuần | 1.777.721.489.800 | 1.777.721.489.800 |
| - Cổ phiếu niêm yết | 1.777.721.489.800 | 1.777.721.489.800 |
| Các khoản phải thu | 915.650.000 | 915.650.000 |
| | 1.781.289.642.459 | 1.781.289.642.459 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Chi phí phải trả | 1.762.737.192 | (*) |
| Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF | 161.400.000 | (*) |
| | 1.924.137.192 | |

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Lan Hương
Phụ trách kế toán

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

KIM GROWTH VN30 ETF

Financial statements

For the year ended 31 December 2024



KIM GROWTH VN30 ETF

Financial statements

For the year ended 31 December 2024



KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

CONTENTS

| | <i>Pages</i> |
|---|--------------|
| General information | 1 - 2 |
| Report of the Executive Board of Fund Management Company | 3 |
| Report of the Fund Management Company | 4 - 12 |
| Report of the Supervisory Bank | 13 |
| Independent auditors' report | 14 - 15 |
| Income statement | 16 |
| Statement of financial position | 17 - 18 |
| Statement of changes in net assets, trading of ETF fund units | 19 |
| Statement of investment portfolio | 20 - 21 |
| Statement of cash flows | 22 - 23 |
| Notes to the financial statements | 24 - 59 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

GENERAL INFORMATION

FUND

KIM Growth VN30 ETF is exchange traded fund ("the Fund", "KIM Growth VN30 ETF") was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Public Fund establishment registration No. 52/GCN-UBCK was issued by the State Securities Commission on 7 December 2021. The Fund is not limited in term of operation.

The Fund's initial charter capital (capital mobilized during the initial public offering of fund units) as defined in the Establishment of the Public Fund Licence is VND71,000,000,000. According to this licence, the Fund is authorized to issue 7,100,000 fund units to the public at a par value of VND 10,000 per unit during the initial public offering. During the operation of the Fund, the Fund is authorized to issue and exchange its fund units with a par value of VND10,000 per unit. The exchange price for a batch of fund units in the subsequent issuances is determined by the net asset value per batch of fund units calculated on the date prior to the transaction date, plus the issuance fee (if any). The re-exchange price of a fund unit is determined by the net asset value per fund unit calculated on the date prior to the transaction date minus the acquisition cost (if any). As at 31 December 2024, the Fund's contributed capital was VND1,983,000,000,000 at par value, equivalent to 198,300,000 fund units.

The fund was registered to offer its Fund Certificates to the public pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering No. 182/GCN-UBCK dated 20 September 2021 granted by the State Securities Commission.

Fund units are listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") according to Decision No. 705/QĐ-SGDHCM dated 21 December 2021 with the stock code FUEKIV30 and officially traded from 7 January 2022.

The investment objective of KIM VN30 ETF is to simulate the movement of the benchmark index after subtracting the Fund's costs. Benchmark index is VN30 developed and managed by HOSE.

Fund contact address: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Room 6.02, 6th Floor, The Mett Building, 15 Tran Bach Dang, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.

SUPERVISORY BANK

The Supervisory Bank of the Fund is Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam. The Supervisory Bank is appointed by the General Investors' Meeting, conducts securities depository, stores economic contracts and records the Fund's assets, and supervises the Fund's operations. Rights and obligations of the Supervisory Bank are specified in the Fund Charter.

FUND MANAGEMENT COMPANY

KIM Growth VN30 ETF is managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("Fund Management Company"). KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd was established in Vietnam under License No. 59/UBCK-GP by the by the SSC for the first time on 1 October 2020 (as amended and supplemented from time to time), and is an authorized representative of the Fund, on behalf of the Fund to exercise ownership rights to the Fund's assets honestly and prudently. The Fund Management Company complies with the law and the Fund Management Company's charter, manages the Fund's assets in accordance with the Fund Charter, complies with the rules of professional ethics, voluntarily, fairness, honesty, and in the best interests of the Fund.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

GENERAL INFORMATION (continued)

BOARD OF REPRESENTATIVES

The members of the Board of Representatives during the year and at the date of this report are:

| <i>Name</i> | <i>Title</i> | <i>Date of appointment</i> |
|--------------------------|------------------------------|----------------------------|
| Mr. Vu Tran Vinh Thuy | Chairman, Independent member | 16 November 2021 |
| Ms. Ngo Thi Minh Nghia | Independent member | 16 November 2021 |
| Ms. Nguyen Thi Thanh Lam | Member | 16 November 2021 |

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Fund Management Company during the year and at the date of this report is Mr. Yun Hang Jin – General Director of KIM Vietnam Fund Management Company., Ltd.

AUDITOR

The auditor of the Fund is Ernst & Young Vietnam Limited.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF EXECUTIVE BOARD OF FUND MANAGEMENT COMPANY

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("the Fund Management Company") is pleased to present this report and the financial statements of the Fund for the year ended 31 December 2024.

STATEMENT OF RESPONSIBILITY OF EXECUTIVE BOARD OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Executive Board of the Fund Management Company is responsible for the financial statements of each financial period which give a true and fair view of the financial position and the investment portfolio of the Fund in 31 December 2024, the results of its operations, its changes in net assets, trading of ETF fund units and its cash flows for the year then ended. In preparing those financial statements, the Executive Board of the Fund Management Company is required to:

- ▶ select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ▶ make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- ▶ state whether applicable accounting standards have been followed by the Fund, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements; and
- ▶ prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Fund will continue its business.

The Executive Board is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Fund and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Fund and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Executive Board confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying financial statements for the year ended 31 December 2024.

STATEMENT BY THE EXECUTIVE BOARD OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

The Executive Board of the Fund Management Company does hereby state that, in its opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position and the investment portfolio of the Fund as at 31 December 2024, the results of its operations, its changes in net assets, trading of ETF fund units and its cash flows for the year ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System applicable to exchange-traded funds and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the financial statements.

On behalf of the Executive Board:



Ho Chi Minh City, Vietnam

28 March 2025

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

I. GENERAL INFORMATION

1. Name of the Fund

KIM Growth VN30 ETF ("the Fund").

2. Investment objectives

The investment objective of the Fund is to simulate the volatility of the benchmark VN30 Index of after subtracting the Fund's costs. The VN30 Index is the benchmark index developed and managed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("the HOSE"). Objectives of the Fund are set in accordance with the Establishment Registration Certificate issued by the State Securities Commission, the Fund Charter and the Fund's prospectus.

3. Performance of the Fund

According to the Fund's financial statements, as at 31 December 2024, its change in net asset value ("NAV")/fund unit is 20.34% compared with those at 31 December 2023.

Whilst the change in value of the structural portfolio is 19.54%, the change in the benchmark index decrease 18.85% compared with those at 31 December 2023.

4. Fund's Investment policies and strategies

KIM Growth VN30 ETF will apply a passive investment strategy with the profit target in line with the VN30 Index in all periods. The Fund does not actively seek growth above the VN30 Index, nor does it use defensive measures when the stock market has adverse movement and does not make profit when the market is overvalued.

With the passive investment strategy with the profit target in line with the VN30 Index, KIM Growth VN30 ETF aims to reduce cost and simulate closer to the benchmark by maintaining a lower capital investment turnover ratio than funds apply active investment strategy.

5. Fund Classification

Exchange-traded fund.

6. Time of operation of the Fund

The Fund is granted the Certificate of Public Fund Establishment Registration No. 52/GCN-UBCK by the State Securities Commission ("the SSC") on 7 December 2021, accordingly, the Fund is not limited in term of operation.

7. Risk level of the Fund: Medium

8. Size of the Fund at the reporting date

As at 31 December 2024, the net asset value of the Fund was VND1,779,364,005,267 and the Fund's contributed capital was VND1,983,000,000,000 at par value equivalent to 198,300,000 fund units.

9. Benchmark index

As at 31 December 2024, the VN30 Index at the time of reporting is 1,344.75.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

I. GENERAL INFORMATION (continued)

10. Profit distribution policy

Profit distribution payment of the Fund to ensure the principle:

- In accordance with the profit distribution policy specified in the Fund's charter;
- To be performed after the Fund has fulfilled its tax obligations and other financial obligations as prescribed by law and fully set aside the funds specified in the Fund Charter (if any);
- After payment, the Fund still has to ensure that it has capital to pay all debts and other property obligations and ensure that the net asset value is not lower than fifty (50) billion Vietnam Dong.

In case of distribution of profits by Fund Certificates, the Fund must have sufficient counterpart funds from undistributed after-tax profits based on the most recent audited or reviewed financial statements.

The form of profit distribution can be in cash or in Fund Certificates.

The profit distribution of the Fund is made on the basis of the proposal of the Fund Management Company and must be accepted by the General Meeting of Investors or the Board of Representatives (if authorized).

Investors included in the List of Investors at the Trading Date announced by the Fund Management Company for the distribution of profits ("List Closing Date") are deemed eligible to receive the distributed profits. In case the Investor has transferred the Fund Certificates during the year between the Listing Closing Date and the time of payment, the transferor is the recipient of the profit.

11. Net profits distribution per fund unit

During the year, the Fund did not distribute profit to investors.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

II. PERFORMANCE RESULTS

1. Asset allocation

| | 31 December 2024 % | 31 December 2023 % | 31 December 2022 % |
|--------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Securities | 99.80 | 99.77 | 99.60 |
| Other assets | 0.20 | 0.23 | 0.40 |
| Total | 100.00 | 100.00 | 100.00 |

2. Performance indicators

| | Items | 31 December 2024 | 31 December 2023 | 31 December 2022 |
|----|--|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | NAV of the Fund (VND) | 1,779,364,005,267 | 575,620,476,005 | 403,769,600,137 |
| 2 | Number of outstanding fund units (units) | 198,300,000 | 77,200,000 | 61,500,000 |
| 3 | NAV per fund unit (VND) | 8,973.09 | 7,456.22 | 6,565.35 |
| 4 | NAV per fund unit – highest during the year (VND) | 9,095.79 | 8,287.97 | 10,214.87 |
| 5 | NAV per fund unit – lowest during the year (VND) | 7,456.05 | 6,565.05 | 5,908.53 |
| 6 | Closing price of fund unit at the reporting date (VND) | 8,970 | 7,500 | 6,650 |
| 7 | Closing price of fund unit – highest during the year (VND) | 9,180 | 8,330 | 10,110 |
| 8 | Closing price of fund unit – lowest during the year (VND) | 7,490 | 6,560 | 5,960 |
| 9 | Total growth per fund unit (%) | 20.34% | -25.25% | -34.18% |
| 10 | Gross distribution per fund unit (*) | Not applicable | Not applicable | Not applicable |
| 11 | Net distribution per fund unit (*) | Not applicable | Not applicable | Not applicable |
| 12 | Ex-date of distribution (*) | Not applicable | Not applicable | Not applicable |
| 13 | Operating expenses/Average NAV (%) | 0.82% | 0.94% | 1.23% |
| 14 | Turnover of investment portfolio (%) | 9.47% | 20.53% | 17.70% |

(*) The Fund has not applied distribution profit policy.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

II. PERFORMANCE RESULTS (continued)

3. Growth over periods

| <u>Period</u> | <u>Total growth of NAV per fund unit</u> | <u>Annual growth of NAV per fund unit</u> |
|--|--|---|
| 1 year | 20.34% | 20.34% |
| 3 years (*) | -10.04% | -3.46% |
| Since inception (7 December 2021) (**) | -10.04% | -3.46% |
| Growth of the benchmark index | -14.84% | 18.85% |

(*) The formula for calculating annual growth over a 3-year period:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) The formula for calculating annual growth since inception:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

III. MARKET UPDATE DURING THE YEAR

1. Macroeconomics overview

The global economic situation in 2024 has experienced many instabilities and unpredictable fluctuations. Prolonged geopolitical tensions, the reversal of globalization trends, scenarios surrounding the U.S. presidential election, and various other economic-political events have made the already fragmented economic picture increasingly complex. Despite facing challenges from the global economy and the negative impacts of Typhoon Yagi, Vietnam's GDP in 2024 achieved an impressive figure - the annual GDP growth reached 7.09%. The GDP in the fourth quarter of 2024 increased by 7.55%, demonstrating the strength of the economy as it maintained an upward trend for four consecutive quarters, with each quarter higher than the previous one. With the high growth momentum of 2024, the Vietnamese National Assembly has set a GDP growth target for 2025 at 6.5% - 7%.

Specifically, the service sector, as the main growth driver for the entire year, contributed 49.46% to the overall GDP growth with an increase of 7.38% compared to the previous year. The industrial and construction sector contributed 45.17% to GDP growth, with an increase of 8.24%. The agriculture, forestry, and fisheries sector contributed 5.37% to the country's GDP growth, with an increase of 3.27%. Thus, these sectors contributed to Vietnam's GDP reaching over 11.51 trillion VND (476.3 billion USD) in 2024, with the GDP per capita rising to 4,700 USD, an increase of 377 USD compared to 2023.

In 2024, the Consumer Price Index (CPI) increased by 3.63%, in line with the National Assembly's target of below 4%. In December, the CPI increased by 0.29% compared to the previous month, mainly due to rising prices of medical services, rental housing, and fuel. The primary reason was the adjustment of service fees by medical facilities according to the base salary, as well as increased travel demand at the end of the year. The core inflation for the entire year reached 2.71%. The food and service group increased by 3.87% compared to 2023, contributing 1.3 points to the overall CPI increase in December.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

III. MARKET UPDATE DURING THE YEAR (continued)

1. Macroeconomics overview (continued)

According to the General Statistics Office of Vietnam (GSO), in 2024, the total trade turnover of the country reached an impressive high of 786.29 billion USD, an increase of 15.4% compared to the same period last year, with a trade surplus of 24.77 billion USD. This growth marks a significant recovery after a 4.6 percent decline recorded in 2023. With this increase in export activities, Vietnam is now surpassing many regional partners, including China, South Korea, Thailand, and Indonesia, which reported export growth rates ranging from 1.33 to 12.7 percent in the same period. The agriculture sector is a crucial driver of Vietnam's export growth. Despite facing challenges such as natural disasters, diseases, and volatile global markets, agriculture-based industries achieved remarkable results in 2024. Exports from the agriculture, forestry, and fisheries sector reached 62.4 billion USD, an increase of 18.5% compared to 2023.

The total retail sales of goods and consumer service revenue in 2024 increased by 9%. The main driver for the entire year of 2024 was the recovery of the tourism sector, with the number of international visitors in 2024 increasing by 39.5% compared to 2023. Additionally, public investment reached 661.3 trillion VND, an increase of 3.3% compared to the previous year and achieving 84.6% of the annual plan. Regarding foreign direct investment (FDI) in 2024 reported 38.2 billion USD, a decrease of 3% compared to the previous year, mainly due to a sharp 48% decline in capital contributions and share purchases. Of this, the total newly registered and adjusted FDI capital reached 33.7 billion USD, an increase of 10% compared to 2023.

2. Stock market

The year 2024 marked significant milestones in the Vietnamese stock market, despite the fluctuations from the global economic situation. The VN-Index in 2024 started at 1,129.93 points, which was also the lowest point of the year. The index then continuously rose, approaching the 1,300-point mark by the end of March. The 1,300-point mark became a memorable milestone as the index failed to surpass this resistance level six times (rising above 1,290 points and then dropping by over 30 points). The VN-Index closed on December 31 at 1,266.78 points, up 136.85 points (+12.11%) compared to the beginning of the year.

The total liquidity for the year reached 173.07 billion shares with 249 trading sessions, averaging 695 million shares per session on the VN-Index. The market capitalization as of December 31 was 7,133,367 billion VND. Among this, the banking sector had the largest market capitalization at 2,128,542 billion VND, accounting for 29.85%; followed by the industrial sector (12.41%) and real estate (11.73%). The year 2024 also saw a significant increase in the number of stock trading accounts. A total of 2 million new domestic individual accounts were opened, bringing the total number of accounts to 9.3 million, surpassing 9% of Vietnam's population, exceeding the target set by the Stock Market Development Strategy to 2030.

In 2024, Circular 68/2024/TT-BTC was issued, removing important bottlenecks and creating a favorable legal framework to help Vietnamese securities move closer to the goal of upgrading from frontier to emerging market status. Additionally, 2024 witnessed a record wave of net selling by foreign investors in the Vietnamese stock market, with a value of up to 94,445 billion VND. The main reason for the strong outflow of foreign capital was the more attractive investment opportunities in many other markets. The strong appreciation of the USD and the forecasted increase in protectionism were expected to enhance the efficiency of businesses in the U.S. market. The S&P 500 Index grew by 27% in 2024, Bitcoin increased by 149%, and global gold prices rose by 30%, while the VN-Index only increased by about 12%. Not only in Vietnam, but investment capital across Asia and emerging markets was also withdrawn to developed markets, especially the U.S., in the context of significant depreciation of local currencies.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

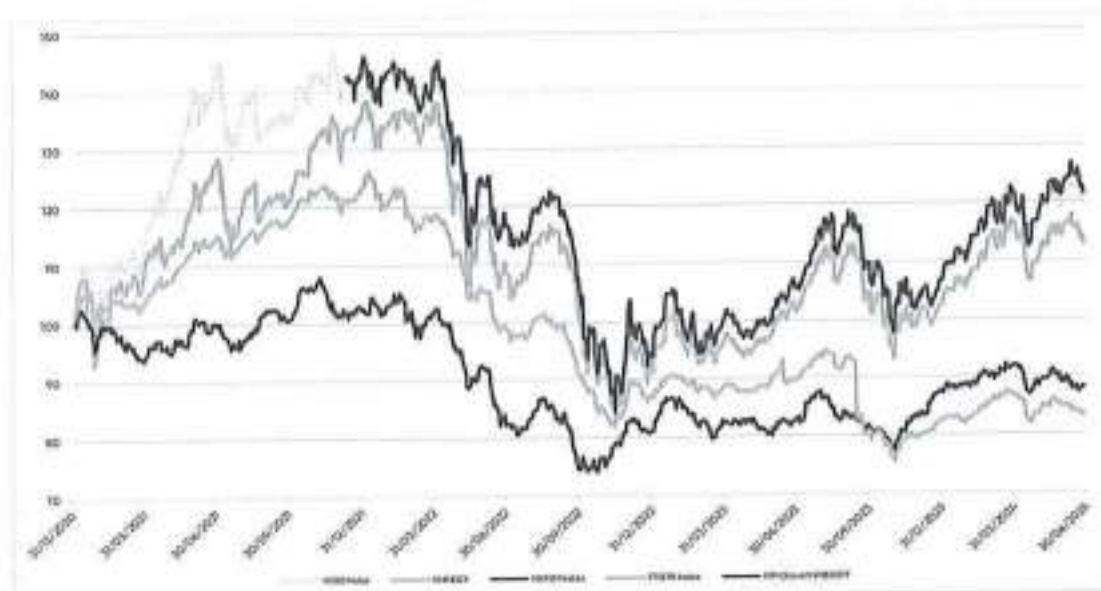
IV. DETAILS OF THE FUND'S PERFORMANCE RESULTS

1. Details of the Fund's performance indicators

| | <i>1 year to the reporting date</i> % | <i>3 years to the reporting date</i> % | <i>Since inception</i> % |
|---|--|---|-----------------------------|
| Total growth of NAV per fund unit | 20.34 | -10.04 | -10.04 |
| Annual growth of NAV per fund unit | 20.34 | -3.46 | -3.46 |
| Growth of structural portfolio | 19.54 | -11.80 | -11.80 |
| Change in market value of a fund unit (*) | 19.60 | -11.63 | -11.63 |

(*) This target is calculated from the date the fund unit was officially listed on the HSX (7 January 2022).

Chart of the Fund's monthly growth for the last 3 years.



Changes in NAV

| | <i>31 December 2024</i> VND | <i>31 December 2023</i> VND | <i>31 December 2022</i> VND | <i>Variance</i> |
|-------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------|
| NAV of the Fund | 1,779,364,005,267 | 575,620,476,005 | 403,769,600,137 | 209.12% |
| NAV per fund unit | 8,973.09 | 7,456.22 | 6,565.35 | 20.34% |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

IV. DETAILS OF THE FUND'S PERFORMANCE RESULTS (continued)

2. Fund unit holders analysis as at reporting date

| <i>Number of fund units</i> | <i>Number of fund unit holders</i> | <i>Number of fund units</i> | <i>The proportion of holding %</i> |
|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| Less than 5,000 | 366 | 269,159 | 0.14 |
| From 5,000 to 10,000 | 24 | 167,641 | 0.08 |
| From 10,000 to 50,000 | 11 | 235,700 | 0.12 |
| From 50,000 to 500,000 | 5 | 517,200 | 0.26 |
| More than 500,000 | 10 | 197,110,300 | 99.40 |
| Total | 416 | 198,300,000 | 100 |

3. Soft commissions and discounts

KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd is committed to no soft commissions and discounts during the management of the Fund; and always complies with independence requirements in fund management.

V. MARKET PROSPECTS

The economic growth target for 2025 set by the National Assembly for the Government is 6.5 - 7%, striving for 7 - 7.5%, reflecting expectations for improved economic activity in the coming year. This growth momentum is supported by large-scale public investment programs, enhanced transportation infrastructure, and a trend towards stable interest rates. The disbursement rate of public investment capital in 2025 is expected to increase by about 30% compared to the previous period, acting as a key driver for the development of infrastructure and transportation, which will subsequently benefit the construction materials, logistics, and industrial park sectors. Sectors benefiting from public investment and fiscal policies such as real estate, construction, supporting industries, along with technology, financial services, and clean energy are forecasted to experience positive changes and lead the market.

On the other hand, challenges for the Vietnamese stock market in 2025 will be related to global factors such as monetary policy in the U.S. and concerns about the economic and tariff policies of the newly U.S. President Donald Trump, oil price fluctuations, and geopolitical tensions, which could pose challenges for capital flows, making the market outlook multidimensional and complex.

The year 2025 also opens up many opportunities for the Vietnamese stock market with the expectation of an upgrade being approved by FTSE Russell, and MSCI placing Vietnam on the Watch List in 2025, which will bring positive prospects for the market. The issuance of Circular 68/TT-BTC to resolve the pre-funding bottleneck could be highly regarded by FTSE, paving the way for Vietnam to be granted upgrade approval in September 2025 for the 2026-2030 period. Additionally, the Vietnamese market holds an attractive valuation advantage with P/E and P/B ratios still lower than those of other countries in the region, creating opportunities to attract significant foreign capital into the market.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD KIM GROWTH VN30 ETF

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

VI. OTHER INFORMATION

Information about the Members' Council and Executive Board of the Fund Management Company

Mr. Hyun DongSik - Chairman of the Members' Council

Mr. Hyun DongSik has held key positions at various financial institutions in South Korea such as MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Academically, Mr. Hyun DongSik graduated with a bachelor's degree in business administration from Korea University. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited (KIM Vietnam), Mr. Hyun DongSik has been elected as the Chairman of the Members' Council since 22 July 2024.

Mr. Park ChangKue - Member of the Members' Council

Mr. Park ChangKue has held key positions at various financial institutions in South Korea such as SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. In terms of education, Mr. Park ChangKue graduated with a bachelor's degree in business administration and Korean language and literature from Kookmin University, South Korea. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited, Mr. Park ChangKue has been appointed as a Member of the Members' Council since 28 June 2024.

Mr. Yun Hang Jin - Member of the Members' Council and General Director

Mr. Yun Hang Jin has held key positions at various financial institutions in South Korea such as Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Academically, Mr. Yun Hang Jin holds a Master's degree in Economics from Yonsei University, South Korea, and has certifications in asset management and financial risk management (FRM) issued by South Korea. At KIM Vietnam Fund Management Company Limited, Mr. Yun Hang Jin has been appointed as the General Director since 22 July 2024.

**KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF**

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY (continued)

VI. OTHER INFORMATION (continued)

Information about the Fund Management Personnel

Mr. Huynh Tuan Khanh - Fund Manager

Mr. Huynh Tuan Khanh holds a CFA certification and has over 15 years of experience in analysis and asset management. Mr. Khanh graduated with a bachelor's degree in finance and banking from the Singapore Institute of Management and was awarded a fund management practice certificate in 2012. Before joining KIM Vietnam Fund Management Company Limited in 2020, Mr. Khanh worked at several financial institutions such as Viet Dragon Securities Corporation, Manulife Investment Management (Vietnam) LLC, and the representative office of Korea Investment Management Co., Ltd in Ho Chi Minh City.

Ms. Nguyen Bao Hoang Le - Fund Manager

Ms. Nguyen Bao Hoang Le holds a CFA certification and has nearly 10 years of experience in asset management and investment analysis. Ms. Le graduated from the University of Iowa (USA) with a major in finance and accounting. Before joining KIM Vietnam Fund Management Company Limited in 2020, Ms. Le worked for several years at prestigious asset management organizations such as Aegon Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (USA), and BIDV Securities Joint Stock Company.

Ho Chi Minh City, 28 March 2025

**GENERAL DIRECTOR
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**

(Sign, write full name and stamp)



YUN HANG JIN

SUPERVISORY BANK'S REPORT

We, appointed as Supervisory Bank of KIM GROWTH VN30 ETF ("the Fund") for the financial year end 31 December 2024, recognize that the Fund operated and was managed in the following matters:

- a) During our supervision of the Fund's investment and asset transactions during the financial year end 31 December 2024, the Fund complied with investment restriction under the prevailing regulations for exchange-traded funds, Fund Prospectus and other relevant regulations.
- b) Assets Valuation and Pricing of KIM GROWTH VN30 ETF were carried out in accordance with the Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations.
- c) During the period, the Fund's subscriptions and redemptions were carried out in accordance with Fund Charter, Fund Prospectus and other prevailing regulations.
- d) During the financial year end 31 December 2024, the Fund did not pay out dividend for its investors.

SUPERVISORY BANK REPRESENTATIVE



Võ Tri Thanh

Head of Customer Services and Treasury Back Department

SUPERVISORY BANK OFFICER

Doan Thi Thu Hang

Reference: 12952890/68450837

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The Investors of KIM Growth VN30 ETF**

We have audited the accompanying financial statements of KIM Growth VN30 ETF ("the Fund"), as prepared on 28 March 2025 and set out on pages 16 to 59, which comprise the statement of financial position, the statement of investment portfolio as at 31 December 2024, the income statement, the statement of changes in net asset value, subscriptions and redemptions of ETF fund units and the statement of cash flows for the year then ended and the notes thereto.

The Executive Board of the Fund Management Company's responsibility

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd as the Fund Management Company is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System applicable to exchange-ended funds and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of exchange-ended funds' financial statements, and for such internal control as the Executive Board of the Fund Management Company determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standard on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Fund's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Fund's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position and investment portfolio of the Fund as of 31 December 2024, the results of its operations, changes in net asset value, ETF certificate transactions, and cash flows of the Fund for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System applicable to exchange-traded funds, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



Nguyễn Phương Nga
Deputy General Director
Audit Practising Registration
Certificate No. 0763-2024-004-1



Tran Thi Thu Hien
Auditor
Audit Practising Registration
Certificate No. 2487-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

28 March 2025

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B01-ETF

INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

| No. | ITEMS | Notes | Current year VND | Previous year VND |
|-----------|--|-------|------------------------|-----------------------|
| 01 | I. INCOME FROM INVESTMENT ACTIVITIES | | 177,865,201,056 | 35,851,578,844 |
| 02 | 1.1 Dividend income | 11 | 23,926,613,870 | 8,442,382,100 |
| 03 | 1.2 Interest income | 11 | 12,826,236 | 6,321,794 |
| 04 | 1.3 Gain/(loss) from trading of securities | 12 | 4,333,605,843 | (35,763,257,143) |
| 05 | 1.4 Unrealized gain from revaluation of investment | 5 | 149,592,155,107 | 63,166,132,093 |
| 10 | II. EXPENSES FROM INVESTMENT ACTIVITIES | | 325,101,671 | 277,840,462 |
| 11 | 2.1 Transaction costs for securities trading | 13 | 325,101,671 | 277,840,462 |
| 20 | III. OPERATING EXPENSES | | 9,418,674,745 | 3,980,634,641 |
| 20.1 | 3.1 Fund management fee | | 6,560,079,522 | 2,480,651,364 |
| 20.2 | 3.2 Custody fees | 14 | 686,916,025 | 388,284,733 |
| 20.3 | 3.3 Supervisory fee | | 262,403,178 | 99,243,582 |
| 20.4 | 3.4 Fund administration fee | | 291,956,450 | 199,094,308 |
| 20.5 | 3.5 Transfer agency service fee | | 66,000,000 | 66,000,000 |
| 20.6 | 3.6 Other service fees | 15 | 1,192,741,744 | 451,027,500 |
| 20.8 | 3.7 Audit fees | | 140,400,000 | 139,103,703 |
| 20.11 | 3.8 Other operating expenses | 16 | 218,177,828 | 157,229,451 |
| 23 | IV. NET INCOME FROM INVESTMENT ACTIVITIES | | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |
| 30 | V. PROFIT BEFORE TAX | | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |
| 31 | 5.1 Realized profit/(loss) | 10 | 18,529,269,533 | (31,573,028,352) |
| 32 | 5.2 Unrealized profit | 10 | 149,592,155,107 | 63,166,132,093 |
| 41 | VI. PROFIT AFTER TAX | | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge
of accountant

Approved by:



Mr. Yun-Hang Jin
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B02-ETF

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
as at 31 December 2024

| No. | ITEMS | Notes | Ending balance VND | Beginning balance VND |
|------------|--|----------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | I. ASSETS | | | |
| 110 | 1. Cash and cash equivalents | 4 | 2,652,502,659 | 1,109,179,820 |
| 111 | 1.1 Cash at bank for the Fund's operation of ETF | | 2,652,502,659 | 1,109,179,820 |
| 120 | 2. Investments | | 1,777,721,489,800 | 575,065,083,850 |
| 121 | 2.1 Investments in securities | 5 | 1,777,721,489,800 | 575,065,083,850 |
| 130 | 3. Receivables | | 915,650,000 | 204,250,000 |
| 133 | 3.1 Dividend and accrual interest receivables | | 915,650,000 | 204,250,000 |
| 100 | TOTAL ASSETS | | 1,781,289,642,459 | 576,378,513,670 |
| 300 | II. LIABILITIES | | | |
| 314 | 1. Tax and payables to the State | 6 | 1,500,000 | 1,500,000 |
| 316 | 2. Payables | 7 | 161,400,000 | 153,900,000 |
| 319 | 3. ETF's service fees payables | 8 | 1,762,737,192 | 602,637,665 |
| 300 | TOTAL LIABILITIES | | 1,925,637,192 | 758,037,665 |
| 400 | III. NET ASSET VALUE DISTRIBUTABLE TO ETF FUND UNIT HOLDERS | | 1,779,364,005,267 | 575,620,476,005 |
| 411 | 1. Contributed capital | | 1,983,000,000,000 | 772,000,000,000 |
| 412 | 1.1 Subscription capital | 9 | 2,333,000,000,000 | 1,112,000,000,000 |
| 413 | 1.2 Capital from redemption | 9 | (350,000,000,000) | (340,000,000,000) |
| 414 | 2. Capital premium | | (307,009,491,146) | (131,631,595,768) |
| 420 | 3. Undistributed gain/(loss) | 10 | 103,373,496,413 | (64,747,928,227) |
| 430 | IV. NET ASSET VALUE PER FUND UNIT | 9 | 8,973.09 | 7,456.22 |

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued)
as at 31 December 2024

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

| Code | ITEMS | Notes | Ending balance Fund unit | Beginning balance Fund unit |
|------|-------------------------------------|-------|-----------------------------|--------------------------------|
| 004 | 1. Number of outstanding fund units | 18 | 198,300,000 | 77,200,000 |

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge
of accountant

Approved by:



Mr. Yun-Hang Jin
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B03-ETF

STATEMENT OF CHANGES IN NET ASSETS, TRADING OF ETF FUND UNITS
for the year ended 31 December 2024

| No. | ITEMS | Current year VND | Previous year VND |
|-------|---|--------------------------|------------------------|
| I | Beginning balance of the Fund's Net Asset Value ("NAV") | 575,620,476,005 | 403,769,600,137 |
| II | Changes in NAV during the year | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |
| II.1 | - Changes in NAV due to market fluctuation and investment activities of ETF during the year | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |
| III | Changes in NAV due to the redemption and subscription of fund units | 1,035,622,104,622 | 140,257,772,127 |
| III.1 | - Proceeds from additional subscription of ETF fund units | 1,044,026,947,892 | 345,009,981,892 |
| III.2 | - Payment for redemption of fund units | (8,404,843,270) | (204,752,209,765) |
| IV | Ending balance of the Fund's NAV | 1,779,364,005,267 | 575,620,476,005 |

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge
of accountant

Approved by:



Mr. Yun Mang Jin
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B04-ETF

STATEMENT OF INVESTMENT PORTFOLIO
as at 31 December 2024

| No. | ITEMS | Quantity | Market price as at 31 December 2024 VND | Total value VND | Percentage of the Fund's total assets as at 31 December 2024 % |
|-----------|----------------------|-----------|---|--------------------------|--|
| I | LISTED SHARES | | | 1,777,721,489,800 | 99.80% |
| 1 | ACB | 5,241,367 | 25,800 | 135,227,268,600 | 7.59% |
| 2 | BCM | 54,400 | 70,900 | 3,856,980,000 | 0.22% |
| 3 | BID | 359,564 | 37,550 | 13,501,628,200 | 0.76% |
| 4 | BVH | 100,100 | 50,700 | 5,075,070,000 | 0.29% |
| 5 | CTG | 1,049,192 | 37,800 | 39,659,457,600 | 2.23% |
| 6 | FPT | 1,314,222 | 152,500 | 200,418,855,000 | 11.25% |
| 7 | GAS | 151,979 | 68,100 | 10,349,769,900 | 0.58% |
| 8 | GVR | 206,100 | 30,350 | 6,255,135,000 | 0.35% |
| 9 | HDB | 3,414,596 | 25,500 | 87,072,198,000 | 4.89% |
| 10 | HPG | 4,583,755 | 26,650 | 122,157,070,750 | 6.86% |
| 11 | MBB | 3,791,801 | 25,100 | 95,174,205,100 | 5.34% |
| 12 | MSN | 843,300 | 70,000 | 59,031,000,000 | 3.31% |
| 13 | MWG | 1,524,200 | 61,000 | 92,976,200,000 | 5.22% |
| 14 | PLX | 166,500 | 37,500 | 6,243,750,000 | 0.35% |
| 15 | POW | 610,800 | 12,000 | 7,329,600,000 | 0.41% |
| 16 | SAB | 185,800 | 55,500 | 10,311,900,000 | 0.58% |
| 17 | SHB | 4,057,300 | 10,250 | 41,587,325,000 | 2.33% |
| 18 | SSB | 2,388,862 | 16,750 | 40,013,438,500 | 2.25% |
| 19 | SSI | 1,793,520 | 26,050 | 46,721,196,000 | 2.62% |
| 20 | STB | 2,455,500 | 36,900 | 90,607,950,000 | 5.09% |
| 21 | TCB | 5,965,900 | 24,650 | 147,059,435,000 | 8.26% |
| 22 | TPB | 1,722,501 | 16,650 | 28,679,641,650 | 1.61% |
| 23 | VCB | 801,331 | 91,200 | 73,081,387,200 | 4.10% |
| 24 | VHM | 1,982,300 | 40,000 | 79,292,000,000 | 4.45% |
| 25 | VIB | 1,929,589 | 19,700 | 38,012,903,300 | 2.13% |
| 26 | VIC | 1,498,200 | 40,550 | 60,752,010,000 | 3.41% |
| 27 | VJC | 387,300 | 100,000 | 38,730,000,000 | 2.17% |
| 28 | VNM | 1,088,100 | 63,400 | 68,985,540,000 | 3.87% |
| 29 | VPB | 5,691,600 | 19,200 | 109,278,720,000 | 6.14% |
| 30 | VRE | 1,182,500 | 17,150 | 20,279,875,000 | 1.14% |
| II | OTHER ASSETS | | | | |
| 1 | Accrued dividends | | | 915,650,000 | 0.05% |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B04-ETF

STATEMENT OF INVESTMENT PORTFOLIO (continued)
as at 31 December 2024

| No. | ITEMS | Quantity | Market price as at 31 December 2024 VND | Total value VND | Percentage of the Fund's total assets as at 31 December 2024 % |
|----------|---|-------------------|---|--------------------------|--|
| III 1 | CASH Cash at banks | | | 2,652,502,659 | 0.15% |
| | TOTAL INVESTMENT PORTFOLIO | 56,542,179 | | 1,781,289,642,459 | 100.00% |

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge
of accountant

Approved by:



Mr. Yun Hong Jin
General Director

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B05-ETF

STATEMENT OF CASH FLOWS
for the year ended 31 December 2024

| Code | ITEMS | Notes | Current year VND | Previous year VND |
|------|--|-------|--------------------------|--------------------------|
| | I. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES | | | |
| 01 | 1. Profit before tax | | 168,121,424,640 | 31,593,103,741 |
| 01.1 | Adjustment of (loss)/gain due to the redemption of fund units | | (671,355,105) | 22,753,932,835 |
| 01.2 | Adjustment of gain/(loss) due to the purchase of limited securities | | 1,641,133,950 | (1,770,205,000) |
| 02 | 2. Adjustments for the net asset reduction from investing activities | | (149,451,755,107) | (63,104,528,390) |
| 03 | Unrealized gain from revaluation of investment | 5 | (149,592,155,107) | (63,166,132,093) |
| 04 | Prepaid expenses | | 140,400,000 | 61,603,703 |
| 05 | 3. Profit from/(used in) investing activities before changes in working capital | | 19,639,448,378 | (10,527,696,814) |
| 20 | Increase in investments | | (290,389,399,688) | (103,182,624,842) |
| 07 | (Increase)/decrease in interest receivable from investments | | (711,400,000) | 367,370,000 |
| 13 | Decrease in tax liabilities and statutory obligations | | - | (4,903,225) |
| 16 | Decrease in other payables | | (132,900,000) | - |
| 17 | Increase on fund management fee payable | | 1,160,099,527 | 198,116,122 |
| 19 | Net cash used in investing activities | | (270,434,151,783) | (113,149,738,759) |
| | II. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES | | | |
| 21 | 1. Proceeds from subscription of fund units (*) | | 272,036,317,892 | 114,815,656,892 |
| 22 | 2. Payment on subscription of fund units | | (58,843,270) | (1,591,659,765) |
| 30 | Net cash from financing activities | | 271,977,474,622 | 113,223,997,127 |
| 40 | III. Net increase in cash and cash equivalents during the year | | 1,543,322,839 | 74,258,368 |

(*) Inclusion of cash flow in securities trading is limited to Fund Certificate swaps.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B05-ETF

STATEMENT OF CASH FLOWS (continued)
for the year ended 31 December 2024

| Code | ITEMS | Notes | Current year VND | Previous year VND |
|------|--|----------|----------------------|----------------------|
| 50 | IV. Cash and cash equivalents at the beginning of year | | 1,109,179,820 | 1,034,921,452 |
| 52 | Cash in bank at the beginning of year: | | | |
| 52.1 | - Cash at bank for the Fund's operations | | 1,109,179,820 | 1,034,720,111 |
| 52.2 | - Cash at bank for Investor's Operation | | - | 201,341 |
| 55 | V. Cash and cash equivalents at the end of year | 4 | 2,652,502,659 | 1,109,179,820 |
| 56 | Cash at bank at the end of year: | | | |
| 57 | - Cash at bank for the Fund's operations | | 2,652,502,659 | 1,109,179,820 |
| 60 | VI. Change in cash and cash equivalents during the year | | 1,543,322,839 | 74,258,368 |

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge
of accountant

Approved by:



Mr. Yun Hang Jin
General Director

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS
as at 31 December 2024 and for the year then ended

1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS

1.1 General information

Fund

KIM Growth VN30 ETF is exchange traded fund ("the Fund", "KIM Growth VN30 ETF") was established in Vietnam pursuant to the Certificate of Registration for Public Offering of Securities Investment Fund Certificates No. 182/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission ("the SSC") on 20 September 2021; the Certificate of Public Fund establishment registration No. 52/GCN-UBCK was issued by the State Securities Commission on 7 December 2021. The Fund is not limited in term of operation.

The Fund's initial charter capital (capital mobilized during the initial public offering of fund units) as defined in the Establishment of the Public Fund Licence is VND71,000,000,000. According to this licence, the Fund is authorized to issue 7,100,000 fund units to the public at a par value of VND 10,000 per unit during the initial public offering. During the operation of the Fund, the Fund is authorized to issue and exchange its fund units with a par value of VND10,000 per unit. The exchange price for a batch of fund units in the subsequent issuances is determined by the net asset value per batch of fund units calculated on the date prior to the transaction date, plus the issuance fee (if any). The re-exchange price of a fund unit is determined by the net asset value per fund unit calculated on the date prior to the transaction date minus the acquisition cost (if any). As at 31 December 2024, the Fund's contributed capital was VND1,983,000,000,000 at par value, equivalent to 198,300,000 fund units.

Fund units are listed at Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") according to Decision No. 705/QĐ-SGDHCM dated 21 December 2021 with the stock code FUEKIV30 and officially traded from 7 January 2022.

The investment objective of KIM VN30 ETF is to simulate the movement of the benchmark index after subtracting the Fund's costs. Benchmark index is VN30 developed and managed by HOSE.

Fund contact address: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Room 6.02, 6th Floor, The Mett Building, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc city, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Supervisory Bank

The Supervisory Bank of the Fund is Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam. The Supervisory Bank is appointed by the General Investors' Meeting, conducts securities depository, stores economic contracts and records the Fund's assets, and supervises the Fund's operations. Rights and obligations of the Supervisory Bank are specified in the Fund Charter.

Fund Management Company

KIM Growth VN30 ETF is managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd ("Fund Management Company"). KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd was established in Vietnam under License No. 59/UBCK-GP by the by the SSC for the first time on 1 October 2020 (as amended and supplemented from time to time), and is an authorized representative of the Fund, on behalf of the Fund to exercise ownership rights to the Fund's assets honestly and prudently. The Fund Management Company complies with the law and the Fund Management Company's charter, manages the Fund's assets in accordance with the Fund Charter, complies with the rules of professional ethics, voluntarily, fairness, honesty, and in the best interests of the Fund.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS (continued)

1.2 General information of the Fund's operations

Size of the Fund

The total number of fund certificates distributed for the first time is 7,100,000 with a total value of VND71,000,000,000 with par value of VND10,000 per fund unit. As at 31 December 2024, the contributed capital equal to par value of the investor to the Fund is VND1,983,000,000,000 equivalent to 198,300,000 fund units.

Investment objectives

The investment objective of the Fund is to simulate the volatility of the benchmark VN30 index of after subtracting the Fund's costs. The VN30 Index is the benchmark index developed and managed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("the HOSE"). Objectives of the Fund are set in accordance with the Establishment Registration Certificate issued by the State Securities Commission, the Fund Charter and the Fund's prospectus.

Net asset value valuation

Valuation date

Valuation date is the date to determine the net asset value of the Fund. Net asset value is determined daily and at the end of each month. In case the valuation date falls on a day off or holiday, the valuation date is the next working day. For the monthly valuation period, the valuation date is the first day of the following month and remains unchanged even if the valuation date falls on a holiday or public holiday.

Net asset value valuation

The Net Asset Value per fund unit is equal to the Net Asset Value of the Fund divided by the total number of fund units in circulation at the last trading date preceding the valuation date.

Net Asset Value is the total market value of assets and investments held by the Fund less the Fund's liabilities as of the date preceding the valuation date.

The net asset value calculated for each Fund's trading day will be rounded down to two (02) decimal places.

Frequency of fund unit trading

Fund Units are traded on a daily basis if it is a business day ("trading day"). The Fund Management Company will inform the investors, the distribution agents and the relevant service providers about specific transaction schedule when the transaction date is not a business day on the website of the company and/or by email.

The Fund Management Company may change the trading date or frequency as necessary, provided that it is approved by the General Meeting of Investors in accordance with statutory requirements and Charter. The change of trading date will be announced in advance on the website of the Fund Management Company. The reduction of trading frequency will be agreed at the General Meeting of investors and must always be no less than two (02) times per one (1) month.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

1. THE FUND'S OPERATIONAL CHARACTERISTICS (continued)

1.2 General information of the Fund operations (continued)

Investment restrictions

The Fund's investment portfolio and investment restrictions must be consistent with the investment objectives and policies set out in the Fund Charter, Prospectus and Circular 98/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance guiding the establishment and management for the exchange-traded fund ("Circular 98"), specifically as follows:

- ▶ The Fund is not allowed to invest in more than ten percent (10%) of the total securities in circulation of a single issuer, except for Government bond;
- ▶ The Fund is not allowed to invest in more than twenty percent (20%) of the Fund's total asset value in securities issued by a single issuer, except for Government bond;
- ▶ Do not invest more than thirty percent (30%) of the Fund's total asset value in the following assets: deposits at commercial banks as stipulated by banking laws; money market instruments, foreign currencies, valuable papers, negotiable instruments in accordance with banking laws; listed bonds, listed shares, and registered shares of issuers operating under Vietnamese law; shares, bonds to be listed or registered by the issuers operating under Vietnamese law; listed and registered derivatives at Stock Exchange as a hedge which are issued by the company or by a group of companies that have mutual ownership relations (except Government bonds); parent company-subidiaries; companies holding more than 35% of each other's shares/stakes; subsidiaries of the same parent company. The investment in derivative securities equals the value committed in the contract as defined in Fund Charter.
- ▶ The Fund shall not invest in its Fund Certificates;
- ▶ The Fund may invest in other public Fund Certificates and public securities investment companies managed by other fund management companies, but shall not:
 - Invest in more than 10% of total outstanding Fund Certificates of a public und or total outstanding securities of a public securities investment company;
 - Invest more than 20% of total value of its assets in Fund Certificates of a public fund or outstanding shares of a public securities investment company;
 - Invest more than 30% of total value of its assets in public Fund Certificates or shares of public securities investment companies.
- ▶ The Fund is not allowed to invest in real estate, unlisted shares, unregistered shares of public companies, capital contributions in limited companies, private placement bonds; except in the case that the Fund assets benefit from the rights of the owner;
- ▶ The Fund is not allowed to invest in securities issued by a fund management company or an individual related to the Fund Management Company, the Fund's member except for underlying securities included in benchmark index portfolio;
- ▶ At all times, the total committed value of derivative securities transactions, outstanding loans and payables of the Fund must not exceed the net asset value of the Fund.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

2. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

2.1 Accounting standards and system

These financial statements are prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Circular No. 181/2015/TT-BTC ("Circular 181") dated 13 November 2015 issued by the Ministry of Finance on the applicable accounting system for exchange-traded fund and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of financial statements.

According to Circular 181, the Fund's financial statements include:

1. Income statement;
2. Statement of financial position;
3. Statement of changes in net asset value, subscriptions and redemptions of fund units;
4. Statement of investment portfolio;
5. Statement of cash flows;
6. Notes to financial statements.

Therefore, the accompanying financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices, and furthermore are not intended to present the financial position, investment position and results of operation, changes in net assets value, transactions of fund units and cash flows of the Fund in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

2.2 Applied accounting documentation system

The applied accounting documentation system of the Fund is the General Journal system.

2.3 Fiscal year

The Fund's fiscal year starts on 1 January and end on 31 December.

The Fund also prepares the financial statements for the six-month period 30 June each year to submit to the authorities as required by Circular 198 and Circular No. 96/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on November 16, 2020.

2.4 Accounting currency

The Fund's financial statements are prepared in Vietnam Dong ("VND") which is also the Fund's accounting currency.

2.5 Commitment to Compliance

The Executive Board of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd confirmed that the accompanying financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting Regime applicable to exchange-traded fund and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of financial statements.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 *Changes in accounting policies and disclosures*

The accounting policies adopted by the Fund in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Fund's financial statements for the year ended 31 December 2023.

3.2 *Accounting estimates*

The preparation of the financial statements requires the Executive Board of the Fund Management Company to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities, the disclosures of contingent assets and liabilities as at the date of the financial statements as well as the reported amount of revenues and expenses during the reporting period. Though these accounting estimates are based on the best knowledge of the Executive Board, the actual results may differ.

3.3 *Cash and cash equivalents*

Cash and cash equivalents comprise of cash at banks for the Fund's operation, term deposits at banks and short-term investments with an original maturity of less than three (03) months that are highly liquid, readily convertible into known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of change in value.

3.4 *Investments*

Initial recognition

The Fund records its investments at the acquisition date.

Investments in securities are initially recognized at cost that includes only purchase price without any costs incurred to acquire the investments such as brokerage fees, transaction fees and bank charges. After initial recognition, investments in the Fund's portfolio are revalued following market value as at the statement of financial position date.

Bonus shares and stock dividends are recorded in investments at zero (0) and revalued at the real value of those securities at the date of financial statement.

Subsequent recognition

Investments in listed shares are recognized in the "Investments" item in the financial statement according to market value of the shares. For listed securities, market price is the closing price at the most recent transaction date preceding the valuation date.

In case there is no transaction for more than 15 days from the Valuation Date, one of the following prices:

- + Purchase price plus accumulated interest; or
- + Face value plus accumulated interest; or
- + Price determined according to the method approved by the Fund Representative Board.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.4 Investments (continued)

Subsequent recognition (continued)

The difference between the revaluation of investments at the time of revaluation and their carrying amount is reflected in the item "*Unrealized gain/loss of investments*" in the income statement.

Cost of securities is calculated by the weighted average method at the end of the trading day.

Call rights: The value of call right is determined as the difference between market price of the shares as at the date of financial statements and the amount actually paid to be exercised on the date of notification to exercise the call right, multiplied by the percentage required to purchase a new share.

Derecognition

Investments are de-recognized when the rights to receive cash flows from securities investments are terminated or the Fund has transferred most of the risks and benefits associated with ownership of securities.

Gain/(loss) from selling of the investments

Gain/(loss) from selling of the investments is the difference between selling price and cost of the investments determined on weighted average basis at the end of the transaction date.

3.5 Receivables

Receivables include those arising from sales of investments, accrual of interest income from investments, bank deposit and other receivables. Receivables are recognized at cost, net of provision for bad debts.

Receivables are subject to review for impairment based on their overdue status or estimated loss arising from undue debts of corporate debtors who are going bankruptcy or are under liquidation; or of individual debtors who are missing, have fled, are prosecuted, detained or tried by law enforcement bodies, are serving sentences or have deceased.

The Fund has made provision for doubtful receivables as follows:

| <i>Overdue time</i> | <i>Provision level</i> |
|---|------------------------|
| From six (06) months to less than one (01) year | 30% |
| From one (01) year to less than two (02) years | 50% |
| From two (02) years to less than three (03) years | 70% |
| More than three (03) years | 100% |

3.6 Payables

Payables for investments and other payables are recognized at cost.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.7 Contributed capital

Fund units with dividend rights are classified as contributed capital of the investors, including subscription capital and redemption capital. Each fund unit has a par value of VND10,000. One lot of fund unit has 100,000 units.

The minimum volume for one exchange transaction is one lot of fund units. The net asset value per lot of fund units is calculated by dividing the total net asset value of the Fund by the total number of fund unit lots and rounded down to the unit. The Net Asset Value per fund unit is calculated by dividing the total Net Asset Value of the Fund by the number of fund units in circulation and rounding down to two (2) decimal places.

Subscription capital

Issued capital reflects the source of capital from the exchange of fund unit lot for securities basket. The subscription capital is valued at the face value of the fund unit and is recognized on the next business day after the exchange transaction occurred - the date that transaction is completed and the ownership right of the fund unit is acknowledged.

Redemption capital

The redemption capital reflects the capital from the exchange of securities basket for the fund unit lot. Redemption capital is recognized at the face value of the fund unit and is recognized on the next business day after the exchange transaction occurred - the date that transaction is completed and the ownership right of the fund unit is acknowledged.

Share premium of Investors

Share premium represents the difference between the exchange/re-exchange price and the face value of the fund unit in exchange transactions.

The exchange price is the price that the investors have to pay to buy a lot of fund units. The exchange price is equal to the net asset value per lot of fund units at the end of the date prior to the transaction date plus the subscription fee (if any).

The re-exchange price is the price that the Fund must pay to the investor making an exchange order to redeem a fund unit lot for a securities basket. The re-exchange price is equal to the net asset value per lot of fund units calculated at the end of the date prior to the transaction date less the redemption fee (if any).

Undistributed profit

Undistributed profit represents the accumulated undistributed profit at the reporting date, including accumulated realized profit and accumulated unrealized profit. The realized profit during the year is the difference between the total income, revenue after deducting the unrealized increase/(decrease) due to the revaluation of investments with total expenses of the Fund during the year. Unrealized profit for the period is the increase/(decrease) due to revaluation of investments in the portfolio of the Fund arising in the year. At the end of financial period, the Fund determines the realized profit and unrealized profit for the period and records the amount in "Undistributed profit".

Profits/Assets distributed to Investors

In order to minimize the costs incurred, the Fund will not distribute profits.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.8 Revenue

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Fund and the revenue can be reliably measured. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognized:

Deposit interest

Interest incomes from deposits and bonds are recognized to income statement based on accrual basis unless collectability is in doubt.

Dividend

Dividend income is recognized in the income statement when the Fund's right to receive dividend is established.

Income from securities trading activities

Income from securities trading is recognized to the income statement on the date of receiving the deal confirmation from Securities Companies and the Supervisory Bank.

3.9 Expenses

Expenses are accounted in the income statement when incurred, not on the basis of actual cash or cash equivalents payment.

Fund management fee

Fund management fee is paid to the Fund Management Company to perform management service for the Fund. Fund management fee is 0.55% per annum calculated on the net asset value of the Fund as of the day prior to the Valuation Date, recorded to the Fund's expenses at each Valuation Date, calculated and accumulated on a daily basis and paid monthly to the Fund Management Company.

Custody fees

Before 20 February 2024, custody fees include custody fee payable to the supervisory bank and custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD"). The custody fee payable to the supervisory bank is 0.06% over NAV per annum, the minimum monthly custody fee is VND20,000,000. The monthly payment amount is the total amount charged for the valuation periods performed in the month.

After 20 February 2024, custody fees include custody fee payable to the supervisory bank and custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD"). The custody fee payable to the supervisory bank is:

| <u>Net asset value ("NAV")</u> | <u>Custody fee</u> |
|---|--------------------|
| NAV below VND 600 billion | 0.06%/NAV/p.a. |
| NAV from VND 600 billion to below VND 1.000 billion | 0.05%/NAV/p.a. |
| NAV below VND 1.000 billion | 0.04%/NAV/p.a. |

The custody service fee is calculated and accumulated daily and paid monthly to the Supervisory Bank, with a minimum of 20,000,000 VND per month.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.9 Expenses (continued)

Supervisory fee

Supervisory fee is paid to the Supervisory Bank for the purpose of providing operation supervision service for Fund Management Company. Supervisory fee is calculated as 0.02% over NAV per annum, excluding value added tax. The minimum monthly supervisory fee is VND5,000,000 excluding value added tax. The monthly fee is the total amount charged at every periodical valuation performed during the month.

Transaction fee

Transaction fee paid for the Supervisory Bank is 0.03% of transaction amount. The minimum transaction fee per transaction is VND100,000.

Fund administration fee

Before 20 February 2024, fund administration fee is 0.03% over NAV per annum and the minimum monthly administration fee is VND15,000,000, excluding value added tax. The fund administration service price is calculated and accrued daily and paid monthly to the Supervisory Bank.

After 20 February 2024, fund administration fee is paid to the Supervisory Bank:

| <i>Net asset value ("NAV")</i> | <i>Fund administration fee</i> |
|--------------------------------|--------------------------------|
| NAV below VND 1.000 billion | 0.03%/NAV/p.a. |
| NAV above VND 1.000 billion | 0.02%/NAV/p.a. |

The fund administration service price is calculated and accrued daily and paid monthly to the Supervisory Bank.

Transfer agency service fee

The transfer agent service price is paid to the Securities Depository Center which is the transfer agent for the Fund. Transfer agent service price is VND5,000,000 per month, excluding value added tax. Transfer agent service price does not include the right exercise fee paid for each confirmation of the list of holders of listed fund certificates. The price for exercising the right to pay for each confirmation of the list of holders of this listed fund certificate is VND1,000,000/time when the total list of securities holders is less than 500 peoples, VND2,000,000/time when the list of securities holders is less than 500 peoples, the list of total securities owners with the number from 500 to less than 1,000 peoples, VND3,000,000/time when the list of total securities owners has the number from 1,000 to less than 5,000 peoples, VND 4,000,000/time when the list of total securities owners is over 5,000 peoples, this price does not include value added tax. Transfer agent service prices are calculated and accrued on a daily basis and are paid quarterly.

Service fee for management and operation of benchmark index

The service fee for the management and operation service of the benchmark index is 0.05% per year based on the net asset value of the Fund as of the day before the valuation date with a minimum of VND50,000,000 per year. Benchmark index operating and management service fee is calculated and accrued daily and paid every six months to the HOSE.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.9 Expenses (continued)

Remunerations for the Board of Representatives

The service fee for calculating the reference net asset value is 0.05% per year on the net asset value of the Fund at the date prior to the valuation date with a minimum of VND50,000,000 per year. Reference net asset value calculation service fee is calculated and accrued daily and paid every six months to the HOSE.

The Fund Representative Board's remunerations

The Fund Representative Board's remunerations will be included in the Fund's expenses. Costs may also include liability insurance costs incurred by the Board of Representatives in connection with the exercise of rights and obligations of the Board of Representatives to the Fund. The remunerations of the members of the Board of Representatives will be within the annual operating budget of the Board of Representatives approved at the General Meeting of Investors.

3.10 Taxes

In accordance with prevailing tax regulations, the Fund is not subject to corporate income tax. However, the Fund Management Company is required to withhold income tax of individuals and institutional investors in the following transactions:

a. Dividends payment to Investors

When the Fund distributes dividends to its investors, the Fund Management Company has to comply with tax withholding regulations as set out in Circular No. 78/2014/TT-BTC dated 18 June 2014 ("Circular 78"), amended and supplemented by Circular No. 96/2015/TT-BTC dated 22 June 2015, and Circular No. 111/2013/TT-BTC dated 15 August 2013 ("Circular 111"), amended and supplemented by Circular 92/2015/TT-BTC dated 15 June 2015 ("Circular 92") of the Ministry of Finance and Official documents No. 10945/BTC-TCT dated 19 August 2010 of the General Department of Taxation on tax policy of dividend distribution to investment institutions. Accordingly, when the Fund Management Company distributes dividends to its institutional investors, regardless of domestic or foreign, it is required to withhold 20% of distributed profit (except for distributed profit portions already taxed in the previous phase and coupons from bonds exempted from tax in accordance with prevailing regulations). At the same time, when the Fund pays dividends to individual investors, the Fund Management Company is responsible for withholding personal income tax equal to 5% of the dividends paid.

b. Fund unit redemption

The Fund Management Company is required to withhold, declare and pay income tax resulting from transactions relating to fund units redemption from individuals (domestic or foreign) and foreign institutions in accordance with Circular 111 amended and supplemented by Circular 92 and Circular No. 103/2014/TT-BTC dated 06 August 2014 of the Ministry of Finance. The applied tax rate for unlisted securities transfer is 0.1% of transfer value. The Fund Management Company does not withhold income tax of transactions relating to fund units redemption from investors who are domestic institutions. These investors are responsible for self-declaration and tax payment on the income generated from this exchange transaction.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

3.11 Related parties

Parties/persons are considered to be related if one party/person has the ability, directly or indirectly, to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence. Other investment funds under the management of the Fund Management Company, the Fund Management Company, the shareholders of the Fund Management Company, and key management positions such as General Director of the Fund Management Company, Members of the Board of Representatives, close family members of these individuals or affiliates or affiliated companies with these individuals are also considered parties to the Fund. In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship, not merely the legal form.

3.12 Nil balance

Items or balances stipulated in Circular 181 on the accounting regime applicable to exchange-traded funds which are not presented in these financial statements, are nil.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

| | <i>Ending balance</i> VND | <i>Beginning balance</i> VND |
|--|------------------------------|---------------------------------|
| Cash at Supervisory and Custodian Bank for the Fund's operations | <u>2,652,502,659</u> | <u>1,109,179,820</u> |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTE1 TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 30 December 2024 and for the year then ended

5. INVESTMENT IN SECURITIES

| | Cost (*) VND | Fair value VND | Revaluation difference | | Net difference VND | Revaluation value VND |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | | | Increase VND | Decrease VND | | |
| 31 December 2024 | | | | | | |
| Listed shares | 1,651,227,256,012 | 1,777,721,489,800 | 192,043,513,344 | (65,549,279,556) | 126,494,233,788 | 1,777,721,489,800 |
| | 1,651,227,256,012 | 1,777,721,489,800 | 192,043,513,344 | (65,549,279,556) | 126,494,233,788 | 1,777,721,489,800 |
| 31 December 2023 | | | | | | |
| Listed shares | 598,163,005,169 | 575,065,083,850 | 26,975,451,980 | (50,073,373,299) | (23,097,921,319) | 575,065,083,850 |
| | 598,163,005,169 | 575,065,083,850 | 26,975,451,980 | (50,073,373,299) | (23,097,921,319) | 575,065,083,850 |
| Effect from revaluation difference of investments in income statement | | | | | 149,592,155,107 | |

(*) The purchase price is determined based on the number of shares at the period end and the cost of trading securities is calculated on a weighted average basis at the end of the trading day.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

6. TAXES PAYABLES AND OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET

| | <i>Ending balance</i> VND | <i>Beginning balance</i> VND |
|--|------------------------------|---------------------------------|
| Personal income taxes – Remuneration of Fund's Board Representatives | 1,500,000 | 1,500,000 |

7. ACCRUED EXPENSES

| | <i>Ending balance</i> VND | <i>Beginning balance</i> VND |
|--|------------------------------|---------------------------------|
| Accrued audit fees | 140,400,000 | 140,400,000 |
| Remuneration of Fund's Board Representatives | 13,500,000 | 13,500,000 |
| Accrued fee payable to SSC | 7,500,000 | - |
| | 161,400,000 | 153,900,000 |

8. SERVICE FEES PAYABLES

| | <i>Ending balance</i> VND | <i>Beginning balance</i> VND |
|---|------------------------------|---------------------------------|
| Fund management fee | 819,867,014 | 253,607,428 |
| Accrual expenses payable to HOSE for Index usage | 400,577,064 | 139,109,838 |
| Accrual expenses payable to HOSE for INAV calculation | 400,577,064 | 139,109,838 |
| Custody fee | 59,626,694 | 27,666,264 |
| Fund administrative fee | 32,794,678 | 16,500,000 |
| Supervising fee | 32,794,678 | 10,144,297 |
| Transfer agency service fee | 16,500,000 | 16,500,000 |
| | 1,762,737,192 | 602,637,665 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

9. CONTRIBUTED CAPITAL

| | <i>Beginning balance VND</i> | <i>Movement during the year VND</i> | <i>Ending balance VND</i> |
|--|----------------------------------|---|-------------------------------|
| Subscription capital | | | |
| Number of fund units | 111,200,000 | 122,100,000 | 233,300,000 |
| Par value | 1,112,000,000,000 | 1,221,000,000,000 | 2,333,000,000,000 |
| Subscription capital premium | (232,000,287,183) | (176,973,052,108) | (408,973,339,291) |
| Total value of issued ETF fund units | 879,999,712,817 | 1,044,026,947,892 | 1,924,026,660,709 |
| Redemption capital | | | |
| Number of fund units | (34,000,000) | (1,000,000) | (35,000,000) |
| Par value | (340,000,000,000) | (10,000,000,000) | (350,000,000,000) |
| Redemption capital premium | 100,368,691,415 | 1,595,156,730 | 101,963,848,145 |
| Total value of issued ETF fund units | (239,631,308,585) | (8,404,843,270) | (248,036,151,855) |
| Number of fund units in circulation | 77,200,000 | 121,100,000 | 198,300,000 |
| Current contributed capital | 640,368,404,232 | 1,035,622,104,622 | 1,675,990,508,854 |
| Accumulated gain/(loss) | (64,747,928,227) | 168,121,424,640 | 103,373,496,413 |
| NAV | 575,620,476,005 | 1,203,743,529,262 | 1,779,364,005,267 |
| NAV per fund unit | 7,456.22 | | 8,973.09 |

10. UNDISTRIBUTED PROFIT/(LOSS)

| | <i>Beginning balance VND</i> | <i>Movement during the year VND</i> | <i>Ending balance VND</i> |
|--------------------------|----------------------------------|---|-------------------------------|
| Realized loss | (41,650,006,908) | 18,529,269,533 | (23,120,737,375) |
| Unrealized profit/(loss) | (23,097,921,319) | 149,592,155,107 | 126,494,233,788 |
| | (64,747,928,227) | 168,121,424,640 | 103,373,496,413 |

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

11. DIVIDENDS TO RECEIVE AND INTEREST RECEIVED FROM BANK DEPOSIT

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Dividend received | 23,926,613,870 | 8,442,382,100 |
| - Dividend received in cash | 23,010,963,870 | 8,238,132,100 |
| - Dividend receivable | 915,650,000 | 204,250,000 |
| Interest received | 12,826,236 | 6,321,794 |
| | <u>23,939,440,106</u> | <u>8,448,703,894</u> |

12. GAIN/(LOSS) FROM TRADING OF SECURITIES

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|--|-----------------------------|--------------------------------|
| Gain/(loss) from exchange trade and securities trading | 5,303,384,688 | (14,779,529,308) |
| Gain/(loss) from exchange fund certificates | 671,355,105 | (22,753,932,835) |
| (Loss)/gain from restricted securities transaction | (1,641,133,950) | 1,770,205,000 |
| | <u>4,333,605,843</u> | <u>(35,763,257,143)</u> |

Details of the Fund's securities investments in the year then ended to 31 December 2024 as follow:

| | <i>Total value of securities purchased/sold in the fund unit exchange transactions VND</i> | <i>Weighted average cost at the end of transaction date VND</i> | <i>Gain/(loss) from selling securities for financial year ended 31 December 2024 VND</i> |
|---|--|---|--|
| Listed shares | | | |
| Gain from selling investments | 99,953,035,000 | 94,649,650,312 | 5,303,384,688 |
| Gain from trading of restricted securities in the fund unit exchange transactions | 8,346,000,000 | 7,674,644,895 | 671,355,105 |
| Gain/(Loss) from exchange fund certificates | 1,770,205,000 | 3,411,338,950 | (1,641,133,950) |
| | <u>110,069,240,000</u> | <u>105,735,634,157</u> | <u>4,333,605,843</u> |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

13. TRANSACTION COSTS FOR SECURITIES TRADING

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Brokerage fee for purchasing investments | 180,221,285 | 142,764,920 |
| Brokerage fee for selling investments | 144,880,386 | 135,075,542 |
| | 325,101,671 | 277,840,462 |

14. CUSTODY FEES

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Custody fee - Asset management | 512,069,839 | 291,482,837 |
| Depository fee paid to VSD | 112,303,304 | 47,211,204 |
| Custody fee - Transaction fees | 62,542,882 | 49,590,692 |
| | 686,916,025 | 388,284,733 |

15. OTHER SERVICE FEES

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Accrual expenses payable to HOSE for INAV calculation | 596,370,872 | 225,513,750 |
| Accrual expenses payable to HOSE for Index usage | 596,370,872 | 225,513,750 |
| | 1,192,741,744 | 451,027,500 |

16. OTHER OPERATING EXPENSES

| | <i>Current year VND</i> | <i>Previous year VND</i> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Expense for design, printing and postage | 80,728,124 | 17,759,632 |
| Remunerations for the Board of Representatives | 60,000,000 | 60,000,000 |
| Expense for listed management at HOSE | 30,000,000 | 30,000,000 |
| Fee paid to VSD for getting the list of investors | 20,200,000 | 30,300,000 |
| Additional registration fee paid for VSD | 14,500,000 | 9,000,000 |
| Accrued fee payable to SSC | 7,500,000 | 7,500,000 |
| Bank charges | 5,249,704 | 2,669,819 |
| | 218,177,828 | 157,229,451 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE

Net asset value for the year ended 31 December 2024 are as follows:

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/fund unit VND |
|----|----------------|-----------------|--|--------------------------|--|
| 1 | 01/01/2024 | 575,607,599,749 | 77,200,000 | 7,456.05 | (0.17) |
| 2 | 02/01/2024 | 575,692,669,143 | 77,200,000 | 7,457.15 | 1.10 |
| 3 | 03/01/2024 | 582,393,677,214 | 77,200,000 | 7,543.95 | 86.80 |
| 4 | 04/01/2024 | 588,345,027,805 | 77,200,000 | 7,621.04 | 77.09 |
| 5 | 07/01/2024 | 590,727,043,273 | 77,200,000 | 7,651.90 | 30.86 |
| 6 | 08/01/2024 | 591,924,212,973 | 77,200,000 | 7,667.41 | 15.51 |
| 7 | 09/01/2024 | 590,227,212,670 | 77,200,000 | 7,645.43 | (21.98) |
| 8 | 10/01/2024 | 591,470,561,675 | 77,200,000 | 7,661.53 | 16.10 |
| 9 | 11/01/2024 | 591,903,932,086 | 77,200,000 | 7,667.14 | 5.61 |
| 10 | 14/01/2024 | 591,918,524,687 | 77,200,000 | 7,667.33 | 0.19 |
| 11 | 15/01/2024 | 590,704,762,627 | 77,200,000 | 7,651.61 | (15.72) |
| 12 | 16/01/2024 | 595,205,688,237 | 77,200,000 | 7,709.91 | 58.30 |
| 13 | 17/01/2024 | 593,372,291,720 | 77,200,000 | 7,686.16 | (23.75) |
| 14 | 18/01/2024 | 604,801,326,952 | 78,200,000 | 7,734.03 | 47.87 |
| 15 | 21/01/2024 | 610,998,794,681 | 78,200,000 | 7,813.28 | 79.25 |
| 16 | 22/01/2024 | 613,218,314,942 | 78,200,000 | 7,841.66 | 28.38 |
| 17 | 23/01/2024 | 610,262,090,592 | 78,200,000 | 7,803.86 | (37.80) |
| 18 | 24/01/2024 | 607,980,410,483 | 78,200,000 | 7,774.68 | (29.18) |
| 19 | 25/01/2024 | 606,973,676,968 | 78,200,000 | 7,761.81 | (12.87) |
| 20 | 28/01/2024 | 609,656,828,586 | 78,200,000 | 7,796.12 | 34.31 |
| 21 | 29/01/2024 | 607,768,128,115 | 78,200,000 | 7,771.97 | (24.15) |
| 22 | 30/01/2024 | 609,054,864,149 | 78,200,000 | 7,788.42 | 16.45 |
| 23 | 31/01/2024 | 601,123,908,044 | 78,200,000 | 7,687.00 | (101.42) |
| 24 | 01/02/2024 | 604,725,790,997 | 78,200,000 | 7,733.06 | 46.06 |
| 25 | 04/02/2024 | 605,394,115,288 | 78,200,000 | 7,741.61 | 8.55 |
| 26 | 05/02/2024 | 616,865,052,902 | 78,200,000 | 7,888.29 | 146.68 |
| 27 | 06/02/2024 | 617,887,328,673 | 78,200,000 | 7,901.37 | 13.08 |
| 28 | 08/02/2024 | 624,827,821,686 | 78,200,000 | 7,990.12 | 88.75 |
| 29 | 14/02/2024 | 624,744,299,381 | 78,200,000 | 7,989.05 | (1.07) |
| 30 | 15/02/2024 | 627,004,219,657 | 78,200,000 | 8,017.95 | 28.90 |
| 31 | 18/02/2024 | 630,776,498,502 | 78,200,000 | 8,066.19 | 48.24 |
| 32 | 19/02/2024 | 638,820,693,511 | 78,200,000 | 8,169.06 | 102.87 |
| 33 | 20/02/2024 | 639,557,889,010 | 78,200,000 | 8,178.48 | 9.42 |
| 34 | 21/02/2024 | 639,770,130,731 | 78,200,000 | 8,181.20 | 2.72 |
| 35 | 22/02/2024 | 638,629,361,087 | 78,200,000 | 8,166.61 | (14.59) |
| 36 | 25/02/2024 | 629,935,630,142 | 78,200,000 | 8,055.44 | (111.17) |
| 37 | 26/02/2024 | 635,188,455,081 | 78,200,000 | 8,122.61 | 67.17 |
| 38 | 27/02/2024 | 642,692,878,358 | 78,200,000 | 8,218.57 | 95.96 |
| 39 | 28/02/2024 | 651,659,846,157 | 78,200,000 | 8,333.24 | 114.67 |
| 40 | 29/02/2024 | 651,853,068,723 | 78,200,000 | 8,335.71 | 2.47 |
| 41 | 03/03/2024 | 652,442,261,861 | 78,200,000 | 8,343.25 | 7.54 |
| 42 | 04/03/2024 | 653,176,369,186 | 78,200,000 | 8,352.63 | 9.38 |
| 43 | 05/03/2024 | 659,156,672,195 | 78,200,000 | 8,429.11 | 76.48 |
| 44 | 06/03/2024 | 654,451,521,214 | 78,200,000 | 8,368.94 | (60.17) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|----|----------------|-----------------|--|--------------------------|---|
| 45 | 07/03/2024 | 657,258,744,223 | 78,200,000 | 8,404.84 | 35.90 |
| 46 | 10/03/2024 | 643,640,009,683 | 78,200,000 | 8,230.69 | (174.15) |
| 47 | 11/03/2024 | 627,733,335,347 | 77,200,000 | 8,131.26 | (99.43) |
| 48 | 12/03/2024 | 631,328,590,545 | 77,200,000 | 8,177.83 | 46.57 |
| 49 | 13/03/2024 | 646,584,721,447 | 77,200,000 | 8,375.44 | 197.61 |
| 50 | 14/03/2024 | 640,492,760,471 | 77,200,000 | 8,296.53 | (78.91) |
| 51 | 17/03/2024 | 638,833,056,567 | 77,200,000 | 8,275.03 | (21.50) |
| 52 | 18/03/2024 | 628,323,900,019 | 77,200,000 | 8,138.91 | (136.12) |
| 53 | 19/03/2024 | 627,797,687,575 | 77,200,000 | 8,132.09 | (6.82) |
| 54 | 20/03/2024 | 640,133,575,109 | 77,200,000 | 8,291.88 | 159.79 |
| 55 | 21/03/2024 | 651,558,590,106 | 77,200,000 | 8,439.87 | 147.99 |
| 56 | 24/03/2024 | 652,825,009,901 | 77,200,000 | 8,456.28 | 16.41 |
| 57 | 25/03/2024 | 645,621,409,624 | 77,200,000 | 8,362.97 | (93.31) |
| 58 | 26/03/2024 | 653,850,159,244 | 77,200,000 | 8,469.56 | 106.59 |
| 59 | 27/03/2024 | 655,125,653,107 | 77,200,000 | 8,486.08 | 16.52 |
| 60 | 28/03/2024 | 662,454,177,191 | 77,200,000 | 8,581.01 | 94.93 |
| 61 | 31/03/2024 | 659,205,548,875 | 77,200,000 | 8,538.93 | (42.08) |
| 62 | 01/04/2024 | 657,013,825,497 | 77,200,000 | 8,510.54 | (28.39) |
| 63 | 02/04/2024 | 656,833,424,739 | 77,200,000 | 8,508.20 | (2.34) |
| 64 | 03/04/2024 | 647,658,750,993 | 77,200,000 | 8,389.36 | (118.84) |
| 65 | 04/04/2024 | 644,287,178,598 | 77,200,000 | 8,345.68 | (43.68) |
| 66 | 07/04/2024 | 668,209,626,557 | 80,700,000 | 8,280.16 | (65.52) |
| 67 | 08/04/2024 | 666,568,439,042 | 80,700,000 | 8,259.83 | (20.33) |
| 68 | 09/04/2024 | 673,030,809,500 | 80,700,000 | 8,339.91 | 80.08 |
| 69 | 10/04/2024 | 671,365,983,439 | 80,700,000 | 8,319.28 | (20.63) |
| 70 | 11/04/2024 | 670,841,072,521 | 80,700,000 | 8,312.77 | (6.51) |
| 71 | 14/04/2024 | 682,409,758,074 | 80,700,000 | 8,456.13 | 143.36 |
| 72 | 15/04/2024 | 652,220,013,235 | 80,700,000 | 8,082.03 | (374.10) |
| 73 | 16/04/2024 | 670,989,126,371 | 82,700,000 | 8,113.53 | 31.50 |
| 74 | 18/04/2024 | 739,182,015,184 | 92,700,000 | 7,973.91 | (139.62) |
| 75 | 21/04/2024 | 728,938,517,561 | 92,700,000 | 7,863.41 | (110.50) |
| 76 | 22/04/2024 | 784,291,634,657 | 98,700,000 | 7,946.21 | 82.80 |
| 77 | 23/04/2024 | 780,194,028,515 | 98,700,000 | 7,904.70 | (41.51) |
| 78 | 24/04/2024 | 800,826,282,949 | 98,700,000 | 8,113.74 | 209.04 |
| 79 | 25/04/2024 | 805,874,946,336 | 99,200,000 | 8,123.73 | 9.99 |
| 80 | 30/04/2024 | 810,215,659,335 | 99,200,000 | 8,167.49 | 43.76 |
| 81 | 01/05/2024 | 810,198,114,283 | 99,200,000 | 8,167.31 | (0.18) |
| 82 | 02/05/2024 | 814,560,312,795 | 99,200,000 | 8,211.29 | 43.98 |
| 83 | 03/05/2024 | 820,018,348,948 | 99,200,000 | 8,266.31 | 55.02 |
| 84 | 05/05/2024 | 819,982,854,445 | 99,200,000 | 8,265.95 | (0.36) |
| 85 | 06/05/2024 | 832,315,591,204 | 99,200,000 | 8,390.27 | 124.32 |
| 86 | 07/05/2024 | 838,974,700,179 | 99,200,000 | 8,457.40 | 67.13 |
| 87 | 08/05/2024 | 838,949,446,048 | 99,200,000 | 8,457.15 | (0.25) |
| 88 | 09/05/2024 | 836,728,564,755 | 99,200,000 | 8,434.76 | (22.39) |
| 89 | 12/05/2024 | 834,058,193,497 | 99,200,000 | 8,407.84 | (26.92) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-------------------|--|--------------------------|---|
| 90 | 13/05/2024 | 830,813,227,229 | 99,200,000 | 8,375.13 | (32.71) |
| 91 | 14/05/2024 | 834,039,334,758 | 99,200,000 | 8,407.65 | 32.52 |
| 92 | 15/05/2024 | 842,290,693,973 | 99,200,000 | 8,490.83 | 83.18 |
| 93 | 16/05/2024 | 854,208,472,187 | 99,200,000 | 8,610.97 | 120.14 |
| 94 | 19/05/2024 | 855,382,588,233 | 99,200,000 | 8,622.80 | 11.83 |
| 95 | 20/05/2024 | 856,927,642,506 | 99,200,000 | 8,638.38 | 15.58 |
| 96 | 21/05/2024 | 856,517,439,190 | 99,200,000 | 8,634.24 | (4.14) |
| 97 | 22/05/2024 | 848,311,226,809 | 99,200,000 | 8,551.52 | (82.72) |
| 98 | 23/05/2024 | 857,899,906,974 | 99,200,000 | 8,648.18 | 96.66 |
| 99 | 26/05/2024 | 1,133,237,344,325 | 133,200,000 | 8,507.78 | (140.40) |
| 100 | 27/05/2024 | 1,134,433,446,927 | 133,200,000 | 8,516.76 | 8.98 |
| 101 | 28/05/2024 | 1,169,020,207,593 | 135,700,000 | 8,614.73 | 97.97 |
| 102 | 29/05/2024 | 1,154,923,837,827 | 135,700,000 | 8,510.86 | (103.87) |
| 103 | 30/05/2024 | 1,150,679,664,089 | 135,700,000 | 8,479.58 | (31.28) |
| 104 | 31/05/2024 | 1,150,720,245,774 | 135,700,000 | 8,479.88 | 0.30 |
| 105 | 02/06/2024 | 1,150,672,405,476 | 135,700,000 | 8,479.53 | (0.35) |
| 106 | 03/06/2024 | 1,170,150,297,456 | 135,700,000 | 8,623.06 | 143.53 |
| 107 | 04/06/2024 | 1,173,005,264,535 | 135,700,000 | 8,644.10 | 21.04 |
| 108 | 05/06/2024 | 1,171,769,066,354 | 135,700,000 | 8,634.99 | (9.11) |
| 109 | 06/06/2024 | 1,174,082,043,031 | 135,700,000 | 8,652.04 | 17.05 |
| 110 | 09/06/2024 | 1,179,184,167,782 | 135,700,000 | 8,689.64 | 37.60 |
| 111 | 10/06/2024 | 1,181,906,500,727 | 135,700,000 | 8,709.70 | 20.06 |
| 112 | 11/06/2024 | 1,179,365,158,907 | 135,700,000 | 8,690.97 | (18.73) |
| 113 | 12/06/2024 | 1,201,438,437,256 | 135,700,000 | 8,853.63 | 162.66 |
| 114 | 13/06/2024 | 1,203,244,801,938 | 135,700,000 | 8,866.94 | 13.31 |
| 115 | 16/06/2024 | 1,187,513,377,834 | 135,700,000 | 8,751.01 | (115.93) |
| 116 | 17/06/2024 | 1,181,403,249,891 | 135,700,000 | 8,705.99 | (45.02) |
| 117 | 18/06/2024 | 1,181,539,256,970 | 135,700,000 | 8,706.99 | 1.00 |
| 118 | 19/06/2024 | 1,202,903,371,270 | 137,700,000 | 8,735.68 | 28.69 |
| 119 | 20/06/2024 | 1,210,809,892,914 | 137,700,000 | 8,793.10 | 57.42 |
| 120 | 23/06/2024 | 1,296,287,559,323 | 147,700,000 | 8,776.48 | (16.62) |
| 121 | 24/06/2024 | 1,266,742,396,007 | 147,700,000 | 8,576.45 | (200.03) |
| 122 | 25/06/2024 | 1,291,403,153,110 | 150,700,000 | 8,569.36 | (7.09) |
| 123 | 26/06/2024 | 1,293,884,963,511 | 150,700,000 | 8,585.83 | 16.47 |
| 124 | 27/06/2024 | 1,291,581,704,132 | 150,700,000 | 8,570.54 | (15.29) |
| 125 | 30/06/2024 | 1,281,347,708,100 | 150,700,000 | 8,502.63 | (67.91) |
| 126 | 01/07/2024 | 1,288,491,274,393 | 150,700,000 | 8,550.04 | 47.41 |
| 127 | 02/07/2024 | 1,299,058,023,181 | 150,700,000 | 8,620.15 | 70.11 |
| 128 | 03/07/2024 | 1,308,483,035,850 | 150,700,000 | 8,682.70 | 62.55 |
| 129 | 04/07/2024 | 1,313,590,101,497 | 150,700,000 | 8,716.58 | 33.88 |
| 130 | 07/07/2024 | 1,319,345,893,596 | 150,700,000 | 8,754.78 | 38.20 |
| 131 | 08/07/2024 | 1,318,967,466,399 | 150,700,000 | 8,752.27 | (2.51) |
| 132 | 09/07/2024 | 1,324,896,778,438 | 150,700,000 | 8,791.61 | 39.34 |
| 133 | 10/07/2024 | 1,313,966,065,570 | 150,700,000 | 8,719.08 | (72.53) |
| 134 | 11/07/2024 | 1,309,236,082,786 | 150,700,000 | 8,687.69 | (31.39) |
| 135 | 14/07/2024 | 1,306,849,853,717 | 150,700,000 | 8,671.86 | (15.83) |
| 136 | 15/07/2024 | 1,302,820,497,298 | 150,700,000 | 8,645.12 | (26.74) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-------------------|--|--------------------------|---|
| 137 | 16/07/2024 | 1,308,283,864,160 | 150,700,000 | 8,681.37 | 36.25 |
| 138 | 17/07/2024 | 1,310,333,409,818 | 150,700,000 | 8,694.97 | 13.60 |
| 139 | 18/07/2024 | 1,312,823,307,044 | 150,700,000 | 8,711.50 | 16.53 |
| 140 | 21/07/2024 | 1,308,681,510,591 | 150,700,000 | 8,684.01 | (27.49) |
| 141 | 22/07/2024 | 1,305,634,842,129 | 150,700,000 | 8,663.80 | (20.21) |
| 142 | 23/07/2024 | 1,297,734,226,583 | 152,200,000 | 8,526.50 | (137.30) |
| 143 | 24/07/2024 | 1,299,570,163,289 | 152,200,000 | 8,538.56 | 12.06 |
| 144 | 25/07/2024 | 1,392,948,005,067 | 164,200,000 | 8,483.23 | (55.33) |
| 145 | 28/07/2024 | 1,420,515,873,675 | 166,200,000 | 8,547.02 | 63.79 |
| 146 | 29/07/2024 | 1,424,783,918,777 | 166,200,000 | 8,572.70 | 25.68 |
| 147 | 30/07/2024 | 1,427,061,262,203 | 166,200,000 | 8,586.40 | 13.70 |
| 148 | 31/07/2024 | 1,465,477,074,407 | 169,200,000 | 8,661.21 | 74.81 |
| 149 | 01/08/2024 | 1,434,925,089,674 | 169,200,000 | 8,480.64 | (180.57) |
| 150 | 04/08/2024 | 1,444,917,808,268 | 169,200,000 | 8,539.70 | 59.06 |
| 151 | 05/08/2024 | 1,391,198,905,917 | 169,200,000 | 8,222.21 | (317.49) |
| 152 | 06/08/2024 | 1,413,435,903,376 | 169,200,000 | 8,353.64 | 131.43 |
| 153 | 07/08/2024 | 1,413,891,617,680 | 169,200,000 | 8,356.33 | 2.69 |
| 154 | 08/08/2024 | 1,402,177,202,281 | 169,200,000 | 8,287.09 | (69.24) |
| 155 | 11/08/2024 | 1,426,342,095,802 | 169,200,000 | 8,429.91 | 142.82 |
| 156 | 12/08/2024 | 1,450,680,252,499 | 171,200,000 | 8,473.59 | 43.68 |
| 157 | 13/08/2024 | 1,448,398,960,194 | 171,300,000 | 8,455.33 | (18.26) |
| 158 | 14/08/2024 | 1,450,257,461,435 | 171,300,000 | 8,466.18 | 10.85 |
| 159 | 15/08/2024 | 1,444,453,770,304 | 171,300,000 | 8,432.30 | (33.88) |
| 160 | 18/08/2024 | 1,474,433,357,170 | 171,300,000 | 8,607.31 | 175.01 |
| 161 | 19/08/2024 | 1,482,794,101,670 | 171,300,000 | 8,656.12 | 48.81 |
| 162 | 20/08/2024 | 1,489,838,544,594 | 171,300,000 | 8,697.24 | 41.12 |
| 163 | 21/08/2024 | 1,503,996,885,123 | 171,300,000 | 8,779.90 | 82.66 |
| 164 | 22/08/2024 | 1,522,543,186,795 | 173,300,000 | 8,785.59 | 5.69 |
| 165 | 25/08/2024 | 1,525,425,483,090 | 173,300,000 | 8,802.22 | 16.63 |
| 166 | 26/08/2024 | 1,522,452,432,770 | 173,300,000 | 8,785.06 | (17.16) |
| 167 | 27/08/2024 | 1,526,676,371,611 | 173,300,000 | 8,809.44 | 24.38 |
| 168 | 28/08/2024 | 1,528,100,142,050 | 173,300,000 | 8,817.65 | 8.21 |
| 169 | 29/08/2024 | 1,549,353,709,135 | 175,300,000 | 8,838.29 | 20.64 |
| 170 | 31/08/2024 | 1,554,945,019,323 | 175,300,000 | 8,870.19 | 31.90 |
| 171 | 03/09/2024 | 1,554,848,980,157 | 175,300,000 | 8,869.64 | (0.55) |
| 172 | 04/09/2024 | 1,538,706,786,635 | 175,300,000 | 8,777.56 | (92.08) |
| 173 | 05/09/2024 | 1,528,560,746,590 | 175,300,000 | 8,719.68 | (57.88) |
| 174 | 08/09/2024 | 1,535,866,714,189 | 175,300,000 | 8,761.36 | 41.68 |
| 175 | 09/09/2024 | 1,526,229,378,151 | 175,300,000 | 8,706.38 | (54.98) |
| 176 | 10/09/2024 | 1,510,895,493,065 | 175,300,000 | 8,618.91 | (87.47) |
| 177 | 11/09/2024 | 1,510,663,246,056 | 175,300,000 | 8,617.58 | (1.33) |
| 178 | 12/09/2024 | 1,514,998,092,715 | 175,300,000 | 8,642.31 | 24.73 |
| 179 | 15/09/2024 | 1,537,702,563,024 | 178,300,000 | 8,624.24 | (18.07) |
| 180 | 16/09/2024 | 1,522,321,577,548 | 178,300,000 | 8,537.97 | (86.27) |
| 181 | 17/09/2024 | 1,548,740,931,442 | 178,300,000 | 8,686.15 | 148.18 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-------------------|--|--------------------------|---|
| 182 | 18/09/2024 | 1,557,365,183,674 | 178,300,000 | 8,734.52 | 48.37 |
| 183 | 19/09/2024 | 1,566,201,778,788 | 178,300,000 | 8,784.08 | 49.56 |
| 184 | 22/09/2024 | 1,628,107,249,900 | 184,300,000 | 8,834.00 | 49.92 |
| 185 | 23/09/2024 | 1,623,364,653,361 | 184,300,000 | 8,808.27 | (25.73) |
| 186 | 24/09/2024 | 1,637,801,603,657 | 184,300,000 | 8,886.60 | 78.33 |
| 187 | 25/09/2024 | 1,653,991,183,252 | 184,300,000 | 8,974.45 | 87.85 |
| 188 | 26/09/2024 | 1,662,289,607,125 | 184,300,000 | 9,019.47 | 45.02 |
| 189 | 29/09/2024 | 1,673,330,520,172 | 185,300,000 | 9,030.38 | 10.91 |
| 190 | 30/09/2024 | 1,673,282,727,792 | 185,300,000 | 9,030.12 | (0.26) |
| 191 | 01/10/2024 | 1,681,059,484,474 | 185,300,000 | 9,072.09 | 41.97 |
| 192 | 02/10/2024 | 1,675,621,403,156 | 185,300,000 | 9,042.74 | (29.35) |
| 193 | 03/10/2024 | 1,665,652,565,173 | 185,300,000 | 8,988.95 | (53.79) |
| 194 | 06/10/2024 | 1,652,867,094,668 | 185,300,000 | 8,919.95 | (69.00) |
| 195 | 07/10/2024 | 1,651,945,008,040 | 185,300,000 | 8,914.97 | (4.98) |
| 196 | 08/10/2024 | 1,656,314,340,684 | 185,300,000 | 8,938.55 | 23.58 |
| 197 | 09/10/2024 | 1,672,249,728,393 | 185,300,000 | 9,024.55 | 86.00 |
| 198 | 10/10/2024 | 1,682,849,552,475 | 185,300,000 | 9,081.75 | 57.20 |
| 199 | 13/10/2024 | 1,685,117,846,223 | 185,300,000 | 9,093.99 | 12.24 |
| 200 | 14/10/2024 | 1,762,084,432,054 | 194,300,000 | 9,068.88 | (25.11) |
| 201 | 15/10/2024 | 1,758,583,440,844 | 194,300,000 | 9,050.86 | (18.02) |
| 202 | 16/10/2024 | 1,755,967,323,845 | 194,300,000 | 9,037.40 | (13.46) |
| 203 | 17/10/2024 | 1,767,312,048,526 | 194,300,000 | 9,095.79 | 58.39 |
| 204 | 20/10/2024 | 1,766,958,877,448 | 194,300,000 | 9,093.97 | (1.82) |
| 205 | 21/10/2024 | 1,760,881,410,554 | 194,300,000 | 9,062.69 | (31.28) |
| 206 | 22/10/2024 | 1,749,052,281,484 | 194,300,000 | 9,001.81 | (60.88) |
| 207 | 23/10/2024 | 1,750,046,514,075 | 194,300,000 | 9,006.93 | 5.12 |
| 208 | 24/10/2024 | 1,723,991,957,291 | 194,300,000 | 8,872.83 | (134.10) |
| 209 | 27/10/2024 | 1,718,603,688,374 | 194,300,000 | 8,845.10 | (27.73) |
| 210 | 28/10/2024 | 1,722,177,441,601 | 194,300,000 | 8,863.49 | 18.39 |
| 211 | 29/10/2024 | 1,731,768,560,309 | 194,300,000 | 8,912.85 | 49.36 |
| 212 | 30/10/2024 | 1,729,271,438,445 | 194,300,000 | 8,900.00 | (12.85) |
| 213 | 31/10/2024 | 1,735,377,308,115 | 194,300,000 | 8,931.43 | 31.43 |
| 214 | 03/11/2024 | 1,718,440,885,883 | 194,300,000 | 8,844.26 | (87.17) |
| 215 | 04/11/2024 | 1,701,748,906,244 | 194,300,000 | 8,758.35 | (85.91) |
| 216 | 05/11/2024 | 1,702,459,309,856 | 194,300,000 | 8,762.01 | 3.66 |
| 217 | 06/11/2024 | 1,723,424,551,061 | 194,300,000 | 8,869.91 | 107.90 |
| 218 | 07/11/2024 | 1,719,622,614,215 | 194,300,000 | 8,850.34 | (19.57) |
| 219 | 10/11/2024 | 1,707,443,738,773 | 194,300,000 | 8,787.66 | (62.68) |
| 220 | 11/11/2024 | 1,698,483,650,119 | 194,300,000 | 8,741.55 | (46.11) |
| 221 | 12/11/2024 | 1,687,432,709,142 | 194,300,000 | 8,684.67 | (56.88) |
| 222 | 13/11/2024 | 1,690,100,739,477 | 194,300,000 | 8,698.40 | 13.73 |
| 223 | 14/11/2024 | 1,684,750,277,855 | 196,300,000 | 8,582.52 | (115.88) |
| 224 | 17/11/2024 | 1,681,422,990,600 | 198,300,000 | 8,479.18 | (103.34) |
| 225 | 18/11/2024 | 1,680,067,753,303 | 198,300,000 | 8,472.35 | (6.83) |
| 226 | 19/11/2024 | 1,665,387,080,220 | 198,300,000 | 8,398.32 | (74.03) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|--------------------------------|----------------|-------------------|--|--------------------------|---|
| 227 | 20/11/2024 | 1,682,073,990,206 | 198,300,000 | 8,482.47 | 84.15 |
| 228 | 21/11/2024 | 1,701,785,303,486 | 198,300,000 | 8,581.87 | 99.40 |
| 229 | 24/11/2024 | 1,700,899,386,773 | 198,300,000 | 8,577.40 | (4.47) |
| 230 | 25/11/2024 | 1,708,612,185,140 | 198,300,000 | 8,616.29 | 38.89 |
| 231 | 26/11/2024 | 1,718,202,032,878 | 198,300,000 | 8,664.65 | 48.36 |
| 232 | 27/11/2024 | 1,720,604,809,083 | 198,300,000 | 8,676.77 | 12.12 |
| 233 | 28/11/2024 | 1,721,174,317,717 | 198,300,000 | 8,679.64 | 2.87 |
| 234 | 30/11/2024 | 1,733,990,378,850 | 198,300,000 | 8,744.27 | 64.63 |
| 235 | 01/12/2024 | 1,733,954,786,362 | 198,300,000 | 8,744.09 | (0.18) |
| 236 | 02/12/2024 | 1,732,032,794,672 | 198,300,000 | 8,734.40 | (9.69) |
| 237 | 03/12/2024 | 1,732,463,352,995 | 198,300,000 | 8,738.57 | 2.17 |
| 238 | 04/12/2024 | 1,717,405,685,249 | 198,300,000 | 8,660.64 | (75.93) |
| 239 | 05/12/2024 | 1,769,903,862,801 | 198,300,000 | 8,925.38 | 264.74 |
| 240 | 08/12/2024 | 1,769,434,326,379 | 198,300,000 | 8,923.01 | (2.37) |
| 241 | 09/12/2024 | 1,767,938,900,837 | 198,300,000 | 8,915.47 | (7.54) |
| 242 | 10/12/2024 | 1,767,451,507,438 | 198,300,000 | 8,913.01 | (2.46) |
| 243 | 11/12/2024 | 1,768,246,533,528 | 198,300,000 | 8,917.02 | 4.01 |
| 244 | 12/12/2024 | 1,766,979,756,974 | 198,300,000 | 8,910.63 | (6.39) |
| 245 | 15/12/2024 | 1,761,628,534,433 | 198,300,000 | 8,883.65 | (26.98) |
| 246 | 16/12/2024 | 1,761,907,769,548 | 198,300,000 | 8,885.06 | 1.41 |
| 247 | 17/12/2024 | 1,756,333,203,612 | 198,300,000 | 8,856.95 | (28.11) |
| 248 | 18/12/2024 | 1,759,205,765,415 | 198,300,000 | 8,871.43 | 14.48 |
| 249 | 19/12/2024 | 1,738,465,919,457 | 198,300,000 | 8,766.84 | (104.59) |
| 250 | 22/12/2024 | 1,743,115,773,858 | 198,300,000 | 8,790.29 | 23.45 |
| 251 | 23/12/2024 | 1,750,032,321,586 | 198,300,000 | 8,825.17 | 34.88 |
| 252 | 24/12/2024 | 1,750,327,856,487 | 198,300,000 | 8,826.66 | 1.49 |
| 253 | 25/12/2024 | 1,775,678,336,881 | 198,300,000 | 8,954.50 | 127.84 |
| 254 | 26/12/2024 | 1,776,819,735,036 | 198,300,000 | 8,960.26 | 5.76 |
| 255 | 29/12/2024 | 1,782,195,579,950 | 198,300,000 | 8,987.37 | 27.11 |
| 256 | 30/12/2024 | 1,782,845,143,663 | 198,300,000 | 8,990.64 | 3.27 |
| 257 | 31/12/2024 | 1,779,364,005,267 | 198,300,000 | 8,973.09 | (17.55) |
| Average NAV for the year (VND) | | | | 1,192,695,985,034 | |
| Change in NAV per fund unit: | | | | | |
| - Highest level (VND) | | | | | 374.10 |
| - Lowest level (VND) | | | | | 0.18 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

Net asset value for the year ended 31 December 2023 are as follows:

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund unit | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|----|----------------|-----------------|--|--------------------------|---|
| 1 | 02/01/2023 | 403,750,662,729 | 61,500,000 | 6,565.05 | (0.30) |
| 2 | 03/01/2023 | 420,578,328,716 | 61,500,000 | 6,838.67 | 273.62 |
| 3 | 04/01/2023 | 421,733,345,889 | 61,500,000 | 6,857.45 | 18.78 |
| 4 | 05/01/2023 | 426,427,897,913 | 61,500,000 | 6,933.78 | 76.33 |
| 5 | 08/01/2023 | 424,592,965,791 | 61,500,000 | 6,903.95 | (29.83) |
| 6 | 09/01/2023 | 426,083,737,214 | 61,500,000 | 6,928.19 | 24.24 |
| 7 | 10/01/2023 | 425,824,744,922 | 61,500,000 | 6,923.97 | (4.22) |
| 8 | 11/01/2023 | 427,693,335,765 | 61,500,000 | 6,954.36 | 30.39 |
| 9 | 12/01/2023 | 428,092,912,746 | 61,500,000 | 6,960.86 | 6.50 |
| 10 | 15/01/2023 | 429,517,224,193 | 61,500,000 | 6,984.01 | 23.15 |
| 11 | 16/01/2023 | 431,856,041,705 | 61,500,000 | 7,022.04 | 38.03 |
| 12 | 17/01/2023 | 443,080,145,764 | 61,500,000 | 7,204.55 | 182.51 |
| 13 | 18/01/2023 | 447,879,180,727 | 61,500,000 | 7,282.58 | 78.03 |
| 14 | 19/01/2023 | 450,353,327,672 | 61,500,000 | 7,322.81 | 40.23 |
| 15 | 26/01/2023 | 450,280,507,743 | 61,500,000 | 7,321.63 | (1.18) |
| 16 | 29/01/2023 | 453,753,024,959 | 61,500,000 | 7,378.09 | 56.46 |
| 17 | 30/01/2023 | 447,040,331,996 | 61,500,000 | 7,268.94 | (109.15) |
| 18 | 31/01/2023 | 451,478,853,288 | 61,500,000 | 7,341.11 | 72.17 |
| 19 | 01/02/2023 | 436,647,894,028 | 61,500,000 | 7,099.96 | (241.15) |
| 20 | 02/02/2023 | 438,800,949,339 | 61,500,000 | 7,134.97 | 35.01 |
| 21 | 05/02/2023 | 435,631,686,727 | 61,500,000 | 7,083.44 | (51.53) |
| 22 | 06/02/2023 | 438,979,498,556 | 61,500,000 | 7,137.87 | 54.43 |
| 23 | 07/02/2023 | 429,095,362,052 | 61,500,000 | 6,977.16 | (160.71) |
| 24 | 08/02/2023 | 430,639,941,815 | 61,500,000 | 7,002.27 | 25.11 |
| 25 | 09/02/2023 | 425,672,629,531 | 61,500,000 | 6,921.50 | (80.77) |
| 26 | 12/02/2023 | 421,160,743,671 | 61,500,000 | 6,848.14 | (73.36) |
| 27 | 13/02/2023 | 417,807,791,139 | 61,500,000 | 6,793.62 | (54.52) |
| 28 | 14/02/2023 | 415,607,810,862 | 61,500,000 | 6,757.85 | (35.77) |
| 29 | 15/02/2023 | 418,974,762,646 | 61,500,000 | 6,812.59 | 54.74 |
| 30 | 16/02/2023 | 423,738,546,922 | 61,500,000 | 6,890.05 | 77.46 |
| 31 | 19/02/2023 | 423,092,881,604 | 61,500,000 | 6,879.55 | (10.50) |
| 32 | 20/02/2023 | 436,565,540,846 | 61,500,000 | 7,098.62 | 219.07 |
| 33 | 21/02/2023 | 433,962,232,439 | 61,500,000 | 7,056.29 | (42.33) |
| 34 | 22/02/2023 | 422,003,850,752 | 61,500,000 | 6,861.85 | (194.44) |
| 35 | 23/02/2023 | 421,947,297,507 | 61,500,000 | 6,860.93 | (0.92) |
| 36 | 26/02/2023 | 400,229,384,417 | 59,500,000 | 6,726.54 | (134.39) |
| 37 | 27/02/2023 | 376,328,336,035 | 57,000,000 | 6,602.25 | (124.29) |
| 38 | 28/02/2023 | 344,461,377,125 | 52,000,000 | 6,624.25 | 22.00 |
| 39 | 01/03/2023 | 350,992,976,199 | 52,000,000 | 6,749.86 | 125.61 |
| 40 | 02/03/2023 | 349,076,161,700 | 52,000,000 | 6,713.00 | (36.86) |
| 41 | 05/03/2023 | 310,766,806,864 | 47,000,000 | 6,612.05 | (100.95) |
| 42 | 06/03/2023 | 311,049,841,610 | 47,000,000 | 6,618.08 | 6.03 |
| 43 | 07/03/2023 | 314,992,954,427 | 47,000,000 | 6,701.97 | 83.89 |
| 44 | 08/03/2023 | 319,101,859,846 | 47,000,000 | 6,789.40 | 87.43 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund units | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|----|----------------|-----------------|---|--------------------------|---|
| 45 | 09/03/2023 | 322,061,051,630 | 47,000,000 | 6,852.36 | 62.96 |
| 46 | 12/03/2023 | 321,092,681,835 | 47,000,000 | 6,831.75 | (20.61) |
| 47 | 13/03/2023 | 321,964,698,194 | 47,000,000 | 6,850.31 | 18.56 |
| 48 | 14/03/2023 | 318,060,137,392 | 47,000,000 | 6,767.23 | (83.08) |
| 49 | 15/03/2023 | 305,508,088,701 | 44,000,000 | 6,943.36 | 176.13 |
| 50 | 16/03/2023 | 300,512,872,465 | 44,000,000 | 6,829.83 | (113.53) |
| 51 | 19/03/2023 | 300,693,818,120 | 44,000,000 | 6,833.95 | 4.12 |
| 52 | 20/03/2023 | 294,738,126,455 | 44,000,000 | 6,698.59 | (135.36) |
| 53 | 21/03/2023 | 297,760,906,186 | 44,000,000 | 6,767.29 | 68.70 |
| 54 | 22/03/2023 | 300,079,156,158 | 44,000,000 | 6,819.98 | 52.69 |
| 55 | 23/03/2023 | 301,065,032,106 | 44,000,000 | 6,842.38 | 22.40 |
| 56 | 26/03/2023 | 302,424,192,433 | 44,000,000 | 6,873.27 | 30.89 |
| 57 | 27/03/2023 | 303,859,030,151 | 44,000,000 | 6,905.88 | 32.61 |
| 58 | 28/03/2023 | 304,533,776,985 | 44,000,000 | 6,921.22 | 15.34 |
| 59 | 29/03/2023 | 305,281,842,246 | 44,000,000 | 6,938.22 | 17.00 |
| 60 | 30/03/2023 | 306,935,791,206 | 44,000,000 | 6,975.81 | 37.59 |
| 61 | 31/03/2023 | 308,775,416,437 | 44,000,000 | 7,017.62 | 41.81 |
| 62 | 02/04/2023 | 308,759,912,958 | 44,000,000 | 7,017.27 | (0.35) |
| 63 | 03/04/2023 | 313,073,272,528 | 44,000,000 | 7,115.30 | 98.03 |
| 64 | 04/04/2023 | 312,952,920,965 | 44,000,000 | 7,112.56 | (2.74) |
| 65 | 05/04/2023 | 313,373,423,359 | 44,000,000 | 7,122.12 | 9.56 |
| 66 | 06/04/2023 | 310,371,868,566 | 44,000,000 | 7,053.90 | (68.22) |
| 67 | 09/04/2023 | 310,352,237,859 | 44,000,000 | 7,053.45 | (0.45) |
| 68 | 10/04/2023 | 309,918,365,819 | 44,000,000 | 7,043.59 | (9.86) |
| 69 | 11/04/2023 | 311,143,277,624 | 44,000,000 | 7,071.43 | 27.84 |
| 70 | 12/04/2023 | 310,841,385,035 | 44,000,000 | 7,064.57 | (6.86) |
| 71 | 13/04/2023 | 309,106,975,830 | 44,000,000 | 7,025.15 | (39.42) |
| 72 | 16/04/2023 | 305,856,607,895 | 44,000,000 | 6,951.28 | (73.87) |
| 73 | 17/04/2023 | 306,301,886,386 | 44,000,000 | 6,961.40 | 10.12 |
| 74 | 18/04/2023 | 306,157,232,590 | 44,000,000 | 6,958.11 | (3.29) |
| 75 | 19/04/2023 | 303,735,189,280 | 44,000,000 | 6,903.07 | (55.04) |
| 76 | 20/04/2023 | 303,003,417,003 | 44,000,000 | 6,886.44 | (16.63) |
| 77 | 23/04/2023 | 300,844,553,791 | 44,000,000 | 6,837.37 | (49.07) |
| 78 | 24/04/2023 | 300,834,142,294 | 44,000,000 | 6,837.13 | (0.24) |
| 79 | 25/04/2023 | 298,203,865,338 | 44,000,000 | 6,777.36 | (59.77) |
| 80 | 26/04/2023 | 300,536,689,430 | 44,000,000 | 6,830.37 | 53.01 |
| 81 | 27/04/2023 | 299,475,420,429 | 44,000,000 | 6,806.25 | (24.12) |
| 82 | 30/04/2023 | 302,262,497,548 | 44,000,000 | 6,869.60 | 63.35 |
| 83 | 03/05/2023 | 302,239,753,712 | 44,000,000 | 6,869.08 | (0.52) |
| 84 | 04/05/2023 | 298,847,194,442 | 44,000,000 | 6,791.98 | (77.10) |
| 85 | 07/05/2023 | 298,482,322,401 | 44,000,000 | 6,783.68 | (8.30) |
| 86 | 08/05/2023 | 301,710,644,114 | 44,000,000 | 6,857.06 | 73.38 |
| 87 | 09/05/2023 | 301,689,408,318 | 44,000,000 | 6,856.57 | (0.49) |
| 88 | 10/05/2023 | 303,203,937,597 | 44,000,000 | 6,890.99 | 34.42 |
| 89 | 11/05/2023 | 303,180,005,706 | 44,000,000 | 6,890.45 | (0.54) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund units | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-----------------|---|--------------------------|---|
| 90 | 14/05/2023 | 306,463,103,537 | 44,000,000 | 6,965.07 | 74.62 |
| 91 | 15/05/2023 | 307,735,307,926 | 44,000,000 | 6,993.98 | 28.91 |
| 92 | 16/05/2023 | 307,365,643,773 | 44,000,000 | 6,985.58 | (8.40) |
| 93 | 17/05/2023 | 305,193,708,557 | 44,000,000 | 6,936.22 | (49.36) |
| 94 | 18/05/2023 | 307,673,620,783 | 44,000,000 | 6,992.58 | 56.36 |
| 95 | 21/05/2023 | 307,100,828,291 | 44,000,000 | 6,979.56 | (13.02) |
| 96 | 22/05/2023 | 308,501,412,075 | 44,000,000 | 7,011.39 | 31.83 |
| 97 | 23/05/2023 | 306,859,191,246 | 44,000,000 | 6,974.07 | (37.32) |
| 98 | 24/05/2023 | 304,984,271,186 | 44,000,000 | 6,931.46 | (42.61) |
| 99 | 25/05/2023 | 305,149,909,826 | 44,000,000 | 6,935.22 | 3.76 |
| 100 | 28/05/2023 | 304,738,963,825 | 44,000,000 | 6,925.88 | (9.34) |
| 101 | 29/05/2023 | 307,807,452,405 | 44,000,000 | 6,995.62 | 69.74 |
| 102 | 30/05/2023 | 308,387,808,302 | 44,000,000 | 7,008.81 | 13.19 |
| 103 | 31/05/2023 | 308,801,634,765 | 44,000,000 | 6,972.76 | (36.05) |
| 104 | 01/06/2023 | 308,154,215,250 | 44,000,000 | 7,003.50 | 30.74 |
| 105 | 04/06/2023 | 313,558,161,362 | 44,000,000 | 7,126.32 | 122.82 |
| 106 | 05/06/2023 | 314,735,479,129 | 44,000,000 | 7,153.07 | 26.75 |
| 107 | 06/06/2023 | 317,959,180,944 | 44,000,000 | 7,226.34 | 73.27 |
| 108 | 07/06/2023 | 318,916,883,076 | 44,000,000 | 7,248.11 | 21.77 |
| 109 | 08/06/2023 | 315,104,642,246 | 44,000,000 | 7,161.46 | (86.65) |
| 110 | 11/06/2023 | 317,521,085,734 | 44,000,000 | 7,216.38 | 54.92 |
| 111 | 12/06/2023 | 320,037,962,075 | 44,000,000 | 7,273.59 | 57.21 |
| 112 | 13/06/2023 | 321,684,590,049 | 44,000,000 | 7,311.01 | 37.42 |
| 113 | 14/06/2023 | 320,669,319,216 | 44,000,000 | 7,287.93 | (23.08) |
| 114 | 15/06/2023 | 320,079,277,345 | 44,000,000 | 7,274.52 | (13.41) |
| 115 | 18/06/2023 | 320,196,916,209 | 44,000,000 | 7,277.20 | 2.68 |
| 116 | 19/06/2023 | 317,281,416,951 | 44,000,000 | 7,210.94 | (66.26) |
| 117 | 20/06/2023 | 311,863,606,103 | 43,000,000 | 7,252.64 | 41.70 |
| 118 | 21/06/2023 | 314,053,084,240 | 43,000,000 | 7,303.56 | 50.92 |
| 119 | 22/06/2023 | 315,609,623,062 | 43,000,000 | 7,339.75 | 36.19 |
| 120 | 25/06/2023 | 318,171,614,994 | 43,000,000 | 7,399.33 | 59.58 |
| 121 | 26/06/2023 | 319,425,185,915 | 43,000,000 | 7,428.49 | 29.16 |
| 122 | 27/06/2023 | 320,315,704,044 | 43,000,000 | 7,449.20 | 20.71 |
| 123 | 28/06/2023 | 322,197,089,128 | 43,000,000 | 7,492.95 | 43.75 |
| 124 | 29/06/2023 | 317,723,269,536 | 43,000,000 | 7,388.91 | (104.04) |
| 125 | 30/06/2023 | 317,105,990,383 | 43,000,000 | 7,374.55 | (14.36) |
| 126 | 02/07/2023 | 317,090,281,227 | 43,000,000 | 7,374.19 | (0.36) |
| 127 | 03/07/2023 | 317,148,525,957 | 43,000,000 | 7,375.54 | 1.35 |
| 128 | 04/07/2023 | 318,446,355,791 | 43,000,000 | 7,405.72 | 30.18 |
| 129 | 05/07/2023 | 319,209,207,581 | 43,000,000 | 7,423.46 | 17.74 |
| 130 | 06/07/2023 | 316,288,996,787 | 43,000,000 | 7,355.55 | (67.91) |
| 131 | 09/07/2023 | 319,082,031,802 | 43,000,000 | 7,420.51 | 64.96 |
| 132 | 10/07/2023 | 322,947,108,316 | 43,000,000 | 7,510.39 | 89.88 |
| 133 | 11/07/2023 | 323,931,987,354 | 43,000,000 | 7,533.30 | 22.91 |
| 134 | 12/07/2023 | 316,351,987,841 | 42,000,000 | 7,532.19 | (1.11) |
| 135 | 13/07/2023 | 318,982,872,530 | 42,000,000 | 7,594.83 | 62.64 |
| 136 | 16/07/2023 | 320,194,441,250 | 42,000,000 | 7,623.67 | 28.84 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund units | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-----------------|---|--------------------------|---|
| 137 | 17/07/2023 | 321,286,233,150 | 42,000,000 | 7,649.67 | 26.00 |
| 138 | 18/07/2023 | 321,896,417,835 | 42,000,000 | 7,664.20 | 14.53 |
| 139 | 19/07/2023 | 321,441,367,199 | 42,000,000 | 7,653.36 | (10.84) |
| 140 | 20/07/2023 | 460,414,636,242 | 60,000,000 | 7,673.57 | 20.21 |
| 141 | 23/07/2023 | 467,539,419,459 | 60,000,000 | 7,792.32 | 118.75 |
| 142 | 24/07/2023 | 509,219,336,642 | 65,000,000 | 7,834.14 | 41.82 |
| 143 | 25/07/2023 | 550,579,368,552 | 70,000,000 | 7,865.41 | 31.27 |
| 144 | 26/07/2023 | 552,124,560,747 | 70,000,000 | 7,887.49 | 22.08 |
| 145 | 27/07/2023 | 590,955,666,062 | 75,000,000 | 7,879.40 | (8.09) |
| 146 | 30/07/2023 | 597,183,771,960 | 75,000,000 | 7,962.45 | 83.05 |
| 147 | 31/07/2023 | 606,204,504,257 | 75,000,000 | 8,082.72 | 120.27 |
| 148 | 01/08/2023 | 601,946,871,704 | 75,000,000 | 8,025.95 | (56.77) |
| 149 | 02/08/2023 | 601,507,993,199 | 75,000,000 | 8,020.10 | (5.85) |
| 150 | 03/08/2023 | 597,359,947,085 | 75,000,000 | 7,964.79 | (55.31) |
| 151 | 06/08/2023 | 607,393,042,872 | 75,000,000 | 8,098.57 | 133.78 |
| 152 | 07/08/2023 | 615,777,975,589 | 75,000,000 | 8,210.37 | 111.80 |
| 153 | 08/08/2023 | 615,345,895,063 | 75,000,000 | 8,204.61 | (5.76) |
| 154 | 09/08/2023 | 611,456,704,690 | 75,000,000 | 8,152.75 | (51.86) |
| 155 | 10/08/2023 | 604,622,387,110 | 75,000,000 | 8,061.63 | (91.12) |
| 156 | 13/08/2023 | 611,758,113,221 | 75,000,000 | 8,156.77 | 95.14 |
| 157 | 14/08/2023 | 613,048,082,844 | 75,000,000 | 8,173.97 | 17.20 |
| 158 | 15/08/2023 | 611,956,874,235 | 75,000,000 | 8,159.42 | (14.55) |
| 159 | 16/08/2023 | 619,680,377,748 | 75,000,000 | 8,262.40 | 102.98 |
| 160 | 17/08/2023 | 615,169,978,145 | 75,000,000 | 8,202.26 | (60.14) |
| 161 | 20/08/2023 | 586,724,975,325 | 75,000,000 | 7,822.99 | (379.27) |
| 162 | 21/08/2023 | 586,811,656,091 | 75,000,000 | 7,824.15 | 1.16 |
| 163 | 22/08/2023 | 588,381,964,712 | 75,000,000 | 7,845.09 | 20.94 |
| 164 | 23/08/2023 | 583,187,728,805 | 75,000,000 | 7,775.83 | (69.26) |
| 165 | 24/08/2023 | 593,008,370,197 | 75,000,000 | 7,906.77 | 130.94 |
| 166 | 27/08/2023 | 589,054,901,952 | 75,000,000 | 7,854.06 | (52.71) |
| 167 | 28/08/2023 | 598,620,251,210 | 75,000,000 | 7,981.60 | 127.54 |
| 168 | 29/08/2023 | 599,788,436,896 | 75,000,000 | 7,997.17 | 15.57 |
| 169 | 30/08/2023 | 604,732,344,510 | 75,000,000 | 8,063.09 | 65.92 |
| 170 | 31/08/2023 | 609,133,808,960 | 75,000,000 | 8,121.78 | 58.69 |
| 171 | 04/09/2023 | 609,079,400,997 | 75,000,000 | 8,121.05 | (0.73) |
| 172 | 05/09/2023 | 614,032,886,986 | 75,000,000 | 8,187.10 | 66.05 |
| 173 | 06/09/2023 | 621,598,403,305 | 75,000,000 | 8,287.97 | 100.87 |
| 174 | 07/09/2023 | 619,211,990,695 | 75,000,000 | 8,256.15 | (31.82) |
| 175 | 10/09/2023 | 616,170,619,767 | 75,000,000 | 8,215.60 | (40.55) |
| 176 | 11/09/2023 | 607,088,311,996 | 75,000,000 | 8,094.51 | (121.09) |
| 177 | 12/09/2023 | 644,220,567,052 | 78,000,000 | 8,259.23 | 164.72 |
| 178 | 13/09/2023 | 640,155,668,282 | 78,000,000 | 8,207.12 | (52.11) |
| 179 | 14/09/2023 | 633,033,126,239 | 78,000,000 | 8,115.80 | (91.32) |
| 180 | 17/09/2023 | 635,423,002,065 | 78,000,000 | 8,146.44 | 30.64 |
| 181 | 18/09/2023 | 639,747,163,565 | 79,500,000 | 8,047.13 | (99.31) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund units | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|-----|----------------|-----------------|---|--------------------------|---|
| 182 | 19/09/2023 | 640,675,718,588 | 79,500,000 | 8,058.81 | 11.68 |
| 183 | 20/09/2023 | 645,385,479,448 | 79,500,000 | 8,118.05 | 59.24 |
| 184 | 21/09/2023 | 637,398,568,008 | 79,500,000 | 8,017.59 | (100.46) |
| 185 | 24/09/2023 | 626,143,098,061 | 79,500,000 | 7,876.01 | (141.58) |
| 186 | 25/09/2023 | 606,446,813,755 | 79,500,000 | 7,628.26 | (247.75) |
| 187 | 26/09/2023 | 603,006,045,843 | 79,500,000 | 7,584.98 | (43.28) |
| 188 | 27/09/2023 | 610,936,740,525 | 79,500,000 | 7,684.73 | 99.75 |
| 189 | 28/09/2023 | 608,757,032,120 | 79,500,000 | 7,657.32 | (27.41) |
| 190 | 30/09/2023 | 609,673,614,565 | 79,500,000 | 7,668.85 | 11.53 |
| 191 | 01/10/2023 | 609,660,012,499 | 79,500,000 | 7,668.67 | (0.18) |
| 192 | 02/10/2023 | 610,093,399,049 | 79,500,000 | 7,674.13 | 5.46 |
| 193 | 03/10/2023 | 591,181,299,035 | 79,500,000 | 7,436.24 | (237.89) |
| 194 | 04/10/2023 | 595,150,459,427 | 79,500,000 | 7,486.16 | 49.92 |
| 195 | 05/10/2023 | 587,806,295,145 | 79,500,000 | 7,393.78 | (92.38) |
| 196 | 08/10/2023 | 595,746,568,672 | 79,500,000 | 7,493.66 | 99.88 |
| 197 | 09/10/2023 | 608,821,243,705 | 80,500,000 | 7,562.99 | 69.33 |
| 198 | 10/10/2023 | 614,033,900,588 | 80,500,000 | 7,627.75 | 64.76 |
| 199 | 11/10/2023 | 617,722,740,432 | 80,500,000 | 7,673.57 | 45.82 |
| 200 | 12/10/2023 | 616,754,407,272 | 80,500,000 | 7,661.54 | (12.03) |
| 201 | 15/10/2023 | 617,330,998,309 | 80,500,000 | 7,668.70 | 7.16 |
| 202 | 16/10/2023 | 610,211,874,526 | 80,500,000 | 7,580.27 | (88.43) |
| 203 | 17/10/2023 | 603,759,396,083 | 80,500,000 | 7,500.11 | (80.16) |
| 204 | 18/10/2023 | 595,566,033,367 | 80,500,000 | 7,398.33 | (101.78) |
| 205 | 19/10/2023 | 584,626,793,701 | 80,500,000 | 7,262.44 | (135.89) |
| 206 | 22/10/2023 | 594,525,995,881 | 80,500,000 | 7,385.41 | 122.97 |
| 207 | 23/10/2023 | 585,618,105,035 | 80,500,000 | 7,274.75 | (110.66) |
| 208 | 24/10/2023 | 591,028,699,219 | 80,500,000 | 7,341.97 | 67.22 |
| 209 | 25/10/2023 | 589,007,894,008 | 80,500,000 | 7,316.86 | (25.11) |
| 210 | 26/10/2023 | 563,436,016,233 | 80,500,000 | 6,999.20 | (317.66) |
| 211 | 29/10/2023 | 564,776,179,532 | 80,500,000 | 7,015.85 | 16.65 |
| 212 | 30/10/2023 | 554,235,149,225 | 80,500,000 | 6,884.90 | (130.95) |
| 213 | 31/10/2023 | 549,862,318,053 | 80,500,000 | 6,830.58 | (54.32) |
| 214 | 01/11/2023 | 556,328,971,119 | 80,500,000 | 6,910.91 | 80.33 |
| 215 | 02/11/2023 | 575,261,822,634 | 80,500,000 | 7,146.10 | 235.19 |
| 216 | 05/11/2023 | 574,508,694,194 | 80,500,000 | 7,136.75 | (9.35) |
| 217 | 06/11/2023 | 583,583,852,808 | 80,500,000 | 7,249.48 | 112.73 |
| 218 | 07/11/2023 | 577,894,126,702 | 80,500,000 | 7,178.80 | (70.68) |
| 219 | 08/11/2023 | 597,568,226,906 | 80,500,000 | 7,423.20 | 244.40 |
| 220 | 09/11/2023 | 596,276,972,308 | 80,500,000 | 7,407.16 | (16.04) |
| 221 | 12/11/2023 | 588,885,483,244 | 80,500,000 | 7,315.34 | (91.82) |
| 222 | 13/11/2023 | 551,145,692,963 | 75,500,000 | 7,299.94 | (15.40) |
| 223 | 14/11/2023 | 535,224,121,816 | 72,500,000 | 7,382.40 | 82.46 |
| 224 | 15/11/2023 | 541,228,671,922 | 72,500,000 | 7,465.22 | 82.82 |
| 225 | 16/11/2023 | 541,568,873,505 | 72,500,000 | 7,469.91 | 4.69 |
| 226 | 19/11/2023 | 527,674,000,463 | 72,500,000 | 7,278.26 | (191.65) |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

17. NET ASSET VALUE (continued)

| No | Valuation date | NAV VND | Quantity of fund units Fund units | NAV/ fund unit VND | Increase/ (decrease) of NAV/ fund unit VND |
|--------------------------------|----------------|-----------------|---|--------------------------|---|
| 227 | 20/11/2023 | 527,333,942,429 | 72,500,000 | 7,273.57 | (4.69) |
| 228 | 21/11/2023 | 530,070,480,239 | 72,500,000 | 7,311.31 | 37.74 |
| 229 | 22/11/2023 | 530,628,872,677 | 72,500,000 | 7,319.01 | 7.70 |
| 230 | 23/11/2023 | 517,661,863,670 | 72,500,000 | 7,140.16 | (178.85) |
| 231 | 26/11/2023 | 519,850,919,627 | 72,500,000 | 7,170.35 | 30.19 |
| 232 | 27/11/2023 | 515,606,004,677 | 72,500,000 | 7,111.80 | (58.55) |
| 233 | 28/11/2023 | 520,424,986,978 | 72,500,000 | 7,178.27 | 66.47 |
| 234 | 29/11/2023 | 522,630,582,523 | 72,500,000 | 7,208.69 | 30.42 |
| 235 | 30/11/2023 | 517,142,196,906 | 72,500,000 | 7,132.99 | (75.70) |
| 236 | 03/12/2023 | 521,262,533,281 | 72,500,000 | 7,189.82 | 56.83 |
| 237 | 04/12/2023 | 529,260,402,897 | 72,500,000 | 7,300.14 | 110.32 |
| 238 | 05/12/2023 | 526,028,100,387 | 72,500,000 | 7,255.56 | (44.58) |
| 239 | 06/12/2023 | 530,206,485,429 | 72,500,000 | 7,313.19 | 57.63 |
| 240 | 07/12/2023 | 531,109,516,710 | 72,500,000 | 7,325.64 | 12.45 |
| 241 | 10/12/2023 | 532,766,238,891 | 72,500,000 | 7,348.49 | 22.85 |
| 242 | 11/12/2023 | 533,992,483,556 | 72,500,000 | 7,365.41 | 16.92 |
| 243 | 12/12/2023 | 535,725,545,514 | 72,500,000 | 7,389.31 | 23.90 |
| 244 | 13/12/2023 | 528,845,485,204 | 72,500,000 | 7,294.42 | (94.89) |
| 245 | 14/12/2023 | 527,718,661,189 | 72,500,000 | 7,278.87 | (15.55) |
| 246 | 17/12/2023 | 524,296,079,440 | 72,500,000 | 7,231.67 | (47.20) |
| 247 | 18/12/2023 | 532,502,859,488 | 74,500,000 | 7,147.68 | (83.99) |
| 248 | 19/12/2023 | 541,056,638,580 | 75,200,000 | 7,194.90 | 47.22 |
| 249 | 20/12/2023 | 543,588,968,915 | 75,200,000 | 7,228.57 | 33.67 |
| 250 | 21/12/2023 | 558,245,772,825 | 77,200,000 | 7,231.16 | 2.59 |
| 251 | 24/12/2023 | 558,218,794,427 | 77,200,000 | 7,230.81 | (0.35) |
| 252 | 25/12/2023 | 565,527,986,890 | 77,200,000 | 7,325.49 | 94.68 |
| 253 | 26/12/2023 | 567,374,773,916 | 77,200,000 | 7,349.41 | 23.92 |
| 254 | 27/12/2023 | 567,776,939,832 | 77,200,000 | 7,354.62 | 5.21 |
| 255 | 28/12/2023 | 574,161,618,723 | 77,200,000 | 7,437.32 | 82.70 |
| 256 | 31/12/2023 | 575,620,476,005 | 77,200,000 | 7,456.22 | 18.90 |
| Average NAV for the year (VND) | | | | | 451,008,591,724 |
| Change in NAV per fund unit: | | | | | |
| - Highest level (VND) | | | | | 379.27 |
| - Lowest level (VND) | | | | | 0.18 |

18. NUMBER OF OUTSTANDING FUND UNITS IN CIRCULATION

| | Ending balance Fund unit | Beginning balance Fund unit |
|---|-----------------------------|--------------------------------|
| Number of outstanding fund units in circulation held by investors | 198,300,000 | 77,200,000 |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS

19.1 Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions.

Fund Management Company and Board of Representatives

Significant transactions during the current year are as follows:

| Related party | Relationship | Transactions | Receivable/(Payable) | | Cost VND |
|--------------------------------------|-----------------------------|--|----------------------|----------------------|---------------|
| | | | 1 January 2024 VND | 31 December 2024 VND | |
| KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd | The Fund Management Company | Fund management fee | (253,607,428) | 5,993,819,936 | 6,560,079,522 |
| Board of Representatives | Board of Representatives | Board of Representatives' remuneration | (15,000,000) | 60,000,000 | 60,000,000 |
| | | | | (15,000,000) | |

Significant transactions during the previous year are as follows:

| Related party | Relationship | Transactions | Receivable/(Payable) | | Cost VND |
|--------------------------------------|-----------------------------|--|----------------------|----------------------|---------------|
| | | | 1 January 2023 VND | 31 December 2023 VND | |
| KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd | The Fund Management Company | Fund management fee | (183,391,823) | 2,410,435,759 | 2,480,651,364 |
| Board of Representatives | Board of Representatives | Board of Representatives' remuneration | (19,903,225) | 64,903,225 | 60,000,000 |
| | | | | (15,000,000) | |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS (continued)

19.2 Other key contracts

Supervisory Bank

According to the custodianship and custody contract with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Supervisory Bank"), the Fund is obliged to pay the Supervisory Bank a supervisory fee is 0.02% per year on the net asset value of the Fund with a minimum of VND5,000,000 per month, excluding value added tax, and custody service price.

Before 20 February 2024, custody fees include custody fee payable to the supervisory bank and custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD"). The custody fee payable to the supervisory bank is 0.06% over NAV per annum, the minimum monthly custody fee is VND20,000,000. The monthly payment amount is the total amount charged for the valuation periods performed in the month.

After 20 February 2024, custody fees include custody fee payable to the supervisory bank and custody fee payable to the Vietnam Securities Depository ("VSD"). The custody fee payable to the supervisory bank is:

| Net asset value ("NAV") | Custody fee |
|---|----------------|
| NAV below VND 600 billion | 0.06%/NAV/p.a. |
| NAV from VND 600 billion to below VND 1,000 billion | 0.05%/NAV/p.a. |
| NAV below VND 1,000 billion | 0.04%/NAV/p.a. |

The custody service fee is calculated and accumulated daily and paid monthly to the Supervisory Bank, minimum of 20,000,000 VND per month.

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS (continued)

19.2 Other key contracts (continued)

Supervisory Bank (continued)

The Supervisory Bank is also an organization providing fund administration service. The Fund is obliged to pay the Supervisory Bank a fund administration fee is:

Before 20 February 2024, fund administration fee is 0.03% over NAV per annum and the minimum monthly administration fee is VND15,000,000, excluding value added tax. The fund administration service price is calculated and accrued daily and paid monthly to the Supervisory Bank.

After 20 February 2024, fund administration fee is paid to the Supervisory Bank:

| Net asset value ("NAV") | Fund administration fee |
|-----------------------------|-------------------------|
| NAV below VND 1.000 billion | 0.03%/NAV/p.a. |
| NAV above VND 1.000 billion | 0.02%/NAV/p.a. |

The fund administration service price is calculated and accrued daily and paid monthly to the Supervisory Bank, the minimum monthly administration fee is VND15,000,000, excluding value added tax.

Significant transactions during the current year are as follows:

| Related party | Relationship | Transactions | Receivable/(Payable) | | | | |
|---|--|-----------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------|----------------------------|-------------|
| | | | 1 January 2024 VND | Increase VND | Decrease VND | 31 December 2024 VND | Cost VND |
| Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam | Supervisory Bank | Settlement Deposit | 1,109,179,820 | 423,464,382,998 | (421,921,060,159) | 2,652,502,659 | - |
| | | Payable for custody fee | (27,666,264) | (512,069,839) | 480,109,409 | (59,626,694) | 512,069,839 |
| | | Payable for transaction fee | - | (62,542,882) | 62,542,882 | - | 62,542,882 |
| | | Payable for supervising fee | (10,144,297) | (262,403,176) | 239,752,795 | (32,794,678) | 262,403,176 |
| | Payable for fund administration fee | (16,500,000) | (291,956,450) | 275,661,772 | (32,794,678) | 291,956,450 | |

KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD
KIM GROWTH VN30 ETF

B06-ETF

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year ended

19. RELATED PARTIES AND OTHER KEY CONTRACTS (continued)

19.2 Other key contracts (continued)

Supervisory Bank (continued)

Significant transactions during the previous year are as follows:

| Related party | Relationship | Transactions | Receivable/(Payable) | | | | Cost VND |
|---|---------------------|---|---|---|---|--|---|
| | | | 1 January 2023 VND | Increase VND | Decrease VND | 31 December 2023 VND | |
| Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam | Supervisory Bank | Settlement Deposit Payable for custody fee Payable for transaction fee Payable for supervising fee Payable for fund administration fee | 1,034,720,111 (20,338,088) - (7,335,672) (16,500,000) | 284,195,740,177 (291,482,837) (49,590,692) (99,243,582) (199,094,308) | (284,121,280,468) 284,154,661 49,590,692 96,434,957 199,094,308 | 1,109,179,820 (27,666,264) - (10,144,297) (16,500,000) | - 291,482,837 49,590,692 99,243,582 199,094,308 |

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

20. FINANCIAL ITEMS ASSESSMENT OF FUND'S OPERATION

| | <u>Current year</u> (%) | <u>Previous year</u> (%) |
|--------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Operating expenses ratio | 0.82 | 0.94 |
| Portfolio turnover | 9.47 | 20.53 |

20.1 Operating expenses ratio

Operating expense ratio is the evaluation rate of the operating expenses of the Fund calculated for a unit of net asset value. For the year ended 31 December 2024, this ratio is calculated on a year-round basis by multiplying the operating expense ratio by the Fund's actual 1-year life-time ratio.

The operating cost ratio is determined by the following formula:

$$\text{Operating expenses ratio (\%)} = \frac{\text{Total operating expenses} * 100\%}{\text{Average net asset value (NAV) for the year}}$$

Expenses that are not included in the Fund's operating expenses when calculating the operating expenses ratio include:

- Interest expenses;
- Expenses of exchange rate profit and loss (both implemented and unrealized);
- Withholding tax on investor income or tax arising from income paid for the year (corporate income tax), including contractor tax;
- Exchange expenses, fund certificates sale and other expenses arising from the exchange, sale of fund certificates; and
- Dividends and other distributions paid to investors.

20.2 Portfolio turnover

The portfolio turnover rate is the turnover of the Fund's investment assets in a (1) year. For the year ended 31 December 2024, this ratio is calculated based on the average of the total value of investment swaps during the year and the total value of investment sales during the year, divided by the average net asset value of the ETF generated during the year.

The index rotation speed is determined by the formula:

$$\text{Portfolio turnover (\%)} = \frac{(\text{Total exchange value for the year} + \text{Total sale value for the year})/2 * 100\%}{\text{Average net asset value (NAV) for the year}}$$

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

21. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES

The Fund has investments in listed shares, unlisted shares receivables, cash and short-term deposits that arise directly from its operations. Financial liabilities consist mainly of payables to the Fund management company, to service provider, to investors and management fee payables. The Fund does not hold or issue any derivative financial instruments.

The Fund is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk. The Fund has a system of controls in place to create an acceptable balance between the cost of risks occurring and the cost of managing the risks. Executive Board of the Fund Management Company continually monitors the Fund's risk management process to ensure that an appropriate balance between risk and control is achieved.

The Fund Management Company reviews and agrees policies for managing each of these risks which are summarized below:

Market risk

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market risk comprises of four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include deposits and securities investments.

Interest rate sensitivity

Interest rate risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate in response to changes in market interest rates. Market risk due to changes in the interest rate of the Fund mainly relates to cash and bank deposits of the Fund. These assets are highly liquid and not held by the Fund for the purpose of gaining from waiting for price increase.

The Fund Management Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates, which are favourable for its purposes within its risk management limits.

The Fund does not apply a sensitivity analysis to interest rates since the Fund has a minimal interest rate risk at the statement of financial position date.

Currency risk

Currency risk is the risk that the value of financial instruments will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

The Fund was incorporated and operates in Vietnam, the Fund's main reporting and the transaction currency is VND. The Fund's exposure to risk is not present as the Fund does not hold assets and liabilities denominated in foreign currencies as at 31 December 2024.

Market price risk

The Fund's investments in listed stocks are susceptible to market risk arising from uncertainty about future values of the investment stocks. The Fund Management Company manages stocks price risk by placing a limit on investments. The Board of Representatives reviews and approves all stocks investment decisions.

At the reporting date, the fair value of investments in listed shares was VND1,777,721,489,800. A decrease of 10% in these bonds' price could decrease an amount of VND177,772,148,980 on the Fund's operating income, the result depending on whether or not the decline is significant or prolonged. An increase of 10% in the price of the listed shares would increase the Fund's operating income result by VND177,772,148,980.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

21. FINANCIAL RISK MANAGEMENT OBJECTIVES AND POLICIES (continued)

Credit risk

Credit risk is the risk that counterparty would not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Fund is exposed to credit risk from deposit at bank and receivables.

The Fund Management Company assessed that the Fund's credit risk was low because deposits and receivables which are accrued deposits interest are maintained with reputable banks operating in Vietnam and had been approved by the Board of Representatives. Dividend receivable balance at the end of the year is not significant.

Liquidity risk

The liquidity risk is the risk that the Fund will encounter difficulty in meeting financial obligations due to shortage of capital. The Fund's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and financial liabilities.

The Fund frequently assesses liquidity demand, analyses cash inflows/outflows and monitors liquidity risk by maintaining sufficient amount of cash at bank for the Fund's operation and to mitigate the effect of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Fund's financial liabilities based on contractual undiscounted payments:

| | <i>On demand VND</i> | <i>Less than 3 months VND</i> | <i>Total VND</i> |
|--|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Assets | | | |
| Cash at bank for the operation of the Fund | 2,652,502,659 | - | 2,652,502,659 |
| Investments | - | 1,777,721,489,800 | 1,777,721,489,800 |
| Receivables | - | 915,650,000 | 915,650,000 |
| Total assets | 2,652,502,659 | 1,778,637,139,800 | 1,781,289,642,459 |
| Liabilities | | | |
| Accrued expenses | - | 161,400,000 | 161,400,000 |
| Service fees payables | - | 1,762,737,192 | 1,762,737,192 |
| Total liabilities | - | 1,924,137,192 | 1,924,137,192 |
| Net liquidity gap | 2,652,502,659 | 1,776,713,002,608 | 1,779,365,505,267 |

The Fund assessed that the risk concentration for payment is low. Sources of funding were deemed to be sufficiently available to meet the Fund's current obligations.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (continued)
as at 31 December 2024 and for the year then ended

22. NOTES TO ADDITIONAL FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES

The following table presents carrying amounts and fair values of the financial instruments presented in the Fund's financial statements at the end of the year:

| | 31 December 2024 | |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Carrying amount VND | Fair value VND |
| Assets | | |
| Cash at banks and cash equivalents | 2,652,502,659 | 2,652,502,659 |
| Investments | 1,777,721,489,800 | 1,777,721,489,800 |
| - Listed shares | 1,777,721,489,800 | 1,777,721,489,800 |
| Receivables | 915,650,000 | 915,650,000 |
| | 1,781,289,642,459 | 1,781,289,642,459 |
| Liabilities | | |
| Accrued expenses | 1,762,737,192 | (*) |
| Service fees payables | 161,400,000 | (*) |
| | 1,924,137,192 | |

(*) The fair value of these financial assets and liabilities cannot be determined because the Vietnamese Accounting Standards and the Accounting System for Portfolio Exchange Traded Funds and regulations of the Ministry of Finance have not yet provided specific guidance on the determination of fair value.

The fair values of financial assets and financial liabilities are stated at the amount to which the financial instrument can be converted in an existing transaction between the parties, except where required must be sold or disposed of.

The Fund uses the following methods and assumptions to estimate fair value:

- Fair value of cash and cash equivalents, receivables, accrued expenses and service fees payables is equal to the carrying amount of these items due to periodic terms.
- Fair value of shares is estimated using the valuation method specified in Note 3.4.

23. EVENTS AFTER THE STATEMENT OF REPORTING DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the reporting date that requires adjustment or disclosure in the financial statements of the Fund.

Ho Chi Minh City, Vietnam
28 March 2025

Prepared by:



Ms. Vo Xuan Quy
Accountant

Reviewed by:



Ms. Vu Thi Lan Huong
Person in charge of
accountant

Approved by:



Mr. Yun Hang Jin
General Director